

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **1647**/TB-SYT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **10** tháng 5 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc công bố Bệnh viện quận Tân Phú đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, lần 4

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ Công văn số 376/K2ĐT-ĐH ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ;

Thực hiện Quyết định số 2269/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Sau khi xem xét hồ sơ đề nghị của Bệnh viện quận Tân Phú tại Bản công bố số 562/BVQTP-KHTH ngày 19/3/2024 (Mã hồ sơ: H29.19-240401-0014) và đối chiếu với các quy định tại Khoản 2 Điều 8, Điều 9 và Khoản 2 Điều 10 Nghị định 111/2017/NĐ-CP của Chính phủ, Sở Y tế thông báo về Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

- Tên cơ sở được công bố: **BỆNH VIỆN QUẬN TÂN PHÚ**
- Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: 04033/SYT-GPHĐ do Sở Y tế cấp ngày 02 tháng 12 năm 2022.
- Địa chỉ: số 609 - 611 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Người chịu trách nhiệm chuyên môn: BSCKII. Nguyễn Thanh Trường
- Điện thoại liên hệ: 028.54088924; Email: bv.tanphu@tpcm.gov.vn
- Đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành:
- Đại học: Dược; Răng Hàm Mặt.
- Tên môn thực hành, nội dung thực hành, số lượng người thực hành có thể nhận được công bố chi tiết trong hồ sơ đính kèm.

8. Trách nhiệm của cơ sở thực hành:

a) Cơ sở thực hành chỉ được ký hợp đồng đào tạo thực hành sau khi được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Sở Y tế và tổ chức triển khai hoạt động đào tạo thực hành theo chương trình đào tạo thực hành đã công bố;

b) Bảo đảm các yêu cầu của cơ sở thực hành theo quy định của Nghị định số 111/2017/NĐ-CP của Chính phủ;

c) Phối hợp với cơ sở giáo dục bảo đảm chất lượng đào tạo thực hành theo chương trình đào tạo thực hành;

d) Xác nhận kết quả thực hành của người học thực hành;

e) Thường xuyên cập nhật trên trang thông tin điện tử của cơ sở: danh sách người giảng dạy thực hành, số lượng, loại hình, ngành, chuyên ngành, trình độ đào tạo thực hành, số lượng tối đa người học thực hành có thể nhận, số lượng người học thực hành đang thực hành tại cơ sở.

(Đính kèm hồ sơ đề nghị Công bố của Bệnh viện quận Tân Phú)

Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh trân trọng thông báo đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan được biết. /.

Nơi nhận:

- Cục KHCN và Đào tạo, Bộ Y tế;
- GD, các PGD Sở Y tế;
- Bệnh viện quận Tân Phú;
- Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- Các Phòng chuyên môn thuộc Sở Y tế;
- Cổng thông tin điện tử của Sở Y tế;
- Lưu: VT, TCCB (MT/01b).



Nguyễn Văn Vĩnh Châu

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN QUẬN TÂN PHÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 562 /BVQTP-KHTH

Tân Phú, ngày 19 tháng 3 năm 2024

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong đào tạo khối ngành sức khỏe**

Kính gửi: Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên cơ sở công bố: **BỆNH VIỆN QUẬN TÂN PHÚ**

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 04033/SYT-GPHĐ do Sở Y tế TP.HCM cấp ngày 02/12/2022.

Địa điểm: 609 - 611 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP.HCM.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Bs CK2. Nguyễn Thanh Trường

Điện thoại: (028) 54088924

Email: bv.tanphu@tphcm.gov.vn

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: Dược sĩ, Răng Hàm Mặt
2. Trình độ đào tạo thực hành: Đại học
3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ): (đính kèm phụ lục).
4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: (đính kèm phụ lục).
5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế răng tại mỗi khoa phòng: (đính kèm phụ lục)
6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành: (đính kèm phụ lục).

Bệnh viện cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Sở Y tế xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTH, N.Đ. Minh.



Nguyễn Thanh Trường

THÔNG TIN VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN (Tại 1 thời điểm)

(Đính kèm Bản công bố số 562/BVQTP-KHTH ngày 19/3/2024)

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
I. Đại học/ Dược học (năm thứ năm)												
1	7720201	Đại học	Dược học (năm thứ năm)	Thực tập tốt nghiệp	- Giới thiệu công tác Khoa Dược, nghiệp vụ dược chung tại bệnh viện: hoạt động nhà thuốc bệnh viện, dược lâm sàng bệnh viện, hoạt động kho chẩn, kho lẻ - Giới thiệu tổ chức hoạt động của Khoa Dược, các quy chế dược chính, các hoạt động liên quan về cung ứng thuốc trong bệnh viện. - Giới thiệu về tổ chức, nhiệm vụ và hoạt động Hội đồng thuốc và điều trị, vai trò và công tác của dược sĩ lâm sàng trong bệnh viện. Hướng dẫn các nguyên tắc sử dụng thuốc tại các khoa lâm sàng. - Giới thiệu ý nghĩa, yêu cầu, nội dung của một kho bảo quản đạt GSP và tổ chức hoạt động bảo quản thuốc tại kho thuốc bệnh viện. - Mô tả các hoạt động sắp xếp thuốc. Trình bày cách thức theo dõi và đảm bảo chất lượng thuốc trong quá trình bảo quản tại kho.	Khoa Dược	3	30	0	0	0	30

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					- Mô tả quy trình cung ứng thuốc, hướng dẫn cách xây dựng danh mục thuốc tại bệnh viện, trình bày cách tổ chức cấp phát thuốc đến người bệnh (ngoại trú, nội trú, bảo hiểm y tế) một cách an toàn, hiệu quả, hợp lý. Thuốc tồn trữ và hoàn trả, cách thức xử lý. - Các quy trình thao tác chuẩn (SOP) trong Khoa Dược, các qui định về thực hành tốt bảo quản thuốc (GSP), thực hành tốt phân phối thuốc (GDP) - Giới thiệu cách thức tổ chức và vận hành hoạt động của nhà thuốc đạt chuẩn GPP. Thực hành các hoạt động chuyên môn liên quan tại nhà thuốc như bảo quản thuốc, nhập thuốc từ các nhà cung ứng hợp pháp, tư vấn và bán thuốc, các quy định lưu trữ chứng từ, quản trị hoạt động tại nhà thuốc.							
Tổng (I)							3	30	0	0	0	30

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
II. Đại học/ Răng Hàm Mặt (năm thứ ba)												
1	7720501	Đại học	Răng Hàm Mặt (năm thứ ba)	Thực tập Nội cơ sở và bệnh lý	Thực tập Nội tim mạch: - Làm được một bệnh án nội khoa hoàn chỉnh - Biết cách ghi toa thuốc - Chẩn đoán được các bệnh sau: Tăng huyết áp, Suy tim, Bệnh van tim, Bệnh động mạch vành cấp, mạn, Thấp tim (nếu có), Viêm nội tâm mạc nhiễm trùng (nếu có), Bệnh cơ tim (nếu có) Thực tập Nội hô hấp: - Thành thực các xác định và chẩn đoán phân biệt, mức độ, biến chứng (nếu có) được một số các bệnh lý hô hấp thường gặp. - Đề nghị và biện luận tốt các cận lâm sàng hô hấp, biết phối hợp và giải thích lý luận các biểu hiện lâm sàng và cận lâm sàng - Xử trí nhất là sơ cứu ban đầu các bệnh lý hô hấp	Khoa Nội - Nhiễm	2	20	106	318	0	20
						Khoa Khám bệnh	4	40	0	0	0	40

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					- Xử trí sơ cứu được bệnh nhân suy hô hấp, biết cách cho thở Oxy, thở các loại Venturi, masque túi, biết cho bệnh nhân phun khí dung, chỉ định các thuốc cấp cứu hô hấp, nếu biết đặt nội khí quản thì càng tốt - Biết được tác dụng chính, phụ, liều dùng của một số thuốc hô hấp thông thường như dẫn phế quản, corticoid, kháng sinh, long đàm, các thuốc loãng đàm, tương tác thuốc khi sử dụng - Biết theo dõi diễn tiến điều trị bệnh nhân: theo dõi tình trạng khó thở, suy hô hấp, nhiễm trùng, các đợt cấp của bệnh lý mãn tính - Biết tiên lượng bệnh							

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					Thực tập Tiêu hóa gan mật: - Làm được một bệnh án nội khoa hoàn chỉnh - Biết cách ghi toa thuốc - Chẩn đoán được các bệnh sau: XHTH do viêm loét dạ dày tá tràng, do vỡ giãn TMTQ, Xơ gan và các biến chứng như VPM tự phát, bệnh não gan, Viêm loét dạ dày tá tràng, nhiễm H. pylori, Viêm tụy cấp, Viêm gan cấp, Viêm gan mạn do siêu vi B, rượu							
					Thực tập Nội thận: - Làm được một bệnh án nội khoa hoàn chỉnh - Biết cách ghi toa thuốc - Chẩn đoán được các bệnh sau: Suy thận mạn: điều trị bảo tồn và chỉ định các phương pháp điều trị thay thế thận; Suy thận cấp; Bệnh lý cầu thận; Viêm ống thận mô kẽ cấp và mạn							

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					Thực tập Nội tiết: - Làm được một bệnh án nội khoa hoàn chỉnh - Biết cách ghi toa thuốc: + Bệnh Đái Tháo Đường: Nắm được tiêu chuẩn chẩn đoán xác định bệnh đái tháo đường và chẩn đoán thể bệnh; Biết cách hỏi bệnh sử, khám và biện luận chẩn đoán trường hợp bệnh đái tháo đường hay hạ đường huyết; Nêu được các biến chứng cấp và mãn tính của bệnh đái tháo đường; Biết cách hỏi bệnh sử, khám và đề nghị xét nghiệm để tầm soát biến chứng mãn tính trên bệnh nhân đái tháo đường; Biết được cơ chế tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, tác dụng phụ của các thuốc viên hạ đường huyết; Biết được các chế phẩm insulin, được động học của từng loại insulin và cách chích insulin; Biết cách chọn lựa, phối hợp thuốc thích hợp cho bệnh nhân đái tháo đường.							

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					+ Bệnh lý tuyến giáp: Biết cách hỏi bệnh sử và khám phát hiện các triệu chứng của hội chứng cường giáp (khám run tay, dấu ghê đầu, các biến hiện ở mắt,...) và hội chứng suy giáp trên bệnh nhân; Biết được khám tuyến giáp và mô tả đầy đủ các tính chất của tuyến giáp khám được; Nêu được nguyên nhân của hội chứng cường giáp và hội chứng suy giáp; Biết cách biện luận chẩn đoán và đề nghị cận lâm sàng cũng như biện luận kết quả cận lâm sàng để chẩn đoán xác định và chẩn đoán nguyên nhân của hội chứng cường giáp và hội chứng suy giáp; Nêu được các biện pháp điều trị cường giáp, suy giáp;							

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					+ Bệnh lý tuyến thượng thận: Biết cách hỏi bệnh sử và khám phát hiện các triệu chứng của hội chứng Cushing và suy thượng thận mạn, suy thượng thận cấp; Nêu được các nguyên nhân của hội chứng Cushing và suy thượng thận mạn, suy thượng thận cấp; Biết cách đề nghị thực hiện các xét nghiệm theo thứ tự để biện luận chẩn đoán xác định, chẩn đoán nguyên nhân của hội chứng Cushing và suy thượng thận							
					Thực tập Cơ Xương Khớp: Chẩn đoán được các bệnh sau: + Loãng xương + Lupus đỏ + Viêm khớp dạng thấp, viêm khớp nhiễm trùng + Gout + Thoái hóa khớp							

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
2	7720501	Đại học	Răng Hàm Mặt (năm thứ ba)	Thực tập Ngoại cơ sở và bệnh lý	Thực tập Tiêu hóa: - Kiến tập nội soi cắt túi mật; PT cắt dạ dày; PT cắt đại tràng; chọc hút áp xe gan qua siêu âm - Kiến tập phẫu thuật tái tạo thành bẹn; phẫu thuật cắt trĩ/ cắt dò hậu môn Thực tập Lồng ngực - mạch máu: - Kiến tập phẫu thuật đặt ống dẫn lưu kín xoang màng phổi; phẫu thuật cắt tuyến giáp. Thực tập Cấp cứu: - Kiến tập PTNS cắt ruột thừa - Kiến tập một cas nội soi ống tiêu hóa trên	Khoa Ngoại Tổng hợp	2	20	60	180	0	20
Tổng (II)							8	80	166	498	0	80
TỔNG CỘNG (I) + (II)							11	110	166	498	0	110

CÁN BỘ LẬP BẢNG

Nguyễn Đức Minh

Tân Phú, ngày 19 tháng 3 năm 2024



Nguyễn Thanh Trường

**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/ GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**
(Đính kèm Bản công bố số 562/BVQTP-KHTH ngày 19/3/2024)

TT	Họ và tên	Học hàm học vị; chuyên khoa/ nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Ngành/ chuyên ngành đang hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học/ học phần/ tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
	Đại học/ Dược học									
1	Trương Ánh Tuyết	Dược sĩ Chuyên khoa cấp I	Dược sĩ	795/ HCM-CCHND	Sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ, dịch vụ bảo quản và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc	9	Thực tập tốt nghiệp	- Giới thiệu công tác Khoa Dược, nghiệp vụ dược chung tại bệnh viện: hoạt động nhà thuốc bệnh viện, dược lâm sàng bệnh viện, hoạt động khoa chẩn, kho lẻ - Giới thiệu tổ chức hoạt động của Khoa Dược, các quy chế dược chính, các hoạt động liên quan về cung ứng thuốc trong bệnh viện. - Giới thiệu về tổ chức, nhiệm vụ và hoạt động Hội đồng thuốc và điều trị, vai trò và công tác của dược sĩ lâm sàng trong bệnh viện. Hướng dẫn các nguyên tắc sử dụng thuốc tại các khoa lâm sàng. - Giới thiệu ý nghĩa, yêu cầu, nội dung của một kho bảo quản đạt GSP và tổ chức hoạt động bảo quản thuốc tại kho thuốc bệnh viện. - Mô tả các hoạt động sắp xếp thuốc. Trình bày cách thức theo dõi và đảm bảo chất lượng thuốc trong quá trình bảo quản tại kho.	Khoa Dược	0
2	Nguyễn Ngọc Thảo	Dược sĩ đại học	Dược sĩ	2692/ HCM-CCHND	Đủ tiêu chuẩn hành nghề dược các hình thức tổ chức kinh doanh thuốc: Cơ sở bán lẻ thuốc: Nhà thuốc	8				

TT	Họ và tên	Học hàm học vị; chuyên khoa/ nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Ngành/ chuyên ngành đang hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học/ học phần/ tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
3	Trần Đình Tuấn Dũng	Dược sĩ đại học	Dược sĩ	6688/ CCHN-D-SYT-HCM	Bán lẻ dược	2		- Mô tả quy trình cung ứng thuốc, hướng dẫn cách xây dựng danh mục thuốc tại bệnh viện, trình bày cách tổ chức cấp phát thuốc đến người bệnh (ngoại trú, nội trú, bảo hiểm y tế) một cách an toàn, hiệu quả, hợp lý. Thuốc tồn trữ và hoàn trả, cách thức xử lý. - Các quy trình thao tác chuẩn (SOP) trong Khoa Dược, các qui định về thực hành tốt bảo quản thuốc (GSP), thực hành tốt phân phối thuốc (GDP) - Giới thiệu cách thức tổ chức và vận hành hoạt động của nhà thuốc đạt chuẩn GPP. Thực hành các hoạt động chuyên môn liên quan tại nhà thuốc như bảo quản thuốc, nhập thuốc từ các nhà cung ứng hợp pháp, tư vấn và bán thuốc, các quy định lưu trữ chứng từ, quản trị hoạt động tại nhà thuốc.	Khoa Dược	0
II. Đại học/ Răng Hàm Mặt										
1	Võ Tấn Kiệt	Chuyên khoa cấp I	Thần kinh	002575/ HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	10	Thực tập Nội cơ sở và bệnh lý	Thực tập Nội tim mạch: - Làm được một bệnh án nội khoa hoàn chỉnh - Biết cách ghi toa thuốc - Chẩn đoán được các bệnh sau: Tăng huyết áp, Suy tim, Bệnh van tim, Bệnh động mạch vành cấp, mạn, Thấp tim (nếu có), Viêm nội tâm mạc nhiễm trùng (nếu có), Bệnh cơ tim (nếu có)	Khoa Nội Nhiễm	106
2	Nguyễn Hữu Thiện	Thạc sĩ	Nội tổng quát (Nội khoa)	009929/ HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	9				

TT	Họ và tên	Học hàm học vị; chuyên khoa/ nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Ngành/ chuyên ngành đang hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học/ học phần/ tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
3	Võ Thị Thu Hà	Thạc sĩ	Nội khoa	004359/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa không làm thủ thuật chuyên khoa	10		Thực tập Nội hô hấp: - Thành thực các xác định và chẩn đoán phân biệt, mức độ, biến chứng (nếu có) được một số các bệnh lý hô hấp thường gặp. - Đề nghị và biện luận tốt các cận lâm sàng hô hấp, biết phối hợp và giải thích lý luận các biểu hiện lâm sàng và cận lâm sàng - Xử trí nhất là sơ cứu ban đầu các bệnh lý hô hấp - Xử trí sơ cứu được bệnh nhân suy hô hấp, biết cách cho thở Oxy, thở các loại Venturi, masque túi, biết cho bệnh nhân phun khí dung, chỉ định các thuốc cấp cứu hô hấp, nếu biết đặt nội khí quản thì càng tốt - Biết được tác dụng chính, phụ, liều dùng của một số thuốc hô hấp thông thường như dẫn phế quản, corticoid, kháng sinh, long đàm, các thuốc loãng đàm, tương tác thuốc khi sử dụng - Biết theo dõi diễn tiến điều trị bệnh nhân: theo dõi tình trạng khó thở, suy hô hấp, nhiễm trùng, các đợt cấp của bệnh lý mãn tính - Biết tiên lượng bệnh Thực tập Tiêu hóa gan mật: - Làm được một bệnh án nội khoa hoàn chỉnh - Biết cách ghi toa thuốc	Khoa Khám bệnh	0
4	Nguyễn Thanh Tân	Chuyên khoa cấp I	Nội tổng quát	0024186/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	8				
5	Trần Kim Hà	Chuyên khoa cấp I	Lão khoa	011035/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tổng hợp	9				

TT	Họ và tên	Học hàm học vị; chuyên khoa/ nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Ngành/ chuyên ngành đang hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học/ học phần/ tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
6	Vũ Văn Bảy	Chuyên khoa cấp I	Nội tổng hợp	0028936 /HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tổng hợp	7		- Chẩn đoán được các bệnh sau: XHTH do viêm loét dạ dày tá tràng, do vỡ giãn TMTQ, Xơ gan và các biến chứng như VPM tự phát, bệnh não gan, Viêm loét dạ dày tá tràng, nhiễm H. pylori, Viêm tụy cấp, Viêm gan cấp, Viêm gan mạn do siêu vi B, rượu Thực tập Nội thận: - Làm được một bệnh án nội khoa hoàn chỉnh - Biết cách ghi toa thuốc - Chẩn đoán được các bệnh sau: Suy thận mạn: điều trị bảo tồn và chỉ định các phương pháp điều trị thay thế thận; Suy thận cấp; Bệnh lý cầu thận; Viêm ống thận mô kẽ cấp và mạn Thực tập Nội tiết: - Làm được một bệnh án nội khoa hoàn chỉnh - Biết cách ghi toa thuốc: + Bệnh Đái Tháo Đường: Nắm được tiêu chuẩn chẩn đoán xác định bệnh đái tháo đường và chẩn đoán thể bệnh; Biết cách hỏi bệnh sử, khám và biện luận chẩn đoán trường hợp bệnh đái tháo đường hay hạ đường huyết; Nêu được các biến chứng cấp	Khoa Khám bệnh	0

TT	Họ và tên	Học hàm học vị; chuyên khoa/ nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Ngành/ chuyên ngành đang hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học/ học phần/ tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
								và mãn tính của bệnh đái tháo đường; Biết cách hỏi bệnh sử, khám và đề nghị xét nghiệm để tầm soát biến chứng mãn tính trên bệnh nhân đái tháo đường; Biết được cơ chế tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, tác dụng phụ của các thuốc viên hạ đường huyết; Biết được các chế phẩm insulin, được động học của từng loại insulin và cách chích insulin; Biết cách chọn lựa, phối hợp thuốc thích hợp cho bệnh nhân đái tháo đường. + Bệnh lý tuyến giáp: Biết cách hỏi bệnh sử và khám phát hiện các triệu chứng của hội chứng cường giáp (khám run tay, dấu ghê đầu, các biến hiện ở mắt,...) và hội chứng suy giáp trên bệnh nhân; Biết được khám tuyến giáp và mô tả đầy đủ các tính chất của tuyến giáp khám được; Nêu được nguyên nhân của hội chứng cường giáp và hội chứng suy giáp; Biết cách biện luận chẩn đoán và đề nghị cận lâm sàng cũng như biện luận kết quả cận lâm sàng để chẩn đoán xác định và chẩn đoán nguyên nhân của hội chứng cường giáp và hội chứng suy giáp; Nêu được các biện pháp điều trị cường giáp, suy giáp;		

TT	Họ và tên	Học hàm học vị; chuyên khoa/ nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Ngành/ chuyên ngành đang hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học/ học phần/ tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
								+ Bệnh lý tuyến thượng thận: Biết cách hỏi bệnh sử và khám phát hiện các triệu chứng của hội chứng Cushing và suy thượng thận mạn, suy thượng thận cấp; Nêu được các nguyên nhân của hội chứng Cushing và suy thượng thận mạn, suy thượng thận cấp; Biết cách đề nghị thực hiện các xét nghiệm theo thứ tự để biện luận chẩn đoán xác định, chẩn đoán nguyên nhân của hội chứng Cushing và suy thượng thận Thực tập Cơ Xương Khớp: Chẩn đoán được các bệnh sau: Loãng xương, Lupus đỏ, Viêm khớp dạng thấp, viêm khớp nhiễm trùng, Gout, Thoái hóa khớp		

TT	Họ và tên	Học hàm học vị; chuyên khoa/ nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Ngành/ chuyên ngành đang hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học/ học phần/ tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
7	Đặng Thanh Phú	Chuyên khoa cấp II	Ngoại khoa	000618/ BĐ- CCHN	Khám và điều trị bệnh Ngoại khoa	10	Thực tập Ngoại cơ sở và bệnh lý	Thực tập Tiêu hóa: - Kiến tập nội soi cắt túi mật; PT cắt dạ dày; PT cắt đại tràng; chọc hút áp xe gan qua siêu âm - Kiến tập phẫu thuật tái tạo thành bẹn; phẫu thuật cắt trĩ/ cắt dò hậu môn Thực tập Lồng ngực - mạch máu: Kiến tập phẫu thuật đặt ống dẫn lưu kín xoang màng phổi; phẫu thuật cắt tuyến giáp. Thực tập Cấp cứu: - Kiến tập PTNS cắt ruột thừa - Kiến tập một cas nội soi ống tiêu hóa trên	Khoa Ngoại tổng hợp	60
8	Nguyễn Thiện Thuật	Chuyên khoa cấp I	Chấn thương chỉnh hình	0022486 /HCM- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa CTCH	8				

CÁN BỘ LẬP BẢNG



Nguyễn Đức Minh

Tân Phú, ngày 19 tháng 3 năm 2024



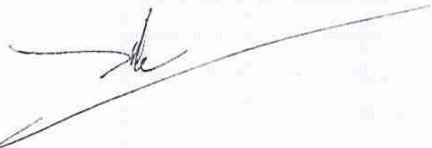
Nguyễn Thanh Trường

DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Đính kèm Bản công bố số 562/BVQTP-KHTH ngày 14/3/2024)

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng
	Hội trường bệnh viện	
1	Phòng học	1
2	Máy tính (laptop)	1
3	Máy chiếu	1
4	Màn chiếu	1
5	Bảng viết lớn	1
	Khoa Dược	
1	Phòng giao ban tại khoa	1
2	Kho thuốc nội trú	1
3	Kho thuốc ngoại trú	1
4	Nhà thuốc	1
5	Máy tính + phần mềm cấp phát thuốc	2
	Khoa Nội - Nhiễm	
6	Giường bệnh	106
7	Phòng giao ban tại khoa	1
8	Bộ đo huyết áp	10
9	Ống nghe	10
10	Máy điện tim	1
11	Hệ thống khí y tế	1
12	Monitor theo dõi bệnh nhân	1
13	Máy thở CPAP	1
14	Máy bơm tiêm tự động	1
	Khoa Khám bệnh	
15	Phòng khám	13

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng
16	Bàn khám	24
17	Phòng giao ban tại khoa	1
18	Bộ đo huyết áp	20
19	Ổng nghe	20
20	Máy điện tim	1
21	Máy đo điện cơ	1
22	Máy đo chức năng hô hấp	1
	Khoa Ngoại	
23	Giường bệnh	60
24	Phòng giao ban tại khoa	1
25	Bộ đo huyết áp	5
26	Ổng nghe	5
27	Máy laser CO2	1
28	Máy đốt điện	1
29	Bộ đại phẫu	1
30	Bộ trung phẫu	6
31	Máy shock điện	1
32	Hệ thống gây mê giúp thở + monitor	1
33	Bộ đặt nội khí quản	1
34	Máy cắt đốt cao tần	1
35	Máy đo độ giãn cơ	1

CÁN BỘ LẬP BẢNG



Nguyễn Đức Minh

Tân Phú, ngày 14 tháng 3 năm 2024

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Trường

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04033.../HCM-GPHĐ

**GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

- Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;
- Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Dịch vụ Y tế - Sở Y tế TP. Hồ Chí Minh,

CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: **BỆNH VIỆN QUẬN TÂN PHÚ**

Tên người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật: **Bác sĩ Nguyễn Thanh Trường**

Số CCHN: 014085/HCM-CCHN; Ngày cấp: 21/12/2013; Nơi cấp: Sở Y tế TP.HCM

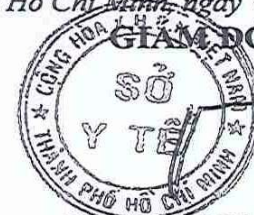
Hình thức tổ chức: **Bệnh viện đa khoa**

Địa điểm hành nghề: 609-611 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện kỹ thuật chuyên môn được Giám đốc Sở Y tế phê duyệt ban hành kèm theo Giấy phép hoạt động.

Thời gian làm việc hằng ngày: 24/24 giờ./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 12 năm 2022



Tăng Chí Thượng

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5836/QĐ-SYT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Bệnh viện quận Tân Phú trực thuộc Sở Y tế**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19 tháng 9 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Bệnh viện;

Căn cứ Quyết định số 1449/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức lại Bệnh viện quận Tân Phú trực thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Phú thành Bệnh viện quận Tân Phú trực thuộc Sở Y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Bệnh viện quận Tân Phú tại Tờ trình số 1393/TTr-BVQ ngày 20 tháng 8 năm 2020 và đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức Cán bộ, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện quận Tân Phú trực thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở Y tế, các Trưởng phòng chức năng thuộc Sở Y tế, Giám đốc Bệnh viện quận Tân Phú và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Nhà*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban nhân dân quận Tân Phú;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở Y tế;
- Các cơ quan, đơn vị sự nghiệp trực thuộc;
- Các Phòng chức năng thuộc Sở Y tế;
- Cổng thông tin điện tử Sở Y tế;
- Lưu: VT, TCCB/VĐT (04b).

TTHH



Nguyễn Tấn Bình



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Bệnh viện quận Tân Phú
trực thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5836/QĐ-SYT
ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Giám đốc Sở Y tế)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí pháp lý

Bệnh viện quận Tân Phú là đơn vị sự nghiệp y tế công lập trực thuộc Sở Y tế, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước và Ngân hàng để hoạt động theo quy định của pháp luật.

Bệnh viện quận Tân Phú chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về tổ chức, nhân lực, hoạt động, tài chính và cơ sở vật chất của Sở Y tế và chịu sự quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú theo quy định của pháp luật.

Trụ sở làm việc đặt tại: Số 609 - 611, đường Âu Cơ, Phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ sở 2: Số 34 đường Trần Văn Giáp, Phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại liên lạc: 028.5408.924

Đường dây nóng: 19009095 - 0966371010

Email: bv.tanphu@tphcm.gov.vn

Chương II CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

Điều 2. Chức năng

Bệnh viện quận Tân Phú có chức năng khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nhiệm vụ

1. Thực hiện sơ cứu, cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng theo quy định của cấp có thẩm quyền và giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cho các trường hợp bệnh nhân tự đến, bệnh nhân được chuyển tuyến, bệnh

nhân do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến trên chuyển về để tiếp tục theo dõi điều trị, chăm sóc, phục hồi chức năng; thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật, chuyển tuyến theo quy định của pháp luật; khám sức khỏe và chứng nhận sức khỏe theo quy định; tham gia khám giám định y khoa, khám giám định pháp y khi được trung cầu.

2. Phối hợp thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản và cải thiện tình trạng dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp thực hiện các hoạt động phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm, HIV/AIDS, bệnh không lây nhiễm, bệnh chưa rõ nguyên nhân; tiêm chủng phòng bệnh; y tế trường học; phòng, chống các yếu tố nguy cơ tác động lên sức khỏe, phát sinh, lây lan dịch, bệnh; quản lý và nâng cao sức khỏe cho người dân.

4. Phối hợp thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với các cơ sở y tế; vệ sinh và sức khỏe lao động, phòng, chống bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích.

5. Thực hiện các xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh phục vụ cho hoạt động chuyên môn, kỹ thuật theo chức năng, nhiệm vụ của Bệnh viện và nhu cầu của người dân; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm và an toàn bức xạ theo quy định.

6. Thực hiện tuyên truyền, cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước về y tế; tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe về y tế, chăm sóc sức khỏe trên địa bàn.

7. Chỉ đạo tuyến, hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật đối với các phòng khám đa khoa khu vực, nhà hộ sinh, trạm y tế phường.

8. Thực hiện đào tạo liên tục cho đội ngũ viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định; tập huấn, bồi dưỡng cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực phụ trách cho các đối tượng theo phân công, phân cấp của Sở Y tế; là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe và hướng dẫn thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng và tiếp nhận thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế, hóa chất, trang thiết bị, vật tư y tế tiêu hao phục vụ cho hoạt động chuyên môn theo phân cấp của Sở Y tế và quy định của pháp luật.

10. Triển khai thực hiện các dự án, chương trình y tế ở địa phương theo phân công, phân cấp của Sở Y tế; thực hiện kết hợp quân - dân y theo tình hình thực tế ở địa phương.

11. Thực hiện ký hợp đồng với cơ quan bảo hiểm xã hội để tổ chức khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại bệnh viện theo quy định của pháp luật.

12. Nghiên cứu và tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật về lĩnh vực liên quan.

13. Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo theo quy định của pháp luật.

14. Thực hiện quản lý nhân lực, tài chính, tài sản theo phân cấp và theo quy định của pháp luật.

15. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Giám đốc Sở Y tế giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền hạn của bệnh viện

1. Bệnh viện được thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo phân cấp của Sở Y tế, chịu trách nhiệm trước Sở Y tế và trước pháp luật về mọi hoạt động;

2. Bệnh viện được hưởng các chính sách ưu đãi khi thực hiện các hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh và đào tạo cán bộ y tế theo quy định của pháp luật;

3. Được ký kết các hợp đồng liên doanh, liên kết, hợp tác với các đơn vị, tổ chức, các chuyên gia trong và ngoài nước trên cơ sở các quy định của pháp luật để phục vụ có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ được giao.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC

Điều 5. Lãnh đạo bệnh viện và người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của bệnh viện

1. Bệnh viện có Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc.

2. Giám đốc là người đứng đầu Bệnh viện quận Tân Phú, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Y tế và trước pháp luật trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng và các công việc khác khi được phân công hoặc ủy quyền.

3. Phó Giám đốc là người giúp Giám đốc chỉ đạo một số lĩnh vực công tác, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc vắng mặt, một Phó Giám đốc được Giám đốc ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Bệnh viện quận Tân Phú.

4. Việc bổ nhiệm Giám đốc và Phó Giám đốc Bệnh viện quận Tân Phú được thực hiện theo quy định của pháp luật. Việc miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ chính sách đối với Giám đốc và Phó Giám đốc Bệnh viện quận Tân Phú thực hiện theo quy định của pháp luật.

5. Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của bệnh viện phải được Giám đốc Bệnh viện phân công bằng văn bản, trừ trường hợp Giám đốc Bệnh viện là người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của bệnh viện.

Điều 6. Các Hội đồng trong bệnh viện

1. Bệnh viện quận Tân Phú được phép thành lập các Hội đồng để phục vụ nhiệm vụ chính trị, công tác chuyên môn theo quy định của pháp luật. Các Hội đồng trong bệnh viện, gồm:

SỞ
Y
T
E
T
ÂN
P
H
Ú

- a) Hội đồng quản lý chất lượng;
- b) Hội đồng khoa học và công nghệ;
- c) Hội đồng thuốc và điều trị;
- d) Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học;
- e) Hội đồng thi đua khen thưởng;
- g) Hội đồng kiểm soát nhiễm khuẩn;
- h) Hội đồng điều dưỡng.

2. Khi cần thiết theo yêu cầu công tác, bệnh viện có thể thành lập các hội đồng khác cho phù hợp với tình hình thực tế. Hoạt động của các hội đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 7. Các phòng chức năng, các khoa lâm sàng, cận lâm sàng và các phòng khám đa khoa được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1449/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức lại Bệnh viện quận Tân Phú trực thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Phú thành Bệnh viện quận Tân Phú trực thuộc Sở Y tế; Quyết định số 1895/1997/BYT-QĐ ngày 19 tháng 9 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế bệnh viện; các văn bản pháp luật ban hành từ cơ quan quản lý về việc hướng dẫn thành lập, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ các khoa, phòng tại bệnh viện, bao gồm các khoa, phòng như sau:

1. Các Phòng chức năng:

- 1.1. Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị;
- 1.2. Phòng Công tác xã hội;
- 1.3. Phòng Kế hoạch tổng hợp;
- 1.4. Phòng Tài chính - Kế toán;
- 1.5. Phòng Vật tư thiết bị y tế;
- 1.6. Phòng Điều dưỡng;

2. Các Khoa lâm sàng:

- 2.1. Khoa Khám bệnh;
- 2.2. Khoa Hồi sức cấp cứu;
- 2.3. Khoa Nội - Nhiễm;
- 2.4. Khoa Ngoại tổng hợp;
- 2.5. Khoa Nhi;
- 2.6. Khoa Phụ sản;
- 2.7. Khoa Giải phẫu bệnh;
- 2.8. Khoa Y học cổ truyền - Vật lý trị liệu;

- 2.9. Khoa Tai mũi họng;
- 2.10. Khoa Mắt;
- 2.11. Khoa Răng Hàm Mất;
- 2.12. Khoa Dinh dưỡng - Tiết chế.

3. Các Khoa cận lâm sàng:

- 3.1. Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn;
- 3.2. Khoa Xét nghiệm;
- 3.3. Khoa Dược;
- 3.4. Khoa Chẩn đoán hình ảnh.

4. Các đơn vị trực thuộc:

Phòng khám đa khoa vệ tinh đặt tại Trạm Y tế Phường Tây Thạnh.

Khi cần thiết theo yêu cầu công tác, Giám đốc Bệnh viện quận Tân Phú có thể đề nghị với Giám đốc Sở Y tế thành lập, sáp nhập hoặc điều chỉnh các khoa, phòng chuyên môn cho phù hợp với tình hình thực tế.

5. Việc bổ nhiệm Trưởng khoa, Trưởng phòng; Phó Trưởng khoa, Phó Trưởng phòng trực thuộc Bệnh viện quận Tân Phú do Giám đốc Sở Y tế bổ nhiệm hoặc phân cấp bổ nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Số lượng người làm việc và định mức giường bệnh

1. Số lượng người làm việc của Bệnh viện quận Tân Phú được xác định trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng số lượng người làm việc của sự nghiệp y tế được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho Sở Y tế hàng năm.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, danh mục vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm Bệnh viện quận Tân Phú xây dựng kế hoạch biên chế viên chức hoặc số lượng người làm việc theo quy định của pháp luật bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Số lượng giường bệnh được thực hiện theo chỉ tiêu của Sở Y tế giao hàng năm.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM LÃNH ĐẠO, QUAN HỆ CÔNG TÁC, NGUỒN TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 9. Trách nhiệm của lãnh đạo bệnh viện

- 1. Trách nhiệm của Giám đốc Bệnh viện:

- Phụ trách, điều hành toàn bộ các hoạt động của bệnh viện và phụ trách những công tác trọng tâm của bệnh viện.

- Căn cứ các quy định của pháp luật và phân công của Sở Y tế xây dựng Quy chế làm việc, chế độ thông tin báo cáo của đơn vị và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Quy chế đó.

- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Y tế và trước pháp luật về thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bệnh viện và các công việc được Sở Y tế, Giám đốc Sở Y tế phân công hoặc ủy quyền; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm giải trình khi để xảy ra tình trạng tham nhũng, lãng phí; gây thiệt hại trong tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của mình.

- Báo cáo Sở Y tế về tổ chức, hoạt động của đơn vị; báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận Tân Phú khi được yêu cầu; phối hợp với người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức chính trị - xã hội thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Phú để giải quyết những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và những vấn đề liên quan đến thực hiện Quy chế phối hợp hoạt động và mối quan hệ công tác giữa Sở Y tế và Ủy ban nhân dân các quận, huyện trong quản lý nhà nước về y tế trên địa bàn.

2. Trách nhiệm của các Phó Giám đốc Bệnh viện:

- Các Phó Giám đốc Bệnh viện phụ trách những lĩnh vực công tác được Giám đốc Bệnh viện phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

- Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Giám đốc khác, Phó Giám đốc chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Giám đốc quyết định các vấn đề chưa nhất trí với Phó Giám đốc khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

Điều 10. Mối quan hệ công tác

1. Bệnh viện quận Tân Phú chịu sự quản lý toàn diện về tổ chức, hoạt động, nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất của Sở Y tế và chịu sự quản lý nhà nước về công tác y tế của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú.

2. Bệnh viện quận Tân Phú chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của các Phòng chức năng thuộc Sở Y tế và các đơn vị sự nghiệp y tế tuyến trên trong phạm vi lĩnh vực chuyên môn có liên quan.

3. Bệnh viện quận Tân Phú có mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng với các cơ quan, đơn vị sự nghiệp y tế trực thuộc Sở Y tế và các cơ quan chuyên môn, tổ chức chính trị - xã hội thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Phú trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao.

Phối hợp hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân các phường thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về công tác y tế liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Bệnh viện quận Tân Phú.

Trường hợp chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Giám đốc các cơ quan, đơn vị sự nghiệp y tế trực thuộc Sở Y tế và Trưởng các cơ quan chuyên môn, tổ chức chính trị - xã hội thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Phú, Giám đốc Bệnh viện quận Tân Phú chủ động tập hợp các ý kiến và trình Ban Giám đốc Sở Y tế xem xét, quyết định.

Điều 11. Nguồn tài chính

Kinh phí hoạt động của Bệnh viện quận Tân Phú được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước, gồm:

1. Kinh phí từ chương trình mục tiêu y tế quốc gia.
2. Kinh phí từ viện phí, bảo hiểm y tế,...
3. Kinh phí từ dịch vụ y tế theo quy định của pháp luật.
4. Viện trợ và đầu tư nước ngoài, các tổ chức kinh tế khác và nguồn kinh phí hợp pháp khác.
5. Nguồn thu từ chương trình hợp tác, liên kết với bên ngoài trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Bệnh viện quận Tân Phú thực hiện chế độ thông tin và báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định và chỉ đạo của Sở Y tế, Ủy ban nhân dân quận Tân Phú và các đơn vị chuyên môn tuyến thành phố theo chỉ đạo tuyến.

Thông tin, báo cáo phải đầy đủ, thiết thực, kịp thời, đúng thời gian quy định nhằm phục vụ có hiệu quả công tác quản lý, điều hành của bệnh viện.

2. Trưởng các phòng, khoa chuyên môn và cán bộ, viên chức thuộc bệnh viện được phân công báo cáo phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo, số liệu đảm bảo chính xác, thông tin phải đầy đủ, nhận xét, đánh giá phải trung thực, khách quan, tiến độ báo cáo phải kịp thời, đúng thời gian quy định theo yêu cầu của Sở Y tế, Ủy ban nhân dân quận Tân Phú và các đơn vị chuyên môn tuyến thành phố theo chỉ đạo tuyến.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Căn cứ Quy chế này, Giám đốc Bệnh viện quận Tân Phú có trách nhiệm cụ thể hóa thành chương trình công tác, các mặt hoạt động, phối hợp công tác thuộc phạm vi, thẩm quyền của đơn vị, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

Giám đốc Bệnh viện quận Tân Phú chịu trách nhiệm ban hành Quy chế làm

việc của bệnh viện; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng, khoa chuyên môn và các đơn vị trực thuộc bệnh viện; tổ chức, sắp xếp các khoa, phòng trực thuộc, bố trí viên chức phù hợp với yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ và yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị, đảm bảo phát huy hiệu lực và hiệu quả, tổ chức thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân trên địa bàn.

Điều 14. Trong quá trình thực hiện, nếu xét thấy cần thiết, Giám đốc Bệnh viện quận Tân Phú đề xuất, kiến nghị Giám đốc Sở Y tế xem xét, quyết định việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy chế này cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn của thành phố và quy định của pháp luật hiện hành./.

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN QUẬN TÂN PHÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3.45/QĐ-BVQTP

Tân Phú, ngày 21. tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao chỉ tiêu giường bệnh cho các khoa điều trị nội trú
thuộc Bệnh viện quận Tân Phú năm 2023**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN QUẬN TÂN PHÚ

Căn cứ Quyết định số 1449/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Chủ tịch UBND Thành phố về việc tổ chức lại Bệnh viện quận Tân Phú trực thuộc UBND quận Tân Phú thành Bệnh viện quận Tân Phú trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 1895/1997/BYT-QĐ ngày 19 tháng 9 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế bệnh viện;

Căn cứ Quyết định số 966/QĐ-SYT ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Sở Y tế về việc giao chỉ tiêu giường bệnh cho các đơn vị thuộc ngành y tế TPHCM năm 2022;

Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Kế hoạch Tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao cho các khoa điều trị nội trú thuộc Bệnh viện quận Tân Phú chỉ tiêu kế hoạch giường bệnh năm 2023 (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch giường bệnh năm 2023, các khoa điều trị nội trú có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà) trưởng các phòng chức năng; các khoa trong toàn bệnh viện chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban Giám đốc;
- Lưu.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Trường



KẾ HOẠCH CHỈ TIÊU GIƯỜNG BỆNH NĂM 2023
(Ban hành kèm theo Quyết định số 445/QĐ-BVQTP ngày 21 tháng 02 năm 2023
của Giám đốc Bệnh viện quận Tân Phú)

STT	Khoa	Kế hoạch chỉ tiêu giường bệnh năm 2023
1	Khoa Hồi sức Cấp cứu	10
2	Khoa Nội – Nhiễm	106
3	Khoa Ngoại tổng hợp	60
4	Khoa Phụ Sản	60
5	Khoa Nhi	80
6	Khoa Mắt	5
7	Khoa Tai Mũi Họng	4
	Tổng cộng	325

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ Y TẾ

Số: 966 /QĐ-SYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2022

Người ký: Sở Y tế
Email: syt@phcm.gov.vn
Cơ quan: Thành phố Hồ Chí Minh
Thời gian ký: 10.03.2022 15:47:18

QUYẾT ĐỊNH

Về giao chỉ tiêu giường bệnh cho các đơn vị thuộc
ngành y tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 2022

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Y tế;

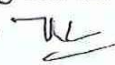
Căn cứ Quyết định số 1865/QĐ-UBND ngày 16 tháng 04 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành y tế Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

Theo công văn đề nghị của các đơn vị và Tờ trình ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính Sở Y tế về giao chỉ tiêu giường bệnh cho các đơn vị thuộc ngành y tế thành phố năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch chỉ tiêu giường bệnh năm 2022 của các đơn vị thuộc ngành y tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 5301/QĐ-SYT ngày 08 tháng 10 năm 2018 và Quyết định số 10764/QĐ-SYT ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở Y tế, Chánh thanh tra Sở Y tế, các Trưởng phòng chức năng Sở Y tế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Y tế và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND TP.HCM;
- Ban Giám đốc SYT;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Các phòng chức năng SYT;
- Lưu: VT, KHTC
(ĐTHT/VNT/120b).





**KẾ HOẠCH CHỈ TIÊU GIƯỜNG BỆNH NĂM 2022
CỦA ĐƠN VỊ TUYẾN THÀNH PHỐ**

(Kèm theo Quyết định số 966/QĐ-SYT ngày 10 tháng 7 năm 2022 của Sở Y tế
Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Cơ sở y tế	Kế hoạch chỉ tiêu giường bệnh năm 2022
01	Bệnh viện An Bình	500
02	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Củ Chi	1.000
03	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hóc Môn	550
04	Bệnh viện Đa khoa Sài Gòn	250
05	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Thủ Đức	700
06	Bệnh viện Nguyễn Trãi	800
07	Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	800
08	Bệnh viện Nhân dân 115	1.600
09	Bệnh viện Nhân dân Gia Định	1.500
10	Bệnh viện Trưng Vương	700
11	Bệnh viện Bình Dân	790
12	Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình	500
13	Bệnh viện Da Liễu	120
14	Bệnh viện Nhân Ái	450
15	Bệnh viện Từ Dũ	1.200
16	Bệnh viện Hùng Vương	900
17	Bệnh viện Mắt	350
18	Bệnh viện Nhi Đồng 1	1.500
19	Bệnh viện Nhi Đồng 2	1.400
20	Bệnh viện Nhi Đồng Thành phố	1.000
21	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	550
22	Bệnh viện Phục hồi chức năng - Điều trị bệnh nghề nghiệp	500
23	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	800
24	Bệnh viện Răng Hàm Mặt	100

STT	Cơ sở y tế	Kế hoạch chỉ tiêu giường bệnh năm 2022
25	Bệnh viện Tâm thần	500
26	Bệnh viện Tai Mũi Họng	180
27	Bệnh viện Truyền máu huyết học	300
28	Bệnh viện Ung Bướu	300
	Bệnh viện Ung Bướu cơ sở 2	1.000
29	Bệnh viện Y học cổ truyền	250
30	Khu Điều trị Phong	245
31	Viện Tim	210
32	Viện Y dược học dân tộc	240
	Tổng cộng	21.785

**KẾ HOẠCH CHỈ TIÊU GIƯỜNG BỆNH NĂM 2022
CỦA ĐƠN VỊ TUYẾN QUẬN, HUYỆN**

(Kèm theo Quyết định số 66/QĐ-SYT ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Sở Y tế
Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Cơ sở y tế	Kế hoạch chỉ tiêu giường bệnh năm 2022
01	Bệnh viện Quận 1	107
02	Bệnh viện Lê Văn Thịnh	500
03	Trung tâm Y tế Quận 3	150
04	Bệnh viện Quận 4	130
05	Trung tâm Y tế Quận 5	75
06	Bệnh viện Quận 6	160
07	Bệnh viện Quận 7	150
08	Bệnh viện Quận 8	175
09	Bệnh viện Lê Văn Việt	100
10	Trung tâm Y tế Quận 10	80
11	Bệnh viện Quận 11	210
12	Bệnh viện Quận 12	190
13	Bệnh viện quận Bình Tân	700
14	Bệnh viện quận Bình Thạnh	100
15	Bệnh viện quận Gò Vấp	300
16	Bệnh viện quận Phú Nhuận	100
17	Bệnh viện quận Tân Bình	125
18	Bệnh viện quận Tân Phú	325
19	Bệnh viện thành phố Thủ Đức	800
20	Bệnh viện huyện Bình Chánh	340
21	Trung tâm Y tế huyện Cần Giờ	150
22	Bệnh viện huyện Củ Chi	300
23	Bệnh viện huyện Nhà Bè	110
	Tổng cộng	5.377

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO YHDP&YTCC
Số: 1097/2022/A001.01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO LIÊN TỤC

Chứng nhận: Bà Trương Ánh Tuyết

Sinh ngày: 24/06/1972

Đơn vị công tác: Bệnh viện Quân Tân Phú

Đã hoàn thành khóa học theo chương trình đào tạo liên tục.

Sư phạm Y học cơ bản

Tổng số: 80 tiết học (bằng chữ: Tám mươi tiết học)

Từ ngày 26 tháng 3 năm 2022 đến ngày 07 tháng 4 năm 2022

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2022

PHỤ TRÁCH CHUYÊN MÔN KHOA HỌC



Lê Minh Giang

VIỆN TRƯỞNG



Lê Thị Hương

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO YHDP&YTCC

Số: 1098/2022/A001.01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO LIÊN TỤC

Chứng nhận: Bà Nguyễn Ngọc Thảo

Sinh ngày: 08/06/1979

Đơn vị công tác: Bệnh viện Quân Tân Phú

Đã hoàn thành khóa học theo chương trình đào tạo liên tục:

Sư phạm Y học cơ bản

Tổng số: 80 tiết học (bằng chữ: Tám mươi tiết học)

Từ ngày 26 tháng 3 năm 2022 đến ngày 07 tháng 4 năm 2022

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2022

PHỤ TRÁCH CHUYÊN MÔN KHOA HỌC



Lê Minh Giang

VIỆN TRƯỞNG



Lê Thị Hương

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO YHDP&YTCC
Số: 1099/2022/A001.01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO LIÊN TỤC

Chứng nhận: Ông Trần Đình Tuấn Dũng

Sinh ngày: 05/09/1995

Đơn vị công tác: Bệnh viện Quân Tân Phú

Đã hoàn thành khóa học theo chương trình đào tạo liên tục:

Sư phạm Y học cơ bản

Tổng số: 80 tiết học (bằng chữ: Tám mươi tiết học)

Từ ngày 26 tháng 3 năm 2022 đến ngày 07 tháng 4 năm 2022

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2022

PHỤ TRÁCH CHUYÊN MÔN KHOA HỌC



Lê Minh Giang



VIỆN TRƯỞNG

Lê Thị Hương

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO YHDP&YTCC

Số: 705/2022/A001.01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO LIÊN TỤC

Chứng nhận: Ông Võ Tấn Kiệt

Sinh ngày: 19/10/1972

Đơn vị công tác: Bệnh viện quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Đã hoàn thành khóa học theo chương trình đào tạo liên tục:

Sư phạm Y học cơ bản

Tổng số: 80 tiết học (bằng chữ: Tám mươi tiết học)

Từ ngày 05 tháng 03 năm 2022 đến ngày 13 tháng 3 năm 2022

Hà Nội, ngày 5 tháng 4 năm 2022

PHỤ TRÁCH CHUYÊN MÔN KHÓA HỌC



Lê Minh Giang



Lê Thị Hương

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO YHDP&YTCC
Số: 703/2022/A001.01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO LIÊN TỤC

Chứng nhận: Ông Nguyễn Hữu Thiện

Sinh ngày: 11/12/1974

Đơn vị công tác: Bệnh viện quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Đã hoàn thành khóa học theo chương trình đào tạo liên tục:

Sư phạm Y học cơ bản

Tổng số: 80 tiết học (bằng chữ: Tám mươi tiết học)

Từ ngày 05 tháng 03 năm 2022 đến ngày 13 tháng 3 năm 2022

Hà Nội, ngày 5 tháng 4 năm 2022

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

PHỤ TRÁCH CHUYÊN MÔN KHOA HỌC 4 4 Quyền số: SCT/ VIỆN TRƯỞNG

Ngày: 05-10-2022

[Signature]

TUO. CHỦ TỊCH
CÔNG CHỨC TƯ PHÁP - HỘ TỊCH

Lê Minh Giang



[Signature]
Lê Thị Hương

Nguyễn Thị Thanh Thảo

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO YHDP&YTCC
Số: 707/2022/A001.01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO LIÊN TỤC

Chứng nhận: Bà Võ Thị Thu Hà

Sinh ngày: 17/01/1971

Đơn vị công tác: Bệnh viện quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Đã hoàn thành khóa học theo chương trình đào tạo liên tục:

Sư phạm Y học cơ bản

Tổng số: 80 tiết học (bằng chữ: Tám mươi tiết học)

Từ ngày 05 tháng 03 năm 2022 đến ngày 13 tháng 3 năm 2022

Hà Nội, ngày 5 tháng 4 năm 2022

PHỤ TRÁCH CHUYÊN MÔN KHÓA HỌC



Lê Minh Giang

VIỆN TRƯỞNG



Lê Thị Hương

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO YHDP&YTCC
Số: 706/2022/A001.01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO LIÊN TỤC

Chứng nhận: Ông Nguyễn Thanh Tân

Sinh ngày: 27/7/1982

Đơn vị công tác: Bệnh viện quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Đã hoàn thành khóa học theo chương trình đào tạo liên tục:

Sư phạm Y học cơ bản

Tổng số: 80 tiết học (bằng chữ: Tám mươi tiết học)

Từ ngày 05 tháng 03 năm 2022 đến ngày 13 tháng 3 năm 2022

Hà Nội, ngày 5 tháng 4 năm 2022

PHỤ TRÁCH CHUYÊN MÔN KHÓA HỌC



Lê Minh Giang



Lê Thị Hương

Số: 60/SĐH/2018/A014

GIẤY CHỨNG NHẬN

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

Chứng nhận Ông (Bà): **Trần Kim Hà**

Ngày sinh: **02/10/1975**

Đơn vị công tác: **Bệnh viện Quận Tân Bình**

Đã hoàn thành khóa khọc theo chương trình đào tạo liên tục:

NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM Y HỌC CƠ BẢN KHÓA 16

Tổng số tiết: **80 tiết**

Thời gian từ: **10/2017 - 01/2018**

Theo quyết định số: **71/QĐ-TĐHYKPNT, ngày 08 tháng 01 năm 2018**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2018

PHỤ TRÁCH KHÓA HỌC



ThS.BS Nguyễn Xuân Khang



HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC Y KHOA
PHẠM NGỌC THẠCH

PGS.TS Ngô Minh Xuân

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO YHDP&YTCC

Số: 1103/2022/A001.01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO LIÊN TỤC

Chứng nhận: Ông Vũ Văn Bảy

Sinh ngày: 21/01/1975

Đơn vị công tác: Bệnh viện Quận Tân Phú

Đã hoàn thành khóa học theo chương trình đào tạo liên tục:

Sư phạm Y học cơ bản

Tổng số: 80 tiết học (bằng chữ: Tám mươi tiết học)

Từ ngày 26 tháng 3 năm 2022 đến ngày 07 tháng 4 năm 2022

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2022

PHỤ TRÁCH CHUYÊN MÔN KHOA HỌC



Lê Minh Giang



Lê Thị Hương

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

Số: 1332/SDH/2016/A014

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

Chứng nhận Ông (Bà):

Đặng Thanh Phú

Ngày sinh:

15.03.1972

Đơn vị công tác:

Bệnh viện Quận Tân Phú

Đã hoàn tất khóa học:

NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM Y HỌC CƠ BẢN KHÓA 10

Tổng số tiết:

80 tiết

Thời gian từ:

22/9/2016 - 06/12/2016

Theo quyết định số:

3915/QĐ-TĐHYKPNT, ngày 19 tháng 12 năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 12 năm 2016

PHỤ TRÁCH KHÓA HỌC



ThS.BS Nguyễn Xuân Khang



PGS.TS Ngô Minh Xuân

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 19/SDH/2018/A014

GIẤY CHỨNG NHẬN

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

Chứng nhân Ông (Bà): **Nguyễn Thiện Thuật**

Ngày sinh: **10/08/1981**

Đơn vị công tác: **Bệnh viện Quận Tân Phú**

Đã hoàn thành khóa khọc theo chương trình đào tạo liên tục:

NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM Y HỌC CƠ BẢN KHÓA 16

Tổng số tiết: **80 tiết**

Thời gian từ: **10/2017 - 01/2018**

Theo quyết định số: **71/QĐ-TĐHYKPNT, ngày 08 tháng 01 năm 2018**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2018

PHỤ TRÁCH KHOA HỌC



ThS.BS Nguyễn Xuân Khang



HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG
ĐẠI HỌC Y KHOA
PHẠM NGỌC THẠCH

PGS.TS Ngô Minh Xuân

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

NGÀNH: DƯỢC HỌC

MÃ NGÀNH: 7720201

BẢN SAO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 44.2/QĐ-NTT ngày 18 tháng 6 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Tên ngành đào tạo

+ Tên tiếng Anh: Pharmacy

+ Tên tiếng Việt: Dược học

Các chuyên ngành

+ Chuyên ngành 1: Quản lý và cung ứng thuốc

+ Chuyên ngành 2: Sản xuất và phát triển thuốc

+ Chuyên ngành 3: Dược lâm sàng

Trình độ đào tạo: Đại học

Thời gian đào tạo: 5 năm

Tên văn bằng tốt nghiệp

+ Tên tiếng Việt: Dược sỹ Dược học

+ Tên tiếng Anh: The Degree of Pharmacist

Đơn vị đào tạo:

+ Khoa Dược

+ Địa chỉ văn phòng: Cơ sở 1, Lầu 2 – số 300A, Nguyễn Tất Thành, P.13, Q.4.

Tp. Hồ Chí Minh

+ Điện thoại liên lạc: 028 39404272 (số nội bộ: 136)

2. Tuyển sinh

Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông và bổ túc văn hóa

Tiêu chí tuyển sinh, tổ hợp môn tuyển

Phương thức 1: xét kết quả Kỳ thi THPT quốc gia là điểm cộng 03 môn thi theo tổ hợp môn xét tuyển (A01, B00, D07) đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào ĐH tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với những thí sinh thi tuyển kỳ thi THPT quốc gia năm 2018.

Xét tuyển dựa vào kết quả học tập lớp 12: Xét điểm trung bình chung của các môn học trong năm học lớp 12 thuộc tổ hợp môn xét tuyển (như trên) với ngưỡng điểm tối thiểu xét từ 6.0 trở lên.

Theo yêu cầu đặc thù của ngành Dược, tân sinh viên phải sức khỏe phù hợp để đảm bảo quá trình học tập và đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp.

Tổ hợp môn xét tuyển:

A01: Toán – Vật lý – Tiếng Anh
B00: Toán – Hoá học – Sinh học
D07: Toán – Hoá học – Tiếng Anh

3. Các điều kiện tốt nghiệp

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 05 năm, với 15 học kỳ, trong đó 13 học kỳ tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng tại cơ sở đào tạo và 01 học kỳ thực tập tại các địa phương và cơ sở, 01 học kỳ làm khóa luận hoặc học các học phần thay thế.

Theo Quyết định số 441/QĐ-NTT ngày 28/6/2018 về việc ban hành Chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ Đại học hệ chính quy khoá 2018.

4. Thang điểm

Thang điểm 10

Điểm học phần làm tròn đến 1 chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

- **Loại đạt:**

- A – (8,5 → 10): Giỏi
- B – (7 → 8,4): Khá
- C – (5,5 → 6,9): Trung bình
- D – (4 → 5,4): Trung bình yếu.

- **Loại không đạt:** F – (dưới 4): Kém.

Tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chung của mỗi học phần phải được quy đổi sang điểm số như sau (điểm hệ 4):

- A tương ứng với 4.
- B tương ứng với 3.
- C tương ứng với 2.
- D tương ứng với 1.
- F tương ứng với 0.

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu tổng quát

Dược sĩ đại học có khả năng hướng dẫn và xây dựng quy trình thí nghiệm; nghiên cứu và vận dụng khoa học vào thực tiễn; xây dựng hồ sơ quy trình sản xuất và tiêu chuẩn chất lượng dược phẩm; duy trì và điều chỉnh kế hoạch kinh doanh phù hợp với thị trường; tư vấn các dịch vụ chăm sóc được phù hợp với người bệnh; đánh giá mức độ tuân thủ các quy định hành nghề dược.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Kiến thức

- Vận dụng kiến thức về kỹ thuật phòng thí nghiệm, nghiên cứu khoa học vào thực tiễn để xây dựng quy trình sản xuất, kiểm nghiệm, kinh doanh dược phẩm và tư vấn, cung cấp dịch vụ chăm sóc dược;
- Vận dụng chính sách Dược;
- Giải thích cách vận hành trang thiết bị, quy trình sản xuất, công tác lâm sàng, và lập kế hoạch nghiên cứu - phát triển ngành Dược dựa trên kiến thức cơ sở và chuyên môn;

- Đánh giá và phân loại các biến động trong quy trình sản xuất, phát triển thị trường được phẩm;
- Sử dụng nghiên cứu phù hợp với sự phát triển của ngành Dược;
- Đánh giá quy trình sản xuất, chất lượng sản phẩm; tuân thủ chính sách dược; thực trạng sử dụng thuốc trong chăm sóc dược.

2.2. Kỹ năng

- Vận hành thành thạo và hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị trong sản xuất và kiểm nghiệm;
- Bảo trì tốt các trang thiết bị trong sản xuất và kiểm nghiệm; phân loại và bảo quản tốt các sản phẩm kinh doanh và chăm sóc dược;
- Cải tiến dây chuyền sản xuất và kinh doanh dược phẩm theo hệ thống GPs;
- Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định, pháp luật về dược;
- Trình bày thông tin thuốc trong chăm sóc và kinh doanh dược;
- Phân tích NCKH trong ngành Dược.

2.3. Thái độ

- Tuân thủ tiết kiệm trong công việc và bảo vệ môi trường;
- Giải thích các quy định, pháp luật về dược;
- Đánh giá tình hình phát triển dược thế giới;
- Có trách nhiệm trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân và nguyện vọng của khách hàng;
- Tôn trọng khách hàng, đồng nghiệp khi hành nghề dược;
- Lắng nghe ý kiến của khách hàng, đồng nghiệp và đối tác.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Nguyên tắc thiết kế chương trình đào tạo (program ideas)

Theo chương trình khung của Bộ giáo dục và đào tạo;

Theo góp ý của Chuyên gia xây dựng chương trình đào tạo (giảng viên);

Theo góp ý của Doanh nghiệp;

Cựu sinh viên.

2. Cấu trúc chương trình đào tạo

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CHỦ YẾU CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên môn học	Số lượng môn	Số tín chỉ (tc)	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
NĂNG LỰC KỸ THUẬT PHÒNG THÍ NGHIỆM	Hóa sinh dược (2 tc)	4 môn lý thuyết	8 tc	4.68%
	Hóa phân tích 1 (2 tc)			
	Hóa phân tích 2 (2 tc)			
	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngành Dược (2tc)			
	Thực hành dược khoa 2 (1 tc)	21 môn thực hành	27 tc	15.79%
	Dược lý 1 – Thực hành (1 tc)			
	Dược lý 2 – Thực hành (1 tc)			

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CHỦ YẾU CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên môn học	Số lượng môn	Số tín chỉ (tc)	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
	Hóa dược 1 – Thực hành (1 tc)			
	Hóa dược 2 – Thực hành (1 tc)			
	Sinh học phân tử dược – Thực hành (1 tc)			
	Vi sinh dược – Thực hành (1 tc)			
	Ký sinh trùng dược – Thực hành (1 tc)			
	Hóa lý dược – Thực hành (1 tc)			
	Hóa hữu cơ – Thực hành (1 tc)			
	Thực vật dược – Thực hành (1 tc)			
	Sinh học tế bào dược – Thực hành (1 tc)			
	Tin học ứng dụng trong ngành Dược (1 tc)			
	Thực hành dược khoa 1 (1 tc)			
	Hóa phân tích 1 – Thực hành (1 tc)			
	Hóa phân tích 2 – Thực hành (1 tc)			
	Dược liệu 1 – Thực hành (1 tc)			
	Dược lâm sàng – Thực hành (1 tc)			
	Dược liệu 2 – Thực hành (1 tc)			
	Kiểm nghiệm thuốc – Thực hành (1 tc)			
	Khóa luận tốt nghiệp (7tc)			
NĂNG LỰC ỨNG DỤNG ĐƯỢC CÁC THÀNH TỰU NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	Thông tin thuốc và cảnh giác dược (2 tc)	46 môn lý thuyết	100 tc	58.48%
	Sử dụng thuốc trong điều trị 1 (2 tc)			
	Sử dụng thuốc trong điều trị 2 (2 tc)			
	Chăm sóc dược (2 tc)			
	Dược lâm sàng 1 (2 tc)			
	Đề kháng kháng sinh và nhiễm trùng bệnh viện (2 tc)			
	Dược lâm sàng 2 (2 tc)			
	Chuyên đề Dược lâm sàng (3 tc)			
	Hệ thống trị liệu mới và một số dạng thuốc đặc biệt (2 tc)			
	Thực phẩm chức năng (2 tc)			
	Chuyên đề Bào chế (3 tc)			
	Dược động học (2 tc)			
	Dược lý 1 (2 tc)			
	Dược lý 2 (2 tc)			
	Phương pháp nghiên cứu dược lý và thử thuốc trên lâm sàng (2 tc)			

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CHỦ YẾU CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên môn học	Số lượng môn	Số tín chỉ (tc)	Tỉ lệ (%)/tổng tín chỉ
	Hóa dược 1 (2 tc)			
	Hóa dược 2 (2 tc)			
	Thiết kế và điều chế một số nguyên liệu làm thuốc (2 tc)			
	Độ ổn định của nguyên liệu làm thuốc (2 tc)			
	Chuyên đề Hóa dược (2 tc)			
	Sinh học phân tử dược (2 tc)			
	Vi sinh dược (2 tc)			
	Ký sinh trùng dược (2 tc)			
	Sản xuất thuốc 3 (2 tc)			
	Thực vật dược (3 tc)			
	Hóa hữu cơ (3 tc)			
	Dược bệnh viện (2 tc)			
	Bảo hiểm y tế và chính sách công (2 tc)			
	Phương pháp nghiên cứu dược liệu (2 tc)			
	Pháp chế dược (2 tc)			
	Quản trị dược (2 tc)			
	Chuyên đề Quản lý dược (2 tc)			
	Truyền thông và giáo dục sức khỏe (2 tc)			
	Dược dịch tễ (2 tc)			
	Dược xã hội học (2 tc)			
	Hóa vô cơ (2 tc)			
	Hóa phân tích 1 (2 tc)			
	Hóa phân tích 2 (2 tc)			
	Thẩm định quy trình sản xuất thuốc (2 tc)			
	Xây dựng hồ sơ đăng ký thuốc (2 tc)			
	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (3 tc)			
	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (3 tc)			
	Giải phẫu – sinh lý (3 tc)			
	Bệnh học (3 tc)			
	Sinh lý bệnh – miễn dịch (2 tc)			
	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngành Dược (2tc)			
	Bào chế và công nghệ dược phẩm 1 – Thực hành (1 tc)		23 tc	13.45%

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CHỦ YẾU CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên môn học	Số lượng môn	Số tín chỉ (tc)	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
	Bào chế và công nghệ dược phẩm 2 – Thực hành (1 tc)	17 môn thực hành		
	Dược lâm sàng – Thực hành (1 tc)			
	Dược lý 1 – Thực hành (1 tc)			
	Dược lý 2 – Thực hành (1 tc)			
	Hóa dược 1 – Thực hành (1 tc)			
	Hóa dược 2 – Thực hành (1 tc)			
	Sinh học phân tử dược – Thực hành (1 tc)			
	Vi sinh dược – Thực hành (1 tc)			
	Ký sinh trùng dược – Thực hành (1 tc)			
	Thực vật dược – Thực hành (1 tc)			
	Sinh học tế bào dược – Thực hành (1 tc)			
	Hóa phân tích 1 – Thực hành (1 tc)			
	Hóa phân tích 2 – Thực hành (1 tc)			
	Kiểm nghiệm thuốc – Thực hành (1 tc)			
	Tin học ứng dụng trong ngành Dược (1 tc)			
	Khóa luận tốt nghiệp (7tc)			
NĂNG LỰC SẢN XUẤT DƯỢC PHẨM	Nhập môn ngành Dược (2 tc)	39 môn lý thuyết	84 tc	49.12%
	Bào chế và công nghệ dược phẩm 1 (2 tc)			
	Bào chế và công nghệ dược phẩm 2 (2 tc)			
	Sản xuất thuốc 1 (2 tc)			
	Sản xuất thuốc 2 (2 tc)			
	Sản xuất thuốc 3 (2 tc)			
	Dược động học (2 tc)			
	Dược lý 1 (2 tc)			
	Dược lý 2 (2 tc)			
	Dược lý 3 (2 tc)			
	Phương pháp nghiên cứu dược lý và thử thuốc trên lâm sàng (2 tc)			
	Hóa dược 1 (2 tc)			
	Hóa dược 2 (2 tc)			
	Thiết kế và điều chế một số nguyên liệu làm thuốc (2 tc)			
	Độ ổn định của nguyên liệu làm thuốc (2 tc)			

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CHỦ YẾU CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên môn học	Số lượng môn	Số tín chỉ (tc)	Tỉ lệ (%)/tổng tín chỉ
	Chuyên đề Hóa dược (2 tc)			
	Độc chất học (2 tc)			
	Hóa lý dược (2 tc)			
	Hóa hữu cơ (3 tc)			
	Dược liệu 1 (3 tc)			
	Dược liệu 2 (2 tc)			
	Phương pháp nghiên cứu dược liệu (2 tc)			
	Dược học cổ truyền (2 tc)			
	Pháp chế dược (2 tc)			
	Chuyên đề Quản lý dược (2 tc)			
	Truyền thông giáo dục sức khỏe (2 tc)			
	Dược dịch tễ (2 tc)			
	Dược xã hội học (2 tc)			
	Hóa vô cơ (2 tc)			
	Hóa phân tích (2 tc)			
	Hóa phân tích 2 (2 tc)			
	Thông tin thuốc và cảnh giác dược (2 tc)			
	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (3 tc)			
	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (3 tc)			
	Thẩm định quy trình sản xuất thuốc (2 tc)			
	Giải phẫu – sinh lý (3 tc)			
	Bệnh học (3 tc)			
	Sinh lý bệnh – miễn dịch (2 tc)			
	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngành Dược (2tc)			
	Bào chế và công nghệ dược phẩm 1 – Thực hành (1 tc)	13 môn thực hành	23 tc	13.45%
	Bào chế và công nghệ dược phẩm 2 – Thực hành (1 tc)			
	Dược lý 1 – Thực hành (1 tc)			
	Dược lý 2 – Thực hành (1 tc)			
	Hóa dược 1 – Thực hành (1 tc)			
	Hóa dược 2 – Thực hành (1 tc)			
	Dược liệu 1 – Thực hành (1 tc)			
	Dược liệu 2 – Thực hành (1 tc)			
	Hóa phân tích 1 – Thực hành (1 tc)			

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CHỦ YẾU CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên môn học	Số lượng môn	Số tín chỉ (tc)	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
	Hóa phân tích 2 – Thực hành (1 tc)			
	Tin học ứng dụng trong ngành Dược (1 tc)			
	Thực tập tốt nghiệp (5 tc)			
	Khóa luận tốt nghiệp (7tc)			
NĂNG LỰC KIỂM NGHIỆM DƯỢC PHẨM	Bào chế và công nghệ dược phẩm 1 (2 tc)	28 môn lý thuyết	59 tc	34.5%
	Nhập môn ngành Dược (2 tc)			
	Bào chế và công nghệ dược phẩm 2 (2 tc)			
	Sản xuất thuốc 2 (2 tc)			
	Dược động học (2 tc)			
	Dược lý 1 (2 tc)			
	Dược lý 2 (2 tc)			
	Dược lý 3 (2 tc)			
	Dược liệu 1 (3 tc)			
	Dược liệu 2 (2 tc)			
	Hóa dược 1 (2 tc)			
	Hóa dược 2 (2 tc)			
	Độ ổn định của nguyên liệu làm thuốc (2 tc)			
	Chuyên đề Hóa dược (2 tc)			
	Kiểm nghiệm thuốc (3 tc)			
	Thẩm định quy trình sản xuất thuốc (2 tc)			
	Xây dựng hồ sơ đăng ký thuốc (2 tc)			
	Vi sinh dược (2 tc)			
	Ký sinh trùng dược (2 tc)			
	Sinh học phân tử dược (2 tc)			
	Pháp chế dược (2 tc)			
	Chuyên đề Quản lý dược (2 tc)			
	Truyền thông giáo dục sức khỏe (2 tc)			
	Dược dịch tễ (2 tc)			
	Dược xã hội học (2 tc)			
	Thông tin thuốc và cảnh giác dược (2 tc)			
	Chuyên đề Dược lâm sàng (3 tc)			
	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngành Dược (2tc)			

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CHỦ YẾU CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên môn học	Số lượng môn	Số tín chỉ (tc)	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
	Dược liệu 1 – Thực hành (1 tc)	11 môn thực hành	17 tc	9.94%
	Dược liệu 2 – Thực hành (1 tc)			
	Hóa dược 1 – Thực hành (1 tc)			
	Hóa dược 2 – Thực hành (1 tc)			
	Độc chất học – Thực hành (1 tc)			
	Kiểm nghiệm thuốc – Thực hành (1 tc)			
	Vi sinh dược – Thực hành (1 tc)			
	Ký sinh trùng dược – Thực hành (1 tc)			
	Sinh học phân tử dược – Thực hành (1 tc)			
	Tin học ứng dụng trong ngành Dược (1 tc)			
	Khóa luận tốt nghiệp (7tc)			
NĂNG LỰC KINH DOANH DƯỢC PHẨM	Dược lý 1 (2 tc)	35 môn lý thuyết	75 tc	43.86%
	Nhập môn ngành Dược (2 tc)			
	Dược lý (2 tc)			
	Dược lý 3 (2 tc)			
	Hóa dược 1 (2 tc)			
	Hóa dược 2 (2 tc)			
	Hóa sinh lâm sàng (2 tc)			
	Chuyên đề Kiểm nghiệm (2 tc)			
	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (3 tc)			
	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (3 tc)			
	Pháp chế dược (2 tc)			
	Quản lý và kinh tế dược (2 tc)			
	Kinh tế y tế (2 tc)			
	Bảo quản thuốc (2 tc)			
	Marketing và thị trường dược phẩm (2 tc)			
	Chuyên đề Quản lý dược (2 tc)			
	Truyền thông giáo dục sức khỏe (2 tc)			
	Dược dịch tễ (2 tc)			
	Dược xã hội học (2 tc)			
	Thuốc generic và sở hữu trí tuệ (2 tc)			
	Quản lý và bảo quản trang thiết bị y tế (2 tc)			
	Kinh tế doanh nghiệp dược (2 tc)			
	Giải phẫu – sinh lý (3 tc)			
	Bệnh học (3 tc)			

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CHỦ YẾU CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên môn học	Số lượng môn	Số tín chỉ (tc)	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
	Sinh lý bệnh – miễn dịch (2 tc)			
	Bảo hiểm y tế và chính sách công (2 tc)			
	Thông tin thuốc và cảnh giác dược (2 tc)			
	Dược lâm sàng 1 (2 tc)			
	Dược lâm sàng 2 (2 tc)			
	Sử dụng thuốc trong điều trị 1 (2 tc)			
	Chuyên đề Dược lâm sàng (3 tc)			
	Sử dụng thuốc trong điều trị 2 (2 tc)			
	Dược bệnh viện (2 tc)			
	Chăm sóc dược (2 tc)			
	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngành Dược (2tc)			
	Tin học ứng dụng trong ngành Dược (1 tc)	4 môn thực hành	14 tc	8.18%
	Dược lâm sàng – Thực hành (1 tín chỉ)			
	Thực tập tốt nghiệp (5 tc)			
	Khóa luận tốt nghiệp (7tc)			
NĂNG LỰC CHĂM SÓC DƯỢC	Nhập môn ngành Dược (2 tc)	28 môn lý thuyết	63 tc	36.84%
	Dược lý 1 (2 tc)			
	Dược lý 2 (2 tc)			
	Dược động học (2 tc)			
	Dược lý 3 (2 tc)			
	Chuyên đề Dược lý (2 tc)			
	Vi sinh dược (2 tc)			
	Ký sinh trùng dược (2 tc)			
	Dược lâm sàng 1 (2 tc)			
	Dược lâm sàng 2 (2 tc)			
	Chăm sóc dược (2 tc)			
	Chuyên đề Dược lâm sàng (3 tc)			
	Sử dụng thuốc trong điều trị 1 (2 tc)			
	Sử dụng thuốc trong điều trị 2 (2 tc)			
	Đề kháng kháng sinh và nhiễm trùng bệnh viện (2 tc)			
	Dược bệnh viện (2 tc)			
	Thông tin thuốc và cảnh giác dược (2 tc)			
	Bảo hiểm y tế và chính sách công (2 tc)			
	Dược liệu 1 (3 tc)			

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CHỦ YẾU CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên môn học	Số lượng môn	Số tín chỉ (tc)	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
	Dược liệu 2 (2 tc)			
	Dược học cổ truyền (2 tc)			
	Kiểm nghiệm thuốc (3 tc)			
	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (3 tc)			
	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (3 tc)			
	Bệnh học (3 tc)			
	Giải phẫu – sinh lý (3 tc)			
	Sinh lý bệnh – miễn dịch (2 tc)			
	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngành Dược (2tc)			
	Dược lý 1 – Thực hành (1 tc)	8 môn thực hành	18 tc	10.52%
	Dược lý 2 – Thực hành (1 tc)			
	Hóa sinh dược – Thực hành (1 tc)			
	Dược lâm sàng – Thực hành (1 tc)			
	Thực hành dược khoa 3 (1 tc)			
	Tin học ứng dụng trong ngành Dược (1 tc)			
	Thực tập tốt nghiệp (5 tc)			
	Khóa luận tốt nghiệp (7tc)			
NĂNG LỰC TUÂN THỦ QUY ĐỊNH HÀNH NGHỀ DƯỢC	Sản xuất thuốc 2 (2 tc)	27 môn lý thuyết	59 tc	34.5%
	Nhập môn ngành Dược (2 tc)			
	Dược lý 1 (2 tc)			
	Dược lý 2 (2 tc)			
	Dược lý 3 (2 tc)			
	Sản xuất thuốc 3 (2 tc)			
	Đề kháng kháng sinh và nhiễm trùng bệnh viện (2 tc)			
	Bảo hiểm y tế và chính sách công (2 tc)			
	Dược bệnh viện (2 tc)			
	Thông tin thuốc và cảnh giác dược (2 tc)			
	Dược lâm sàng 1 (2 tc)			
	Dược lâm sàng 2 (2 tc)			
	Chăm sóc dược (2 tc)			
	Chuyên đề Dược lâm sàng (3 tc)			
	Sử dụng thuốc trong điều trị 1(2 tc)			
	Sử dụng thuốc trong điều trị 2 (2 tc)			
	Kiểm nghiệm thuốc (3 tc)			
	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (3 tc)			

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CHỦ YẾU CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên môn học	Số lượng môn	Số tín chỉ (tc)	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (3 tc)			
	Pháp chế dược (2 tc)			
	Dược xã hội học (2 tc)			
	Chuyên đề Quản lý dược (2 tc)			
	Truyền thông giáo dục sức khỏe (2 tc)			
	Dược dịch tễ (2tc)			
	Bệnh học (3 tc)			
	Sinh lý bệnh – miễn dịch (2 tc)			
	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngành Dược (2tc)			
	Tin học ứng dụng trong ngành Dược (1 tc)	4 môn thực hành	14 tc	8.18%
	Dược lâm sàng – Thực hành (1 tc)			
	Thực tập tốt nghiệp (5 tc)			
	Khóa luận tốt nghiệp (7tc)			

3. Tóm tắt khối lượng kiến thức

Kiến thức toàn khóa học: 171 tín chỉ (Không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

Trong đó:

- Kiến thức đại cương:	47 tín chỉ	Tỉ lệ: 28%
- Kiến thức chuyên nghiệp:	112 tín chỉ	Tỉ lệ: 65%
+ Kiến thức cơ sở ngành:	52 tín chỉ	Tỉ lệ: 30%
+ Kiến thức ngành:	48 tín chỉ	Tỉ lệ: 28%
+ Kiến thức chuyên ngành:	12 tín chỉ	Tỉ lệ: 7%
- Thực tập tốt nghiệp:	5 tín chỉ	Tỉ lệ: 3%
- Khóa luận tốt nghiệp:	7 tín chỉ	Tỉ lệ: 4%

4. Khung chương trình đào tạo

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Môn học trước, song hành, tiên quyết	Hình thức giảng dạy
				LT	TH		
I	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		47	585	240		
1	070010	Những nguyên lý CB của Chủ nghĩa Mác – Lênin	5	75	0		Lý thuyết
2	070002	Đường lối CM của ĐCS VN	3	45	0	070010(a)	E-learning
3	070018	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	070010(a)	E-learning
4	073493	Tin học MOS 1 (Windows, Word)	2	0	60		Thực hành
5	070006	Kỹ năng giao tiếp (HP1)	2	30	0		Lý thuyết
6	070007	Kỹ năng giao tiếp (HP2)	2	30	0		Lý thuyết
7	073514	Vật lý đại cương	3	45	0		Lý thuyết

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Môn học trước, song hành, tiên quyết	Hình thức giảng dạy
				LT	TH		
8	071350	Logic học	2	30	0		Lý thuyết
9	070796	Tư duy sáng tạo	2	30	0		Lý thuyết
10	001937	Xác suất thống kê y dược	2	30	0		Lý thuyết
11	073499	Tiếng Anh tổng quát 1	3	30	30		LT kết hợp TH
12	073500	Tiếng Anh tổng quát 2	3	30	30	073499(a)	LT kết hợp TH
13	073501	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 1	3	30	30	073500(a)	LT kết hợp TH
14	073502	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 2	3	30	30	073501(a)	LT kết hợp TH
15	073503	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 3	3	30	30	073502(a)	LT kết hợp TH
16	073504	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 4	3	30	30	073503(a)	LT kết hợp TH
17	070011	Pháp luật đại cương	2	30	0		Lý thuyết
18	073513	Khởi nghiệp	2	30	0		Lý thuyết
19	070023	Giáo dục thể chất (*)	5	15	90		LT kết hợp TH
20	070022	Giáo dục quốc phòng an ninh (*)	8	90	30		LT kết hợp TH
II	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		112	1290	775		
II.1	Kiến thức cơ sở ngành		52	600	340		
21	073497	Nhập môn ngành Dược	2	30	0		Lý thuyết
22	073454	Sinh học tế bào dược – Thực hành	1	0	30		Thực hành
23	073516	Sinh học phân tử dược	2	30	0	073454(a)	Lý thuyết
24	073517	Sinh học phân tử dược – Thực hành	1	0	30	073516(a)	Thực hành
25	070983	Hóa vô cơ	2	30	0	070985(c)	Lý thuyết
26	070985	Hóa hữu cơ	3	45	0	070983(a)	Lý thuyết
27	071026	Hóa hữu cơ – Thực hành	1	0	30	070985(a)	Thực hành
28	070753	Thực vật dược	3	45	0	073454(a)	E-learning
29	001698	Thực vật dược – Thực hành	1	0	35	073454(a)	Thực hành
30	073515	Giải phẫu – sinh lý	3	45	0	073516(a)	Lý thuyết
31	070965	Hóa phân tích 1	2	30	0	070983(a) 070985(a) 070966(c)	E-learning
32	071021	Hóa phân tích 1 – Thực hành	1	0	30	070983(a) 070985(a) 070966(a)	Thực hành
33	073916	Hóa phân tích 2	2	30	0	070965(a) 070966(a) 070973(c)	Lý thuyết
34	071022	Hóa phân tích 2 – Thực hành	1	0	30	071026(a)	Thực hành

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Môn học trước, song hành, tiên quyết	Hình thức giảng dạy
				LT	TH		
						071021(a) 000678(a) 073916(b)	
35	070966	Hóa lý dược	2	30	0	070983(a) 070985(a)	E-learning
36	000678	Hóa lý dược – Thực hành	1	0	35	070966(a)	Thực hành
37	072282	Hóa sinh dược	2	30	0	070985(a) 073516(a) 073454(a)	E-learning
38	071028	Hóa sinh dược – Thực hành	1	0	30	071026(a)	Thực hành
39	073518	Sinh lý bệnh – miễn dịch	2	30	0	073515(a)	E-learning
40	073519	Sinh lý & sinh lý bệnh – Thực hành	1	0	30	073515(a) 073518(a)	Thực hành
41	070971	Tin học ứng dụng trong ngành Dược	1	0	30		Thực hành
42	070963	Vi sinh dược	2	30	0	073516(a)	E-learning
43	070964	Vi sinh dược - Thực hành	1	0	30	070963(a)	Thực hành
44	071102	Ký sinh trùng dược	2	30	0	073516(a) 070963(a)	Lý thuyết
45	071103	Ký sinh trùng dược – Thực hành	1	0	30	071102(a) 070964(a)	Thực hành
46	000076	Bệnh học	3	45	0	073518(a)	Lý thuyết
47	070771	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	45	0		Lý thuyết
48	070772	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	45	0	070771(a)	Lý thuyết
49	071627	Truyền thông giáo dục sức khỏe	2	30	0		Lý thuyết
II.2	Kiến thức ngành		48	510	435		
50	070960	Thực hành dược khoa 1	1	0	30		Thực hành
51	071098	Thực hành dược khoa 2	1	0	35	070960(a)	Thực hành
52	071099	Thực hành dược khoa 3	1	0	30	070753(a)	Thực hành
53	070973	Dược động học	2	30	0	072282(a) 070966(a)	Lý thuyết
54	070977	Dược lý 1	2	30	0	073518(a) 072282(a) 070973(a)	E-learning
55	071630	Dược lý 1 – Thực hành	1	0	30	070977(a)	Thực hành
56	073520	Dược lý 2	2	30	0	070977(a)	Lý thuyết
57	000560	Dược lý 2 – Thực hành	1	0	30	070977(a) 071630(a) 073520(a)	Thực hành
58	070967	Dược liệu 1	3	45	0	070753(a) 071099(a) 070985(a)	Lý thuyết
59	071029	Dược liệu 1 – Thực hành	1	0	30	070967(a) 071099(a) 070753(a)	Thực hành
60	073521	Dược liệu 2	2	30	0	070753(a)	Lý thuyết

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Môn học trước, song hành, tiên quyết	Hình thức giảng dạy
				LT	TH		
						070967(a)	
61	000555	Dược liệu 2 – Thực hành	1	0	30	070967(a) 071099(a) 070753(a)	Thực hành
62	073522	Hóa dược 1	2	30	0	070983(a) 070985(a) 070966(a) 070963(a) 071102(a) 072282(a) 070965(a) 073916(a) 070977(c) 070967(c)	Lý thuyết
63	000647	Hóa dược 1 – Thực hành	1	0	30	071026(a) 000678(a) 071028(a) 071021(a) 071022(a)	Thực hành
64	073523	Hóa dược 2	2	30	0	073522(a) 073521(c) 073520(c)	Lý thuyết
65	000649	Hóa dược 2 – Thực hành	1	0	30	071026(a) 000678(a) 071028(a) 071021(a) 071022(a)	Thực hành
66	000509	Độc chất học	2	30	0	073916(a) 070967(a)	Lý thuyết
67	000510	Độc chất học – Thực hành	1	0	30	071026(a) 071022(a) 000509(a) 071029(a)	Thực hành
68	070982	Dược lâm sàng 1	2	30	0	073520(a)	Lý thuyết
69	070998	Dược lâm sàng 2	2	30	0	070977(a) 073520(a) 070973(a) 070982(a)	Lý thuyết
70	000551	Dược lâm sàng - Thực hành	1	0	30	070982(a) 070998(a)	Thực hành
71	073524	Bào chế và công nghệ dược phẩm 1	2	30	0		E-learning
72	073525	Bào chế và công nghệ dược phẩm 1 – Thực hành	1	0	30	073524(a)	Thực hành
73	073526	Bào chế và công nghệ dược phẩm 2	2	30	0	073524(a)	Lý thuyết

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Môn học trước, song hành, tiên quyết	Hình thức giảng dạy
				LT	TH		
74	073527	Bào chế và công nghệ dược phẩm 2 – Thực hành	1	0	40	073526(a)	Thực hành
75	072302	Pháp chế dược	2	30	0		E-learning
76	072292	Kiểm nghiệm thuốc	3	45	0	073916(a)	E-learning
77	072299	Kiểm nghiệm thuốc – Thực hành	1	0	30	072292(a)	Thực hành
78	001952	Dược học cổ truyền	2	30	0	070967(a) 073521(a)	E-learning
79	070976	Quản lý và kinh tế dược	2	30	0	072302(a)	Lý thuyết
II.3 Kiến thức chuyên ngành			12	180	0		
Chuyên ngành Quản lý và cung ứng thuốc			12	180	0		
Bắt buộc			8	120	0		
80	070986	Dược xã hội học	2	30	0		Lý thuyết
81	073528	Dược dịch tễ	2	30	0	071627(a)	Lý thuyết
82	073529	Marketing và thị trường dược phẩm	2	30	0		Lý thuyết
83	070987	Kinh tế doanh nghiệp dược	2	30	0	070976(a)	Lý thuyết
Tự chọn: (lựa chọn 4 tín chỉ trong tổng số 14 tín chỉ)			4	60	0		
84	073530	Thuốc generic và sở hữu trí tuệ	2	30	0		Lý thuyết
85	073531	Quản trị dược	2	30	0		Lý thuyết
86	073532	Quản lý và cung ứng thuốc	2	30	0		Lý thuyết
87	073533	Quản lý và bảo quản thiết bị y tế	2	30	0		Lý thuyết
88	073534	Kinh tế y tế	2	30	0	070976(a)	Lý thuyết
89	073535	Bảo quản thuốc	2	30	0	072302(a)	Lý thuyết
90	072126	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngành Dược	2	30	0		Lý thuyết
Chuyên ngành Sản xuất và phát triển thuốc			12	180	0		
Bắt buộc			8	120	0		
91	070981	Sản xuất thuốc 1	2	30	0	070967(a) 073521(a)	Lý thuyết
92	070992	Sản xuất thuốc 2	2	30	0		Lý thuyết
93	070994	Sản xuất thuốc 3	2	30	0	073516(a) 070963(a)	Lý thuyết
94	073536	Thẩm định quy trình sản xuất thuốc	2	30	0	073524(a) 073526(a) 070981(c) 070992(c) 070994(c)	Lý thuyết
Tự chọn: (lựa chọn 4 tín chỉ trong tổng số 14 tín chỉ)			4	60	0		
95	072127	Thiết kế và điều chế một số nguyên liệu làm thuốc	2	30	0	073522(a) 073523(a) 000647(a) 000649(a) 071637(c)	Lý thuyết

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Môn học trước, song hành, tiên quyết	Hình thức giảng dạy
				LT	TH		
96	073537	Phương pháp nghiên cứu dược liệu	2	30	0	070981(a)	Lý thuyết
97	071004	Độ ổn định của nguyên liệu làm thuốc	2	30	0	073522(a) 073523(a)	Lý thuyết
98	073538	Hệ thống trị liệu mới và một số dạng thuốc đặc biệt	2	30	0	073526(a)	Lý thuyết
99	073539	Xây dựng hồ sơ đăng ký thuốc	2	30	0	073526(a) 072292(a)	Lý thuyết
100	071629	Thực phẩm chức năng	2	30	0	073524(a)	Lý thuyết
101	072126	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngành Dược	2	30	0		Lý thuyết
Chuyên ngành Dược lâm sàng			12	180	0		
Bắt buộc			8	120	0		
102	073540	Dược lý 3	2	30	0	070977(a) 073520(a)	Lý thuyết
103	073541	Hóa sinh lâm sàng	2	30	0	072282(a)	Lý thuyết
104	073542	Sử dụng thuốc trong điều trị 1	2	30	0	070982(a) 070998(a) 073543(c)	Lý thuyết
105	073543	Sử dụng thuốc trong điều trị 2	2	30	0	070982(a) 070998(a) 073542(c)	Lý thuyết
Tự chọn: (lựa chọn 4 tín chỉ trong tổng số 14 tín chỉ)			4	60	0		
106	073544	Chăm sóc dược	2	30	0	000551(a) 073542(c) 073543(c) 073546(c)	Lý thuyết
107	073545	Dược bệnh viện	2	30	0		Lý thuyết
108	073546	Thông tin thuốc và cảnh giác dược	2	30	0	070982(a) 070998(a)	Lý thuyết
109	073547	Đề kháng kháng sinh và nhiễm trùng bệnh viện	2	30	0		Lý thuyết
110	073548	Bảo hiểm y tế và chính sách công	2	30	0	072302(a) 070976(a) 000551(a) 073544(c) 073545(c)	Lý thuyết
111	073549	Phương pháp nghiên cứu dược lý và thử thuốc trên lâm sàng	2	30	0		Lý thuyết
112	072126	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngành Dược	2	30	0		Lý thuyết
III	TỐT NGHIỆP		12	0	510		
113	071633	Thực tập tốt nghiệp	5	0	300	073524(a) 073526(a) 073497(b)	Thực hành

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Môn học trước, song hành, tiên quyết	Hình thức giảng dạy
				LT	TH		
114	074007	Khóa luận tốt nghiệp	7	0	210	071006	Thực hành
Thay thế Khóa luận tốt nghiệp							
115	073550	Chuyên đề Quản lý dược	3	45	0	072302(a)	Lý thuyết
116	073551	Chuyên đề Bào chế	3	45	0		Lý thuyết
117	073552	Chuyên đề Dược lâm sàng	3	45	0	073542(a) 073543(a) 073546(a)	Lý thuyết
118	071637	Chuyên đề Hóa dược	2	30	0	073522(a) 073523(a)	Lý thuyết
119	073553	Chuyên đề Dược liệu	2	30	0	071029(a) 000555(a)	Lý thuyết
120	071636	Chuyên đề Dược lý	2	30	0		Lý thuyết
121	071638	Chuyên đề Kiểm nghiệm	2	30	0		Lý thuyết
TỔNG CỘNG (I + II + III)			171	1875	1525		

5. Phân bổ tiến độ giảng dạy và các học phần dự kiến

TT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
HỌC KỲ 1			13	
Bắt buộc			13	
1	070010	Những nguyên lý CB của Chủ nghĩa Mác - Lênin	5	
2	070023	Giáo dục thể chất	5	
3	073493	Tin học MOS 1 (Windows, Word)	2	
4	070006	Kỹ năng giao tiếp (HP1)	2	
5	073497	Nhập môn ngành Dược	2	
6	070960	Thực hành dược khoa 1	1	
7	073454	Sinh học tế bào dược – Thực hành	1	
HỌC KỲ 2			12	
Bắt buộc			12	
1	070002	Đường lối cách mạng ĐCS VN	3	070010(a)
2	073499	Tiếng Anh tổng quát 1	3	
3	073514	Vật lý đại cương	3	
4	070796	Tư duy sáng tạo	2	
5	071098	Thực hành dược khoa 2	1	070960 (a)
HỌC KỲ 3			13	
Bắt buộc			13	
1	070011	Pháp luật đại cương	2	
2	070022	Giáo dục quốc phòng – an ninh	8	
3	070018	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	070010(a)
4	071350	Logic học	2	
5	001937	Xác suất thống kê y dược	2	

TT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
6	073500	Tiếng Anh tổng quát 2	3	073499(a)
7	073516	Sinh học phân tử dược	2	073454(a)
HỌC KỲ 4			12	
Bắt buộc			12	
1	073501	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 1	3	073500(b)
2	070983	Hóa vô cơ	2	070985(c)
3	070985	Hóa hữu cơ	3	070983(a)
4	073517	Sinh học phân tử dược – Thực hành	1	073516(a)
5	070753	Thực vật dược	3	073454(a)
HỌC KỲ 5			13	
Bắt buộc			13	
1	073502	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 2	3	073501(a)
2	073515	Giải phẫu – sinh lý	3	073516(a)
3	001698	Thực vật dược – Thực hành	1	073454(a)
4	071026	Hóa hữu cơ – Thực hành	1	070985(a)
5	071099	Thực hành dược khoa 3	1	070753(a)
6	070965	Hóa phân tích 1	2	070983(a) 070985(a) 070966(c)
7	070966	Hóa lý dược	2	070983(a) 070985(a)
HỌC KỲ 6			12	
Bắt buộc			12	
1	073503	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 3	3	073502(a)
2	071021	Hóa phân tích 1 – Thực hành	1	070983(a) 070985(a) 070966(a)
3	072282	Hóa sinh dược	2	070985(a) 073516(a) 073454(a)
4	073518	Sinh lý bệnh – miễn dịch	2	073515(a)
5	070971	Tin học ứng dụng trong ngành Dược	1	
6	071028	Hóa lý dược – Thực hành	1	070966(a)
7	070963	Vi sinh dược	2	073516(a)
HỌC KỲ 7			14	
Bắt buộc			14	
1	070007	Kỹ năng giao tiếp (HP2)	2	
2	073504	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 4	3	073503(a)
3	071028	Hóa sinh dược – Thực hành	1	071026(a)
4	073519	Sinh lý & sinh lý bệnh – Thực hành	1	073515(a) 073518(a)
5	070964	Vi sinh dược – Thực hành	1	070963(a)
6	073916	Hóa phân tích 2	2	070965(a) 070966(a)

TT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
				070973(c)
7	070973	Dược động học	2	072282(a) 070966(a)
8	071102	Ký sinh trùng dược	2	073516(a) 070963(a)
HỌC KỲ 8			12	
Bắt buộc			12	
1	071103	Ký sinh trùng dược – Thực hành	1	071102(a) 070964(a)
2	000076	Bệnh học	3	073518(a)
3	0709770	Dược lý 1	2	073518(a) 072282(a) 070973(a)
4	071022	Hóa phân tích 2 – Thực hành	1	071026(a) 071021(a) 000678(a) 073916(b)
5	070967	Dược liệu 1	3	070753(a) 071099(a) 070985(a)
6	073522	Hóa dược 1	2	070983(a) 070985(a) 070966(a) 070963(a) 071102(a) 072282(a) 070965(a) 073916(a) 070977(c) 070967(c)
HỌC KỲ 9			11	
Bắt buộc			11	
1	071630	Dược lý 1 – Thực hành	1	070977(a)
2	071029	Dược liệu 1 – Thực hành	1	070967(a) 071099(a) 070753(a)
3	000647	Hóa dược 1 – Thực hành	1	071026(a) 000678(a) 071028(a) 071021(a) 071022(a)
4	073523	Hóa dược 2	2	073522(a) 073521(c) 073520(c)

TT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
5	073520	Dược lý 2	2	070977(a)
6	073521	Dược liệu 2	2	070753(a) 070967(a)
7	000509	Độc chất học	2	073916(a) 070967(a)
HỌC KỲ 10			11	
Bắt buộc			11	
1	000560	Dược lý 2 – Thực hành	1	070977(a) 071630(a)
2	000510	Độc chất học – Thực hành	1	071026(a) 071022(a) 000509(a) 071029(a)
3	000555	Dược liệu 2 – Thực hành	1	070967(a) 071099(a) 070753(a)
4	070982	Dược lâm sàng 1	2	073520(a)
5	073524	Bào chế và công nghệ dược phẩm 1	2	
6	000649	Hóa dược 2 – Thực hành	1	071026(a) 000678(a) 071028(a) 071021(a) 071022(a)
7	070771	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	
HỌC KỲ 11			12	
Bắt buộc			12	
1	070998	Dược lâm sàng 2	2	
2	072302	Pháp chế dược	2	
3	073525	Bào chế và công nghệ dược phẩm 1 – Thực hành	1	073524(a)
4	073526	Bào chế và công nghệ dược phẩm 2	2	073524(a)
5	073513	Khởi nghiệp	2	
6	072292	Kiểm nghiệm thuốc	3	073916(a)
HỌC KỲ 12			12	
Bắt buộc			12	
1	073527	Bào chế và công nghệ dược phẩm 2 – Thực hành	1	073526(a)
2	000551	Dược lâm sàng – Thực hành	1	070982(a) 070998(a)
3	072299	Kiểm nghiệm thuốc – Thực hành	1	072292(a)
4	001952	Dược học cổ truyền	2	070967(a) 073521(a)
5	070976	Quản lý và kinh tế dược	2	072302(a)

TT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
6	071627	Truyền thông giáo dục sức khỏe	2	
7	070772	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	070771(a)
HỌC KỲ 13				
Chuyên ngành sản xuất và phát triển thuốc			12	
Bắt buộc			8	
1	070981	Sản xuất thuốc 1	2	070967(a) 073521(a)
2	070992	Sản xuất thuốc 2	2	
3	070994	Sản xuất thuốc 3	2	073516(a) 070963(a)
4	073536	Thẩm định quy trình sản xuất thuốc	2	073524(a) 073526(a) 070981(c) 070992(c) 070994(c)
Tự chọn			4	
1	072127	Thiết kế và điều chế một số nguyên liệu làm thuốc	2	073522(a) 073523(a) 000647(a) 000649(a) 071637(c)
2	073537	Phương pháp nghiên cứu dược liệu	2	070981(a)
3	071004	Độ ổn định của nguyên liệu làm thuốc	2	073522(a) 073523(a)
4	073538	Hệ thống trị liệu mới và một số dạng thuốc đặc biệt	2	073526(a)
5	073539	Xây dựng hồ sơ đăng ký thuốc	2	073526(a) 072292(a)
6	071629	Thực phẩm chức năng	2	073524(a)
7	072126	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngành Dược	2	
Chuyên ngành Quản lý và cung ứng thuốc			12	
Bắt buộc			8	
1	070986	Dược xã hội học	2	
2	073528	Dược dịch tễ	2	071627(a)
3	073529	Marketing và thị trường dược phẩm	2	
4	070987	Kinh tế doanh nghiệp dược	2	070976(a)
Tự chọn			4	
1	073530	Thuốc generic và sở hữu trí tuệ	2	
2	073531	Quản trị dược	2	
3	073532	Quản lý và cung ứng thuốc	2	
4	073533	Quản lý và bảo quản thiết bị y tế	2	
5	073534	Kinh tế y tế	2	070976(a)
6	073535	Bảo quản thuốc	2	072302(a)

TT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
7	072126	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngành Dược	2	
Chuyên ngành Dược lâm sàng			12	
Bắt buộc			8	
1	073540	Dược lý 3	2	070977(a) 073520(a)
2	073541	Hóa sinh lâm sàng	2	072282(a)
3	073542	Sử dụng thuốc trong điều trị 1	2	070982(a) 070998(a) 073543(c)
4	073543	Sử dụng thuốc trong điều trị 2	2	070982(a) 070998(a) 073542(c)
Tự chọn			4	
1	073544	Chăm sóc dược	2	000551(a) 073542(c) 073543(c) 073546(c)
2	073545	Dược bệnh viện	2	
3	073546	Thông tin thuốc và cảnh giác dược	2	070982(a) 070998(a)
4	073547	Đề kháng kháng sinh và nhiễm trùng bệnh viện	2	
5	073548	Bảo hiểm y tế và chính sách công	2	072302(a) 070976(a) 000551(a) 073544(c) 073545(c)
6	073549	Phương pháp nghiên cứu dược lý và thử thuốc trên lâm sàng	2	
7	072126	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngành Dược	2	
HỌC KỲ 14			5	
Bắt buộc			5	
1	071633	Thực tập tốt nghiệp	5	
HỌC KỲ 15			7	
Bắt buộc			7	
1	071006	Khóa luận tốt nghiệp	7	
Thay thế Khóa luận tốt nghiệp				
1	073550	Chuyên đề Quản lý dược	3	072302(a)
2	073551	Chuyên đề Bảo chế	3	
3	073552	Chuyên đề Dược lâm sàng	3	073542(a) 073543(a) 073546(a)

TT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
4	071637	Chuyên đề Hóa dược	2	073522(a) 073523(a)
5	073553	Chuyên đề Dược liệu	2	071029(a) 000555(a)
6	071636	Chuyên đề Dược lý	2	
7	071638	Chuyên đề Kiểm nghiệm	2	

6. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin: 05 tín chỉ

Nội dung: học phần “Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin” cung cấp cho người học kiến thức khoa học nền tảng về Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học. Nâng cao năng lực tư duy nhận thức khoa học, tư duy phản biện khoa học về thế giới khách quan, các học thuyết kinh tế của Chủ nghĩa Mác – Lênin, và năng lực tư duy khoa học sáng tạo theo phương pháp luận triết học và lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin. Hiểu được và biết vận dụng vào trong quá trình phân tích, xử lý, đánh giá hệ thống vấn đề khoa học lý thuyết và khoa học thực tiễn trong từng chương trình đào tạo ngành, chuyên ngành theo hệ thống quan điểm khoa học, theo tính chất, bản chất của từng hoạt động ngành nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, tư vấn trong cuộc sống xã hội.

Giáo dục thể chất: 05 tín chỉ

Nội dung:

Nội dung của học phần 1- Cờ vua: Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản của môn học, những lý thuyết về kỹ - chiến thuật cơ bản các giai đoạn của một ván đấu. Sinh viên biết cách suy nghĩ độc lập và sáng tạo trong khi giải quyết các nhiệm vụ, các tình huống nảy sinh trong một ván cờ, nắm vững và vận dụng được các kỹ chiến thuật cơ bản vào thực tiễn từng giai đoạn ván cờ. Có kỹ năng vận dụng các kiến thức về môn học. Rèn luyện năng lực tư duy, trí nhớ và năng lực tâm lý, khả năng tập trung, tính quyết đoán, lòng tự trọng và tính kỷ luật của sinh viên.

Nội dung của học phần 2 - Taekwondo: Trang bị cho sinh viên một số điều luật thi đấu của môn Taekwondo. Hiểu được nguyên lý kỹ thuật của các đòn chân, các đòn tay, bài quyền số 1 và phương pháp thi đấu của môn Taekwondo. Thực hiện thành thạo các thế tấn, đòn tay, đòn chân, các phương pháp thi đấu và bài quyền số 1. Với môn học mang đậm tính nghệ thuật sẽ giúp học viên yêu thích môn học, tạo hưng phấn và kích thích người tập tích cực tập luyện thường xuyên nhằm nâng cao sức khỏe và thể lực.

Tin học MOS 1 (Windows, Word): 02 tín chỉ

Nội dung: Học phần đi vào các vấn đề liên quan đến một số khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin (tin học, công nghệ thông tin), quá trình thu nhập, xử lý, lưu trữ, truyền tải thông tin (nhập, xuất); khái niệm và thao tác với hệ điều hành; khái niệm và cách quản lý thư mục/tập tin trên máy tính; thay đổi các tùy chọn trong Control Panel, cách sử dụng Internet; soạn thảo, trình bày, định dạng, quản lý, duy trì và chia sẻ tài liệu trên Microsoft Word.

Kỹ năng giao tiếp (HP1): 02 tín chỉ

Nội dung: học phần “Kỹ năng giao tiếp” cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tư duy giao tiếp xã hội và kỹ năng giao tiếp cơ bản trong hoạt động nghề nghiệp xã hội. Người học nắm vững những vấn đề khoa học cơ bản về tâm lý giao tiếp và nguyên tắc giao tiếp có hiệu quả trong hoạt động thuyết trình, phỏng vấn xin việc làm chuyên nghiệp, phân tích đánh giá bản thân, để hình thành tính chủ động, năng động, tự tin trong quá trình lập nghiệp và học tập suốt đời. Biết vận dụng có hiệu quả các kỹ năng lắng nghe, ứng xử, điều hành, giải quyết vấn đề và kỹ năng sống trong giao tiếp khách hàng, đồng nghiệp thông qua các yếu tố ngôn ngữ nói, viết và ngôn ngữ cơ thể phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội và môi trường xung quanh.

Kỹ năng giao tiếp (HP2): 02 tín chỉ

Nội dung: giới thiệu cho sinh viên những nguyên lý giao tiếp chuyên sâu, để từ đó ứng dụng các nguyên lý này vào giao tiếp trong cuộc sống, công việc và học tập. Cụ thể, sinh viên sẽ biết vận dụng các nguyên lý giao tiếp hiệu quả vào việc viết E-mail, giao tiếp, thông báo, báo cáo Khoa học, các loại văn bản kinh doanh gửi cho khách. Sinh viên cũng sẽ được chuẩn bị các kỹ năng viết hồ sơ xin việc và phỏng vấn xin việc làm chuyên sâu. Trong khi học các kỹ năng viết e-mail, viết báo cáo, sinh viên sẽ được giao những bài tập làm trong nhóm (tại lớp hay tại nhà), từ đó sẽ hiểu cách làm việc nhóm hiệu quả nhất cũng như cách giao tiếp tốt nhất trong nhóm.

Đường lối cách mạng Đảng cộng sản Việt Nam: 03 tín chỉ

Nội dung: học phần “Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam” cung cấp cho người học kiến thức nền tảng khoa học lý luận về hệ thống quan điểm, cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng CSVN. Hiểu được phương thức triển khai thực hiện các nghị quyết, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam trong tiến trình cách mạng Việt Nam - từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Biết vận dụng triển khai chủ trương, đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng hệ thống chính trị, văn hóa, xã hội, đối ngoại của Đảng CSVN trong thời kỳ đổi mới vào hoạt động thực tiễn cuộc sống xã hội nói chung và trong từng lĩnh vực ngành nghề, chuyên môn nói riêng.

Tiếng Anh tổng quát 1: 03 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Anh tổng quát 1 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn không chuyên gồm 06 bài đầu của giáo trình World English 2 (60 tiết) và học online với nội dung do TTNN biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản ở mức độ nâng cao, giúp sinh viên rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp với các chủ đề thông thường về “bản thân, sở thích cá nhân, làm quen kết bạn, sức khỏe, lối sống, cột mốc quan trọng trong đời”.

Tiếng Anh tổng quát 2: 03 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Anh tổng quát 2 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn không chuyên gồm 06 bài sau của giáo trình World English 2 (60 tiết) và học online với nội dung do TTNN biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản ở mức độ nâng cao, giúp sinh viên tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp với các chủ đề về “những mặt hàng cao cấp mắc tiền; thiên nhiên; cuộc sống trong quá khứ; đi du lịch; sự nghiệp và lễ hội”.

Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 1: 03 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 1 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn không chuyên gồm 50% nội dung đầu của giáo trình Campus Toeic (60 tiết) và hệ thống bài tập trực tuyến do Trung Tâm Ngoại Ngữ biên soạn. Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở cấp độ nâng cao, rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản ngữ, đồng thời làm quen với các kỹ năng làm bài thi TOEIC.

Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 2: 03 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 2 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn không chuyên gồm 50% nội dung còn lại của giáo trình Campus Toeic (60 tiết) và hệ thống bài tập trực tuyến do Trung Tâm Ngoại Ngữ biên soạn. Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở cấp độ nâng cao, rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản ngữ, đồng thời phát triển các kỹ năng làm bài thi TOEIC.

Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 3: 03 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 3 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn không chuyên gồm 50% nội dung đầu của giáo trình Next Level Toeic (60 tiết) và hệ thống bài tập trực tuyến do Trung Tâm Ngoại Ngữ biên soạn. Ở cấp độ này, sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở cấp độ nâng cao, rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, đồng thời phát triển hơn nữa các kỹ năng làm bài thi TOEIC.

Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 4: 03 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 4 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn không chuyên gồm 50% nội dung còn lại của giáo trình Next Level Toeic (60 tiết) và hệ thống bài tập trực tuyến do Trung Tâm Ngoại Ngữ biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản ở mức độ nâng cao, giúp sinh viên tiếp tục rèn luyện 2 kỹ năng nghe - đọc và ôn luyện cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cần thiết để làm bài thi TOEIC quốc tế đạt mức điểm cao theo yêu cầu của nhà trường.

Vật lý đại cương: 03 tín chỉ

Nội dung: học phần “Vật lý đại cương” cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về cơ học, Nhiệt học, Nhiệt động lực học, Sóng âm, Quang học và Vật lý hạt nhân. Hiểu được các vấn đề khoa học của các dạng vận động vật lý trong hoạt động xã hội và biết vận dụng các qui luật vận động vật lý trong thế giới tự nhiên vào quá trình hoạt động nghiên cứu bảo vệ sức khỏe con người và biết cách sử dụng các thiết bị kỹ thuật công nghệ chuẩn đoán và điều trị bệnh một cách an toàn, để bảo vệ môi trường trong khu vực bệnh viện, cơ sở sản xuất điều chế dược phẩm.

Tư duy sáng tạo: 02 tín chỉ

Nội dung: học phần “Tư duy sáng tạo” cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Tư duy nhận thức khoa học sáng tạo trong hoạt động khoa học – kỹ thuật – công nghệ của cuộc sống xã hội. Hiểu được và vận dụng được các qui luật và nguyên tắc tư duy sáng tạo vào trong hoạt động phân tích, đánh giá và lựa chọn giải pháp giải quyết tối ưu, khả thi, hiệu dụng để đề ra quyết định trong từng phạm vi áp dụng cụ thể, đáp ứng mục tiêu đổi mới cho tương lai. Giúp cho người học luôn tự tin vào năng lực sáng tạo của bản thân, để biết chủ động phát huy tính năng động hình thành các ý tưởng sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trong quá trình lập nghiệp và học tập suốt đời, nhằm đáp ứng các nhu

cầu xã hội đa dạng, phong phú theo hướng nâng cao năng suất, hiệu quả làm việc, biết kiến tạo ra sản phẩm sáng chế, sản phẩm mới, sáng kiến mới vào hoạt động thực tiễn.

Pháp luật đại cương: 02 tín chỉ

Nội dung: Học phần Pháp luật đại cương nghiên cứu những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật. Học phần giải quyết các vấn đề lý luận chung nhất về nhà nước và pháp luật: + Nguồn gốc, bản chất, các kiểu, chức năng, vai trò của nhà nước và pháp luật; bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam. + Các khái niệm; một số nội dung cơ bản về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý và các ngành luật cơ bản của hệ thống pháp luật.

Giáo dục quốc phòng – an ninh: 08 tín chỉ

Nội dung: Gồm 3 phần:

Phần I trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học Giáo dục quốc phòng – an ninh; Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh; Nghệ thuật quân sự Việt Nam; Với những kiến thức được trang bị giúp cho sinh viên nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất và tính chất của chiến tranh, nắm được các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, bước đầu tìm hiểu về nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo.

Phần II trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Phòng chống dịch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống dịch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Với những kiến thức được trang bị giúp cho sinh viên có niềm tin chiến thắng trong phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Vận dụng linh hoạt những kiến thức đã học về quốc phòng, an ninh vào thực tiễn trong học tập và công tác.

Phần III trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Đội ngũ đơn vị và ba môn quân sự phối hợp; Sử dụng bản đồ địa hình quân sự; Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh; Thuốc nổ; Phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; Tầm người trong chiến đấu tiến công và phòng ngự; Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK(CKC); Với những kiến thức được trang bị giúp cho sinh viên có những kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Tư tưởng Hồ Chí Minh: 02 tín chỉ

Nội dung: học phần “Tư tưởng Hồ Chí Minh” cung cấp cho người học kiến thức tư duy nhận thức khoa học hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Hiểu được các quan điểm tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc với đoàn kết quốc tế, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân và vì dân; về quốc phòng toàn dân, về phát triển kinh tế và văn hóa, về đạo đức cách mạng và xây dựng con người mới. Người học biết vận dụng vào quá trình tự rèn luyện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong thời đại mới.

Logic học: 02 tín chỉ

Nội dung: học phần “Logic học” cung cấp cho người học kiến thức tư duy nhận thức về các hình thức, bản chất của các phạm trù khoa học, giả thuyết khoa học và quy luật của tư duy chính xác, tư duy lôgic. Giúp người học có năng lực tự nâng cao tư duy phản biện khoa học, tư duy sáng tạo trong quá trình nhận thức thực tiễn khách quan và biết vận dụng vào quá trình biện luận, lý giải, phân tích, đánh giá tổng quan về các vấn đề khoa học trong các chương trình đào tạo ngành, chuyên ngành và biết cách thức đặt vấn đề khoa học, giải quyết vấn đề, dự báo vấn đề khoa học mới trong các tiểu luận khoa học, đề tài NCKH, luận văn, luận án tốt nghiệp và trong các hoạt động chuyên môn lập nghiệp suốt đời.

Khởi nghiệp: 02 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, kỹ năng về lập kế hoạch hàng năm cho các bộ phận trong công ty và lập dự án khởi nghiệp, như: tổng quan về kế hoạch kinh doanh, nội dung và quá trình lập kế hoạch kinh doanh, thu thập thông tin, kế hoạch tiếp thị, kế hoạch sản xuất, kế hoạch nhân sự, kế hoạch tài chính, phân tích rủi ro trong lập kế hoạch kinh doanh, đánh giá kế hoạch kinh doanh và các vấn đề thực tiễn, triển khai một kế hoạch kinh doanh mẫu.

Xác suất thống kê y dược: 02 tín chỉ

Nội dung: học phần “Xác suất thống kê” tiếp tục cung cấp cho người học kiến thức nền tảng khái niệm, phương pháp luận về phép thử và biến cố ngẫu nhiên, xác suất và các công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số mẫu, kiểm định giả thuyết mẫu. Hiểu được và biết vận dụng các kỹ năng tính toán vào quá trình giải, xử lý phân tích, đánh giá các bài toán xác suất, ước lượng, kiểm định các giả thuyết khoa học thực tiễn trong hoạt động kinh tế xã hội nhân văn, bảo vệ sức khỏe.

Nhập môn ngành Dược: 02 tín chỉ

Nội dung: Giới thiệu tổng quan ngành dược và lĩnh vực công việc nghề nghiệp trong tương lai. Hình thành và phát triển thái độ tích cực trong học tập và công việc trong ngành dược. Hiểu biết các kiến thức cơ bản, các yêu cầu và kỹ năng liên quan trong công việc để định hướng chọn chuyên ngành và công việc phù hợp.

Truyền thông giáo dục sức khỏe: 02 tín chỉ

Nội dung gồm các khái niệm, bản chất, vị trí, vai trò của truyền thông – giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. Hành vi sức khỏe và quá trình thay đổi hành vi sức khỏe; Các nguyên tắc cơ bản trong truyền

thông và các kỹ năng cần thiết để truyền thông giáo dục sức khỏe đạt hiệu quả. Xác định phương pháp, phương tiện và lập kế hoạch truyền thông – giáo dục sức khỏe.

Thuốc generic và sở hữu trí tuệ: 02 tín chỉ

Nội dung: Các giai đoạn trong nghiên cứu phát triển thuốc mới và thuốc generic. Các quy định liên quan về sở hữu trí tuệ, sở hữu công nghiệp và vi phạm sở hữu trí tuệ trong ngành dược. Đăng ký lưu hành thuốc generic. Quản lý hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu thuốc generic.

Quản trị dược: 02 tín chỉ

Nội dung: Các khái niệm cơ bản, tầm quan trọng của quản trị kinh doanh dược đối với các hình thức kinh doanh dược. Các chức năng và kỹ năng của nhà quản trị doanh nghiệp dược. Phân tích môi trường quản trị trong kinh doanh dược phẩm. Hoạt động quản trị trong các hình thức kinh doanh dược phẩm.

Kinh tế doanh nghiệp dược: 02 tín chỉ

Nội dung: Tình hình kinh tế dược hiện nay, những quy định của nhà nước trong hoạt động kinh doanh dược phẩm và các hoạt động của Doanh nghiệp Dược. Kết thúc học phần, sinh viên sẽ biết cách định hướng, phân tích và lựa chọn cơ hội đem lại hiệu quả nhất, giải quyết những vấn đề thường gặp trong ngành Dược.

Kinh tế y tế: 02 tín chỉ

Nội dung: Kiến thức về việc sử dụng nguồn lực y tế trong các cơ sở cung cấp dịch vụ y tế. Kết thúc học phần, sinh viên sẽ biết cách phân bổ, sử dụng nguồn lực y tế thích hợp nhằm thoả mãn tốt nhất nhu cầu ngày càng cao về dịch vụ y tế của cá nhân và cộng đồng.

Quản lý và bảo quản thiết bị y tế: 02 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp kiến thức về việc lập dự trù, kế hoạch mua sắm, tổ chức đấu thầu, bảo quản, kiểm tra việc sử dụng trang thiết bị y tế. Kết thúc học phần này, sinh viên sẽ biết cách quản lý, bảo quản trang thiết bị y tế một cách hiệu quả.

Quản lý và kinh tế dược: 02 tín chỉ

Nội dung: Các kiến thức cơ bản về doanh nghiệp và doanh nghiệp dược; quy định về thuế doanh nghiệp và hợp đồng, các nguyên tắc cơ bản trong công tác quản lý kinh tế và những yếu tố đặc thù riêng của công tác quản lý kinh tế dược

Dược xã hội học: 02 tín chỉ

Nội dung: Các kiến thức đại cương về Dược xã hội học, nguyên tắc cơ bản khi thiết kế một nghiên cứu Dược xã hội, lịch sử ngành Dược, tổ chức ngành y tế, các chính sách quốc gia về thuốc, chính sách thuốc thiết yếu, chính sách bảo hiểm y tế.

Marketing và thị trường dược phẩm: 02 tín chỉ

Nội dung: Các kiến thức cơ bản về marketing và thương hiệu, các chính sách và chiến lược marketing, vận dụng phương pháp phân tích môi trường kinh doanh để đưa ra các chiến lược, các chiến lược phân phối hàng hóa, cách thức để xây dựng, quảng bá và bảo vệ thương hiệu.

Quản lý và cung ứng thuốc: 02 tín chỉ

Nội dung: Các kiến thức cơ bản về quản lý, quản lý chuỗi cung ứng thuốc, mô hình kế hoạch cung ứng thuốc, hệ thống cung ứng thuốc của Việt Nam.

Pháp chế dược: 02 tín chỉ

Nội dung: Giúp sinh viên hiểu rõ các văn bản pháp luật hiện hành được sử dụng cho lĩnh vực dược tại Việt Nam như Luật dược và các văn bản dưới luật khác. Kết thúc học phần,

sinh viên sẽ biết cách hoạt động trong ngành dược cho đúng qui định Nhà nước khi ra trường.

Chuyên đề Quản lý dược: 03 tín chỉ

Nội dung: Giúp sinh viên vận dụng được các quy định pháp luật hiện hành trong lĩnh vực dược tại Việt Nam. Kết thúc học phần, sinh viên sẽ biết cách phân loại các nhóm thuốc; Đặt hàng thuốc với lượng đặt hàng tối ưu để giảm thiểu các chi phí; Thiết kế được nhãn thuốc theo đúng quy định hiện hành.

Bảo quản thuốc: 02 tín chỉ

Nội dung: Học phần hướng về các Nguyên tắc thực hành tốt được thiết lập hiện nay tại các công ty sản xuất dược phẩm. Hiểu rõ phương pháp bảo quản các dạng thuốc để ứng dụng vào việc đảm bảo chất lượng thuốc sản xuất.

Dược dịch tễ: 02 tín chỉ

Nội dung: Nghiên cứu về tình trạng sức khỏe quần chúng và các yếu tố liên quan ảnh hưởng đến tình trạng sức khỏe đó. Tìm kiếm mối quan hệ giữa tình trạng sức khỏe và yếu tố liên quan từ đó xây dựng giải pháp (như phòng ngừa và kiểm soát bệnh tật) để can thiệp nhằm nâng cao tình trạng sức khỏe.

Hóa dược 1: 02 tín chỉ

Nội dung: Hoá Dược học là môn học chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong phân tích cấu trúc của các nhóm thuốc, sự liên quan giữa cấu trúc và tính chất, giữa cấu trúc và tác dụng, giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về tổng hợp và kiểm nghiệm nguyên liệu làm thuốc, nghiên cứu thiết kế phân tử thuốc và góp phần hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn hợp lý.

Hóa dược 1 – Thực hành: 01 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng trong phân tích cấu trúc của các nhóm thuốc, sự liên quan giữa cấu trúc và tính chất của thuốc: Thực hiện được những phản ứng hóa học đơn giản (ester hóa, amid trong định tính một số các kháng sinh; Điều chế được một số nguyên liệu làm thuốc (qui mô labo): Javel, acid benzoic ; Thao tác căn bản trong tinh khiết hóa sản phẩm; Nắm được nguyên tắc vận hành của các máy quang phổ UV – vis, Máy đo nhiệt độ nóng chảy.

Hóa dược 2: 02 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về nguyên tắc điều chế, công thức cấu tạo, tính chất lý hoá chính để ứng dụng trong kiểm nghiệm, pha chế, bảo quản thuốc; định tính, thử tinh khiết, định lượng một số nguyên liệu dùng làm thuốc, mối liên quan giữa cấu trúc và tác dụng (nếu có) của một số thuốc chính trong các nhóm thuốc kháng histamin, hormon, tác dụng trên thần kinh trung ương, thần kinh ngoại biên, thuốc tim mạch, thuốc lợi tiểu, Vitamin.

Thiết kế thuốc và điều chế một số nguyên liệu làm thuốc: 02 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về những phương pháp cổ điển và hiện đại trong việc nghiên cứu tạo ra thuốc mới (tạo nguyên liệu làm thuốc) từ phản ứng tổng hợp hóa dược, bán tổng hợp đến phương pháp “Thiết kế thuốc” (Drug design) hiện đại, dựa trên các nghiên cứu mối liên quan định lượng giữa cấu trúc và tác dụng (Quantitative Structure – Activity Relationships = QSARs). Đặc biệt, với sự tiến bộ của ngành tin học, với sự xuất hiện của các phần mềm sử dụng trong thiết kế thuốc, quá trình

thiết kế thuốc hợp lý để tạo ra các hoạt chất có hoạt tính sinh học cao và tác dụng chuyên biệt sẽ là con đường duy nhất tạo ra thuốc mới trong tương lai.

Độ ổn định của nguyên liệu làm thuốc: 02 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về khả năng giữ được những đặc tính lý hóa, vi sinh, tác dụng trị liệu và hoạt tính sinh học trong những điều kiện tồn trữ qui định, những kiến thức về tuổi thọ của nguyên liệu làm thuốc và các yếu tố ảnh hưởng, từ đó ứng dụng để khảo sát hạn dùng của thuốc nhằm mục đích đưa thuốc đảm bảo chất lượng ra thị trường.

Hóa dược 2 – Thực hành: 01 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng trong phân tích cấu trúc của các nhóm thuốc, sự liên quan giữa cấu trúc và tính chất của thuốc: Thực hiện được những phản ứng hóa học đơn giản (ester hóa, amid hóa...) trong xác định cấu trúc của vitamin B1, vitamin B6, vitamin C; Điều chế được một số nguyên liệu làm thuốc (qui mô labo): Aspirin, NaCl; Thao tác căn bản trong tinh khiết hóa sản phẩm; Nắm được nguyên tắc vận hành của các máy quang phổ IR.

Chuyên đề Hóa dược: 02 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức mở rộng về những nhóm thuốc chưa được giới thiệu trong chương trình Hóa dược 1, Hóa dược 2 cũng như cập nhật những thuốc mới trong các nhóm thuốc đã học. Qua đó, môn học giúp sinh viên có những hiểu biết về xu hướng nghiên cứu thuốc mới và có thêm kiến thức để phục vụ cho các môn học khác cũng như việc hướng dẫn sử dụng thuốc hiệu quả, an toàn, hợp lý.

Dược lý 1: 02 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức đại cương về các cơ chế tác dụng và yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc. Những vấn đề cơ bản trong điều trị của thuốc. Học phần này giúp sinh viên phân loại một số nhóm thuốc cơ bản, tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, liều lượng và cách dùng của một số thuốc trong nhóm thuốc : thuốc tác dụng trên hệ thần kinh thực vật, hệ thần kinh trung ương.

Dược lý 2: 02 tín chỉ

Nội dung: Phân loại một số nhóm thuốc cơ bản, tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, liều lượng và cách dùng của một số thuốc trong nhóm thuốc hệ tiêu hoá, hô hấp, tim-mạch, kháng sinh, giảm đau-kháng viêm- hạ sốt, hormon tuyến tụy và hormon tuyến thượng thận.

Dược lý 3: 02 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức đại cương về cơ chế tác dụng và các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc. Học phần này giúp sinh viên phân loại một số nhóm thuốc cơ bản, nắm được chỉ định, chống chỉ định, tác dụng phụ, liều lượng và cách dùng của các nhóm thuốc tác dụng lên hệ tạo máu, hệ tim mạch, thuốc kháng virus, thuốc diệt ký sinh trùng, vitamin, hormon tuyến giáp, hormon tuyến sinh dục và nhóm thuốc ngừa thai.

Dược lý 1- Thực hành: 01 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kỹ năng thao tác trên thú và thực hành các đường cho thuốc vào cơ thể thú vật. Sinh viên biết cách tính toán pha chế đúng một dung dịch thuốc

với từng yêu cầu cụ thể. Sau khi kết thúc học phần sinh viên có thể xây dựng mô hình được lý thực nghiệm đơn giản để khảo sát, đánh giá tác dụng, độc tính cấp và bán cấp của thuốc.

Dược lý 2- Thực hành: 01 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kỹ năng liên quan đến việc phân loại một số nhóm thuốc cơ bản. Sinh viên vận dụng được kiến thức về tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, liều lượng và cách dùng của thuốc để lựa chọn thuốc sử dụng trên bệnh nhân.

Dược động học: 02 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hóa và thải trừ thuốc trong cơ thể, cũng như các yếu tố sinh lý và bệnh lý ảnh hưởng đến các quá trình này. Kết thúc học phần sinh viên sẽ nắm được các thông số dược động và cách tính toán các thông số để ứng dụng nhằm nâng cao tính an toàn, hiệu quả trong việc sử dụng thuốc trên bệnh nhân.

Chuyên đề Dược lý : 02 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về cơ chế tác dụng và các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc. Học phần này giúp sinh viên phân loại một số nhóm thuốc điều trị các bệnh loãng xương, migraine, thuốc điều trị ung thư, viêm gan, nhiễm trùng bệnh viện. Hiểu rõ cơ chế tác dụng sẽ giúp sinh viên nắm được chỉ định, chống chỉ định, tác dụng phụ, liều lượng và cách dùng của các nhóm thuốc này.

Phương pháp nghiên cứu dược lý và thử thuốc trên lâm sàng: 02 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức đại cương về các phương pháp nghiên cứu dược lý thực nghiệm và thử thuốc trên lâm sàng. Học phần này giúp sinh viên biết nguyên tắc, các bước thực hiện một nghiên cứu dược lý và thử thuốc trên lâm sàng. Qua đó, sinh viên có thể ứng dụng để lựa chọn và thực hiện mô hình dược lý và dược lâm sàng phù hợp với mục đích nghiên cứu.

Thực hành Dược khoa 2: 01 tín chỉ

Nội dung: Nhận diện và sử dụng đúng các dụng cụ dùng trong bào chế Pha chế được dung dịch cồn, dung dịch dùng ngoài, thuốc mỡ, thuốc bột

Bào chế và công nghệ dược phẩm 1: 02 tín chỉ

Nội dung: Học phần Bào chế và sinh dược học 1 cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đặc điểm, thành phần công thức, kỹ thuật bào chế, yêu cầu chất lượng và sinh dược học của các dạng bào chế thuộc hệ phân tán đồng thể: dung dịch thuốc uống và dùng ngoài, thuốc tiêm, thuốc nhỏ mắt, cao thuốc, cồn thuốc, rượu thuốc.

Bào chế và công nghệ dược phẩm 1 – Thực hành: 01 tín chỉ

Nội dung: Học phần Bào chế và sinh dược học 1 - thực hành cung cấp cho sinh viên cách tính và xây dựng công thức pha chế, kỹ thuật pha chế đúng kỹ thuật và tác phong chuyên nghiệp trong thao tác và kỹ thuật pha chế các dạng thuốc như dung dịch thuốc (dung dịch uống và dung dịch dùng ngoài), thuốc nhỏ mắt, thuốc tiêm, cồn thuốc, rượu thuốc

Bào chế và công nghệ dược phẩm 2: 02 tín chỉ

Nội dung: Học phần Bào chế và sinh dược học 2 cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đặc điểm, thành phần công thức, kỹ thuật bào chế, yêu cầu chất lượng và sinh

được học của các dạng bào chế thuộc hệ phân tán dị thể: nhũ tương, hỗn dịch, thuốc mỡ, thuốc đạn, thuốc bột, thuốc cốm, thuốc viên và thuốc nang

Bào chế và công nghệ dược phẩm 2 - Thực hành: 01 tín chỉ

Nội dung: Học phần Bào chế và sinh dược học 2 cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đặc điểm, thành phần công thức, kỹ thuật bào chế, yêu cầu chất lượng và sinh dược học của các dạng bào chế thuộc hệ phân tán dị thể: nhũ tương, hỗn dịch, thuốc mỡ, thuốc đạn, thuốc bột, thuốc cốm, thuốc viên và thuốc nang.

Sản xuất thuốc 2: 02 tín chỉ

Nội dung: Học phần Sản xuất thuốc 2 cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng về sản xuất ở quy mô pilot một số dạng thuốc phổ biến như: thuốc tiêm, viên nén, viên bao phim, vi hạt, viên nang cứng, thuốc bán rắn.

Hệ thống trị liệu mới và một số dạng thuốc đặc biệt: 02 tín chỉ

Nội dung: Hệ thống trị liệu mới và một số dạng thuốc đặc biệt cung cấp cho sinh viên kiến thức về các dạng bào chế mới đang được sử dụng và nghiên cứu như vi nang, dạng thuốc phóng thích kéo dài, công nghệ nano dùng trong ngành Dược, liposome...

Thực phẩm chức năng: 02 tín chỉ

Nội dung: Học phần Thực phẩm chức năng cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thực phẩm chức năng và một số hợp chất thường dùng trong thực phẩm chức năng, ứng dụng các kiến thức đã học vào sản xuất thực phẩm chức năng.

Chuyên đề Bào chế: 03 tín chỉ

Nội dung: Học phần chuyên đề Bào chế cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đặc điểm, thành phần công thức, kỹ thuật bào chế 1 sản phẩm được chọn

Giải phẫu - Sinh lý: 03 tín chỉ

Nội dung: Những đặc điểm cơ bản nhất về giải phẫu của các hệ cơ quan trong cơ thể người. Sinh lý học của máu và các dịch thể, sinh lý của các hệ cơ quan trong cơ thể người (tuần hoàn, hô hấp, tiêu hoá, thần kinh, bài tiết, nội tiết, sinh dục ...).

Sinh lý bệnh - miễn dịch: 02 tín chỉ

Nội dung: Đại cương về sinh lý bệnh, sinh lý bệnh quá trình viêm, bệnh hệ tuần hoàn, bệnh chức phận tiêu hoá, tiết niệu, nội tiết ...

Đại cương miễn dịch học và miễn dịch bệnh lý, cơ chế hình thành miễn dịch, nguyên lý tác dụng của vaccin và ứng dụng trong việc phòng và điều trị bệnh...

Sinh lý & sinh lý bệnh - Thực hành: 01 tín chỉ

Nội dung: Học phần cung cấp kiến thức, cho phép sinh viên thực hành và nhận định một số tình trạng sinh lý, bệnh lý thông qua phân tích kết quả cận lâm sàng trên bài thực hành và áp dụng vào thực tế. Từ đó tạo cơ sở để sinh viên tiếp thu các kiến thức về sinh lý, sinh lý bệnh, định hướng về điều trị ở các môn học tiếp theo. Xây dựng kỹ năng giao tiếp và thực hành chăm sóc người bệnh.

Bệnh học: 03 tín chỉ

Nội dung: Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, phương pháp điều trị và dự phòng các bệnh cơ bản...

Tập trung vào những bệnh thường gặp ở hệ cơ quan tương ứng nội dung giảng dạy học phần dược lý, dược lâm sàng. Ngoài ra còn nhận định được triệu chứng lâm sàng và một số kết quả xét nghiệm một số bệnh và thuốc điều trị một số bệnh thường gặp.

Dược lâm sàng 1: 02 tín chỉ

Nội dung: Các nguyên lý cơ bản trong sử dụng thuốc. Hiểu các quá trình dược động học, phản ứng có hại của thuốc, dị ứng thuốc, tương tác thuốc, cách sử dụng thuốc cho những đối tượng đặc biệt, ý nghĩa của xét nghiệm lâm sàng thông dụng. Vận dụng kiến thức của những môn học trước (như hóa sinh, dược lý...) phân tích, đánh giá việc lựa chọn và sử dụng thuốc cho bệnh nhân, đồng thời có khả năng hướng dẫn người bệnh dùng thuốc an toàn, hiệu quả, hợp lý và kinh tế.

Dược lâm sàng 2: 02 tín chỉ

Nội dung: Nguyên tắc sử dụng một số nhóm thuốc thông dụng như kháng sinh, corticoid, giảm đau, vitamin ... Bên cạnh đó, Học phần cũng cung cấp những hướng dẫn về việc dùng thuốc trên các đối tượng bệnh nhân. Từ đó, sinh viên có khả năng kết hợp và vận dụng kiến thức về Dược lâm sàng phục vụ công tác tư vấn và giám sát các công việc liên quan đến thuốc với mục tiêu sử dụng thuốc trong điều trị an toàn, hiệu quả, hợp lý và kinh tế.

Dược lâm sàng - Thực hành: 01 tín chỉ

Nội dung: Hướng dẫn sử dụng thuốc mô phỏng cho bệnh nhân nội trú và ngoại trú đã được chuẩn đoán bệnh và có phươg án điều trị, hướng dẫn mô phỏng bệnh nhân những vấn đề liên quan đến thuốc bao gồm: Sử dụng thuốc thế nào cho đúng, thời gian tái khám và các biện pháp theo dõi hiệu quả của thuốc, phát hiện, ghi nhận và báo cáo tương tác thuốc, tác dụng phụ của thuốc gây ra, biệt dược cùng loại có thể thay thế được không...

Sử dụng thuốc trong điều trị 1: 02 tín chỉ

Nội dung: Các kiến thức liên quan đến sử dụng thuốc trong điều trị, được trình bày cụ thể nhằm sinh viên thực hành chăm sóc dược theo mục tiêu và nguyên tắc điều trị đã đặt ra cho mỗi bệnh nhân, liên quan đến sử dụng thuốc trong điều trị một số bệnh: Bệnh tim mạch, bệnh nội tiết và chuyển hóa, bệnh thần kinh - tâm thần...

Sử dụng thuốc trong điều trị 2: 02 tín chỉ

Nội dung: Các kiến thức liên quan đến sử dụng thuốc trong điều trị, được trình bày cụ thể nhằm sinh viên thực hành chăm sóc dược theo mục tiêu và nguyên tắc điều trị đã đặt ra cho mỗi bệnh nhân, liên quan đến sử dụng một số nhóm thuốc đặc biệt như: hóa trị liệu ung thư, thuốc y học cổ truyền, nuôi dưỡng nhân tạo...

Chăm sóc dược: 02 tín chỉ

Nội dung: Chăm sóc dược là một lĩnh vực thực hành lấy bệnh nhân làm trung tâm, trong đó chuyên gia y tế nhận trách nhiệm về các nhu cầu liên quan đến thuốc của bệnh nhân và luôn luôn phải đảm bảo hoàn thành trách nhiệm đó, nhiệm vụ tập trung vào việc điều trị bằng thuốc đã được chuẩn đoán và có phươg án điều trị với mục đích cải thiện về chất lượng cuộc sống bệnh nhân

Bảo hiểm y tế và chính sách công: 02 tín chỉ

Nội dung: Kiến thức về bảo hiểm y tế để nhân viên y tế đảm bảo mục tiêu chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng, mọi người dân đều có quyền được hưởng bảo hiểm y tế khi khám bệnh, chữa bệnh.

Chính sách công là công cụ quản lý vĩ mô quan trọng của nhà nước, được các quốc gia trên thế giới vận dụng vào thực hiện chính sách y tế nói chung và chính sách quốc gia về thuốc nói riêng. Chính sách công đại cương trang bị những kiến thức cơ bản cho người Dược sĩ tương lai thực thi các chính sách công, những mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội.

Thông tin thuốc và cảnh giác dược: 02 tín chỉ

Nội dung: Thông tin thuốc nói đến sự tiếp cận về thuốc có hệ thống, đảm bảo tín hợp lý trong công tác tìm kiếm và thu thập thông tin, khai thác tốt và sử dụng hiệu quả tài nguyên thông tin thuốc sẵn có từ các nguồn thông tin phù hợp.

Cảnh giác được là môn khoa học và hoạt động chuyên môn liên quan đến việc phát hiện, đánh giá, hiểu và phòng tránh biến cố bất lợi hoặc bất kỳ một vấn đề nào khác liên quan đến thuốc.

Đề kháng kháng sinh và nhiễm trùng bệnh viện: 02 tín chỉ

Nội dung: Kiến thức về kháng sinh và vi khuẩn, sử dụng kháng sinh trong các bệnh nhiễm khuẩn thường gặp trong bệnh viện và cộng đồng (nhiễm khuẩn hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, thận - tiết niệu,...). Sử dụng kháng sinh hợp lý để góp phần ngăn chặn tình trạng kháng thuốc đang diễn ra phức tạp như hiện nay.

Đẩy mạnh các hoạt động phòng, chống kháng thuốc góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác phòng, chống dịch bệnh, khám bệnh, chữa bệnh, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cộng đồng.

Dược bệnh viện: 02 tín chỉ

Nội dung: Dược bệnh viện trong tương lai tập trung vào việc đáp ứng nhu cầu đa dạng của bệnh nhân, tận dụng tối đa thuốc và sử dụng chuyên môn của dược sĩ lâm sàng đổi mới các dịch vụ về dược của bệnh viện để cung cấp các tiêu chuẩn tốt nhất và phát triển các cách thức làm việc mới khi công nghệ thông tin phát triển ứng dụng vào trong lĩnh vực y tế. Xây dựng đội ngũ Dược sĩ lâm sàng lành nghề và lãnh đạo dược có tầm nhìn để bệnh nhân tiếp tục được hưởng lợi từ sự đóng góp quan trọng từ đội ngũ dược sĩ lâm.

Chuyên đề Dược lâm sàng: 03 tín chỉ

Nội dung: Chuyên đề giúp tiếp cận những vấn đề thực tế của việc sử dụng thuốc hợp lý là mục tiêu của dược lâm sàng. Để lựa chọn thuốc hợp lý với những tiêu chuẩn như hiệu quả (khả năng khỏi bệnh tốt, tỷ lệ bệnh nhân khỏi bệnh cao), an toàn (khả năng tác dụng không mong muốn thấp), Tiện dụng (dễ sử dụng như: cách đưa thuốc, số lần dùng thuốc, càng đơn giản càng tốt), Kinh tế (Chi phí thuốc hợp lý cho 1 ngày điều trị hoặc cả liệu trình điều trị) và sẵn có (thuốc phải luôn có ở cơ sở điều trị)

Hóa sinh dược: 02 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cấu trúc, tính chất, đặc điểm của các phân tử sinh học trong cơ thể sống. Ngoài ra, học phần này giúp sinh viên hiểu được các quá trình vận chuyển, sinh tổng hợp, thoái hóa các chất (protid, glucid, lipid, enzym, hormon...) và năng lượng trong việc duy trì sự sống.

Hóa sinh dược – Thực hành: 01 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản để xác định các chỉ tiêu sinh hóa trong mẫu bệnh phẩm. Kết thúc môn học, sinh viên có thể thực hiện được các xét nghiệm cơ bản trong các mẫu sinh học như huyết thanh, nước tiểu.

Độc chất học: 02 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về tính chất hóa học và độc tính của các chất độc; phương pháp phân tích chất độc trong các mẫu phân tích, đồng thời biết cách xử lý một số trường hợp ngộ độc cấp tính; Kết thúc học phần sinh viên biết được tính chất của các chất độc, hiểu được các cơ chế gây độc và có cách để đề phòng và điều trị khi ngộ độc.

Độc chất học – Thực hành: 01 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng phát hiện, phân tích chất độc trong mẫu và cách xử lý khi bị nhiễm độc. Kết thúc môn học sinh viên có thể ứng dụng thành thạo các phương pháp nhận biết và phân tích chất độc, phòng và điều trị khi bị nhiễm độc.

Hóa sinh lâm sàng: 02 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức bệnh học liên quan đến các quá trình chuyển hóa ở các mô, cơ quan của cơ thể; các cơ chế bệnh học cùng với sự biến đổi của các chỉ số hóa sinh trong suốt quá trình bệnh lý; các xét nghiệm chuẩn đoán, theo dõi và tiên lượng bệnh. Kết thúc học phần sinh viên có thể ứng dụng thành thạo các xét nghiệm hóa sinh, chuẩn đoán và tiên lượng bệnh.

Hóa hữu cơ: 03 tín chỉ

Nội dung: Nghiên cứu về những cấu trúc, tính chất, thành phần, cách thức phản ứng, và cách tổng hợp của những hợp chất hữu cơ và vật liệu hữu cơ... cũng như nhiều vật chất khác nhau chứa nguyên tử cacbon. Hóa hữu cơ nghiên cứu các đặc tính lý hóa của hợp chất, đánh giá mức độ phản ứng cũng như xác định tính chất của chúng ở trạng thái tinh khiết, trong dung dịch, hỗn hợp và các dạng khác. Các nghiên cứu về phản ứng hữu cơ có thể kể đến bao gồm việc chuẩn bị cho các phản ứng tổng hợp hữu cơ, nghiên cứu mức độ hoạt động của phản ứng, cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các hiệu ứng điện tử, hiệu ứng lập thể; về cơ chế phản ứng, đồng phân; về các nhóm định chức chính: danh pháp, điều chế, hóa tính, ứng dụng trong dược.

Hóa lý dược: 02 tín chỉ

Nội dung: Hóa lý dược là môn trung gian giữa hóa học và vật lý, nghiên cứu giữa hai dạng biến đổi giữa hóa học và vật lý của vật chất, nghiên cứu cơ chế, tốc độ của các quá trình biến đổi, cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến các quá trình đó. Nghiên cứu cấu tạo nguyên tử, phân tử và các trạng thái tập hợp của các chất. Khảo sát các hiệu ứng nhiệt của phản ứng, xác định khả năng tự diễn biến của các quá trình hóa học, cân bằng và sự chuyển dịch cân bằng của các phản ứng hóa học, các quá trình chuyển pha, hệ phân tán, các hiện tượng bề mặt và hấp phụ dung dịch cao phân tử. Các nội dung của học phần hóa lý dược nêu trên là một phần kiến thức nền cần thiết cho các môn học thuộc chuyên ngành dược như sản xuất nguyên liệu làm thuốc, bào chế các dạng thuốc

Hóa hữu cơ - Thực hành: 01 tín chỉ

Nội dung: Học phần thực hành hóa hữu cơ có vai trò giúp sinh viên làm sáng tỏ các phản ứng và các vấn đề liên quan ở học phần lý thuyết. Cung cấp kiến thức về cách thiết lập các hệ thống dụng cụ khác nhau để làm phản ứng hóa học và các cách để tinh chế sản phẩm sau khi phản ứng kết thúc. Khảo sát rõ hơn về tính chất vật lý cũng như tính chất hóa học của các nhóm chức hữu cơ đặc trưng. Ngoài ra còn cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thao tác các dụng cụ từ đơn giản đến phức tạp và ý thức được sự an toàn trong phòng thí nghiệm.

Hóa lý dược - Thực hành: 01 tín chỉ

Nội dung: Học phần thực hành hóa lý dược có vai trò giúp sinh viên làm sáng tỏ các hiện tượng và tính chất của hệ phân tán và các vấn đề liên quan ở học phần lý thuyết như cơ chế, tốc độ của các quá trình biến đổi, cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến các quá trình đó. Khảo sát các hiệu ứng nhiệt của phản ứng, xác định khả năng tự diễn biến của các quá trình hóa học, cân bằng và sự chuyển dịch cân bằng của các phản ứng hóa học, các

quá trình chuyển pha, hệ phân tán, các hiện tượng bề mặt và hấp phụ dung dịch cao phân tử. Giải thích dựa vào kết quả thực nghiệm về các nguyên tắc điều chế các hệ phân tán: hệ keo, hỗn dịch, nhũ tương, dung dịch cao phân tử. Phân loại được các hệ phân tán.

Thực hành được khoa 1: 01 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên (SV) những hiểu biết ban đầu về khoa Dược, về sứ mạng của ngành Dược trong công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng và tầm quan trọng của các môn học thực hành trong quá trình học tập ngành Dược. Môn học giới thiệu và hướng dẫn cách sử dụng đúng các dụng cụ thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm (PTN). Môn học cung cấp các kiến thức và kỹ năng nền tảng rất quan trọng để SV tiếp thu các môn học thực hành tiếp theo như Hóa phân tích - TH, Hóa sinh -TH, Hóa dược -TH, Dược liệu -TH, Dược lý -TH, Kiểm nghiệm thuốc -TH, Bào chế -TH là các môn nghiệp vụ sẽ học cho những năm kế tiếp. Môn học cũng định hướng cho SV quá trình học tập trong môi trường đại học, hướng dẫn cho SV thực hiện nền nếp và các kỹ năng giao tiếp làm việc nhóm hiệu quả cần thiết trong quá trình học tập.

Hóa phân tích 1: 02 tín chỉ

Nội dung: Hóa phân tích 1 là học phần cơ sở ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức đại cương về Hóa phân tích; các khái niệm và định luật cơ bản về hoá học phân tích; các phương pháp phân tích Hóa học sử dụng trong ngành Dược. Môn học cung cấp các kiến thức và kỹ năng nền tảng rất quan trọng để sinh viên Dược tiếp thu các môn học nghiệp vụ sẽ được học tập ở các năm kế tiếp: Hóa phân tích 2; Bào chế; Dược liệu; Hóa dược; Dược lực; Kiểm nghiệm thuốc. Môn học cũng làm cho các Dược sĩ hiểu rõ, dù làm việc ở bất kì vị trí nào thì cũng xác định được nhiệm vụ của mình là trực tiếp hay gián tiếp góp phần cho thuốc phải đúng về chất lượng và đủ về số lượng tới tay người tiêu dùng.

Hóa phân tích 2: 02 tín chỉ

Nội dung: Hóa phân tích 2 là học phần cơ sở ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức đại cương về phân tích công cụ; các khái niệm và định luật cơ bản về hoá học phân tích công cụ. Trang bị những kiến thức về các loại phương pháp phân tích định lượng hiện đại sử dụng trong ngành Dược dùng để định tính, định lượng các thành phần hoạt chất trong suốt quá trình sản xuất, kiểm nghiệm cũng như lưu thông và sử dụng thuốc. Trang bị những kiến thức giúp sinh viên hiểu rõ hơn những môn chuyên ngành liên quan tiếp theo như: Bào chế; Dược liệu; Hóa dược; Dược lực; Kiểm nghiệm thuốc. Môn học cũng cung cấp các kiến thức rất quan trọng để sau khi tốt nghiệp, dù làm việc ở bất kì vị trí nào thì Dược sĩ cũng xác định được nhiệm vụ của mình là trực tiếp hay gián tiếp góp phần cho thuốc phải đúng về chất lượng và đủ về số lượng tới tay người tiêu dùng.

Hóa phân tích 1- Thực hành: 01 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng rất quan trọng về các phương pháp phân tích hóa học và kỹ năng cơ bản về sử dụng các loại dụng cụ trong các phòng thí nghiệm thuộc ngành Dược: TH Bào chế, TH Hóa dược, TH Dược liệu, TH Dược lý, TH Kiểm nghiệm thuốc là các môn nghiệp vụ sẽ học cho những năm kế tiếp. Học phần cũng góp phần làm cho SV hiểu rõ hơn trách nhiệm của người Dược sĩ dù làm ở bất kỳ các vị trí nào cũng góp phần cho thuốc phải đúng về chất lượng, đủ về số lượng tới tay người tiêu dùng. Môn học cũng định hướng cho SV quá trình học tập trong môi trường

đại học, thực hiện nền nếp và các kỹ năng giao tiếp làm việc nhóm hiệu quả cần thiết trong quá trình học tập.

Hóa phân tích 2 – Thực hành: 01 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho SV kiến thức và kỹ năng cơ bản về hóa học phân tích dùng để định tính và định lượng các thành phần trong thuốc. Cung cấp cho SV kiến thức về các phương pháp phân tích hiện đại được sử dụng trong ngành Dược, cung cấp kỹ năng sử dụng công cụ hiện đại trong phân tích: máy đo quang phổ, máy đo điện thế, máy sắc ký. Qua đó SV có kiến thức nền tảng quan trọng và kỹ năng thực hành sử dụng máy móc thiết bị để học các môn chuyên ngành kế tiếp như: TH Bào chế, TH Hóa dược, TH Dược liệu, TH Dược lý, TH Kiểm nghiệm thuốc. Góp phần lớn vào sự nhận thức của SV dù làm ở bất kỳ các vị trí nào thì Dược sĩ cũng xác định được nhiệm vụ của mình là trực tiếp hay gián tiếp góp phần cho thuốc phải đúng về chất lượng, đủ về số lượng khi tới tay người tiêu dùng. Môn học cũng định hướng cho SV quá trình học tập trong môi trường đại học, thực hiện nền nếp và các kỹ năng giao tiếp làm việc nhóm hiệu quả cần thiết trong quá trình học tập.

Hóa vô cơ: 02 tín chỉ

Nội dung: Hóa vô cơ là học phần cơ sở nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức hóa học nền tảng quan trọng, các khái niệm và định luật cơ bản về hoá học, những tính chất thành phần cấu trúc của chất. Trang bị những kiến thức về các loại hợp chất vô cơ quan trọng liên quan đến ngành Dược. Với những kiến thức này, học viên có thể áp dụng trong việc học những môn liên quan tiếp theo như: Hóa lý Dược, Hóa phân tích. Hóa Dược, Kiểm nghiệm thuốc, Bào chế...

Kiểm nghiệm thuốc: 03 tín chỉ

Nội dung: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về nghiệp vụ kiểm nghiệm (công cụ cần thiết để kiểm tra chất lượng thuốc, thẩm định trang thiết bị để tiến hành xây dựng các tiêu chuẩn cơ sở kiểm nghiệm các dạng thuốc). Kết thúc môn học, sinh viên sẽ phân tích được những quan điểm và xu hướng mới trong kiểm nghiệm các dạng bào chế.

Kiểm nghiệm thuốc – Thực hành: 01 tín chỉ

Nội dung: Môn học cung cấp các kỹ năng về phương pháp kiểm nghiệm các dạng bào chế để từ đó đánh giá chất lượng thuốc; Hiểu được các chức năng kiểm nghiệm, làm quen với các công cụ trong công tác kiểm nghiệm, phát triển các kỹ năng cần thiết để vận dụng trong thực tế sau này.

Chuyên đề Kiểm nghiệm: 02 tín chỉ

Nội dung: Môn học cung cấp kiến thức về sinh khả dụng của thuốc và tương đương sinh học (khái niệm, ý nghĩa, vai trò, tiêu chí đánh giá, qui định đăng kí); các phương pháp xác định sinh khả dụng và tương đương sinh học; chất đối chiếu (khái niệm, thiết lập); độ ổn định và tuổi thọ của thuốc (đại cương, động hóa học, cách xác định độ ổn định của thuốc).

Xây dựng hồ sơ đăng ký thuốc: 02 tín chỉ

Nội dung: Môn học giúp sinh viên hiểu được các quy định chung trong đăng ký thuốc. Trang bị cho sinh viên cách thức xây dựng (trình tự, thủ tục) đăng ký thuốc. Kết thúc học phần, sinh viên có thể vận dụng trong thực tế sau này nhằm đạt được mục đích là thiết lập hồ sơ đăng ký lưu hành thuốc.

Thẩm định quy trình sản xuất thuốc: 02 tín chỉ

Nội dung: Môn học giúp sinh viên hiểu được các trình tự chung sau khi tạo ra thành phẩm thuốc thì cần kiểm soát toàn bộ quy trình về mặt thẩm định trước khi tiến đến đăng kí hồ sơ lưu hành thuốc. Việc thẩm định quy trình sản xuất được đánh giá thường xuyên lẫn định kì để đảm bảo chất lượng thuốc. Các yêu cầu bắt buộc chung lẫn chuyên biệt cho từng loại chế phẩm (vô trùng, không vô trùng) và các quy định tại Việt Nam được cập nhật sẽ được cung cấp cho sinh viên. Môn học đặc biệt có ý nghĩa đối với những sinh viên định hướng chuyên ngành sản xuất và phát triển thuốc khi làm việc tại các nhà máy sản xuất thuốc.

Thực hành được khoa 3: 01 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên kiến thức về đặc điểm chung của các họ thực vật thường gặp và các dược liệu quan trọng trong họ; Kỹ năng để nhận diện và phân biệt được các cây thuốc thông dụng; thành phần, công dụng và cách dùng của các cây thuốc này. Kỹ năng đọc viết tên thuốc theo La tinh.

Dược học cổ truyền: 02 tín chỉ

Nội dung: Học phần giúp sinh viên có nhận thức đúng đắn về việc sử dụng cây cỏ trong thiên nhiên. Dựa vào các nguyên lý và học thuyết trong y học cổ truyền, các phương pháp sao tẩm chế biến, sinh viên có thể phân tích được một số bài thuốc cổ phương, tân phương, phân tích được các vị thuốc theo Quân - Thần - Tá - Sứ. Sau đó có thể sao tẩm chế biến các vị thuốc thường dùng đúng quy cách để thuốc có tác dụng tối đa.

Dược liệu 1: 03 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về công tác dược liệu; Các khái niệm, cấu trúc, phân loại, phương pháp kiểm nghiệm, chiết xuất, phân lập, định tính, định lượng và xác định cấu trúc các nhóm hợp chất carbohydrat, glycosid và glycosid trợ tim, saponin, anthraglycosid, flavonoid, coumarin, tannin, monoterenoid và diterpenoid có trong dược liệu cũng như tác dụng dược lý trong điều trị bệnh của một số dược liệu thông dụng.

Dược liệu 1 – Thực hành: 01 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản và các kỹ năng cần thiết về cấu trúc, phân loại, phương pháp kiểm nghiệm, chiết xuất, phân lập và xác định cấu trúc các nhóm hoạt chất thường gặp trong dược liệu (carbohydrat, glycoside tim, saponin, anthranoid, coumarin, flavonoid, tanin). Kết thúc học phần, sinh viên có thể tự mình định tính và định lượng các nhóm hợp chất kể trên trong dược liệu.

Dược liệu 2: 02 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về nguồn gốc, đặc điểm, phân bố, nguyên tắc định tính, định lượng, chiết xuất, phân lập, xác định cấu trúc hóa học của các nhóm hợp chất alcaloid, tinh dầu, chất béo, nhựa và các dược liệu có nguồn gốc từ động vật cũng như tác dụng dược lý trong điều trị bệnh của một số dược liệu thông dụng.

Dược liệu 2 – Thực hành: 01 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản và các kỹ năng cần thiết về cấu trúc, phân loại, phương pháp kiểm nghiệm, chiết xuất, phân lập và xác định cấu trúc các nhóm hoạt chất thường gặp trong dược liệu (alkaloid, tinh dầu, chất béo). Kết thúc học phần, sinh viên có thể tự mình định tính và định lượng các nhóm hoạt chất kể trên trong dược liệu.

Sản xuất thuốc 1: 02 tín chỉ

Nội dung: Giúp sinh viên nắm được định nghĩa, vai trò và tiềm năng kinh tế của thuốc từ dược liệu, đồng thời cung cấp những kiến thức liên quan đến GACP, các phương pháp chiết xuất, bào chế cao thuốc và chuẩn hóa cao, kiểm nghiệm nguyên liệu, bán thành phẩm và thành phẩm thuốc từ dược liệu; các phương pháp sàng lọc tác dụng sinh học của dược liệu, một số mỹ phẩm có nguồn gốc tự nhiên.

Phương pháp nghiên cứu dược liệu: 02 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng về phân biệt, chống nhầm lẫn dược liệu, các phương pháp chiết xuất, sắc ký thường dùng trong nghiên cứu dược liệu, kiểm nghiệm tiêu chuẩn dược liệu theo quy định.

Chuyên đề Dược liệu: 02 tín chỉ

Nội dung: Giúp sinh viên vận dụng được các kiến thức đã học về hóa hợp chất tự nhiên trong nghiên cứu phát triển thuốc mới từ dược liệu. Kết thúc học phần, sinh viên sẽ biết cách phân loại thực vật, phân tích sơ bộ thành phần hóa thực vật, khảo sát một số hoạt tính thường gặp trong dược liệu, xây dựng tiêu chuẩn kiểm nghiệm dược liệu.

Tiếng Anh chuyên ngành 1: 03 tín chỉ

Nội dung: Giới thiệu cho sinh viên các cấu trúc và thuật ngữ y học thông dụng qua các bài đọc hiểu có nội dung liên quan đến ngành dược: các thuật ngữ tương tác và phản ứng của thuốc; loại và dạng thuốc; các bệnh thông thường; một số loại thuốc quan trọng; chất khoáng; các chất dinh dưỡng và chất bổ sung.

Tiếng Anh chuyên ngành 2: 03 tín chỉ

Nội dung: Học phần này bao gồm các bài đọc hiểu có nội dung liên quan đến những thuật ngữ thường dùng trong ngành dược (chủ yếu là dược lý và dược lý lâm sàng), dược phẩm sinh học, việc sử dụng thuốc, thuốc OTC, các loại thuốc thông thường, và hệ thống đo lường và tính toán dùng trong dược lý.

Tin học ứng dụng trong ngành Dược: 01 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản khi thao tác trên: Windows - Internet - MS-Office - ISIS\Draw ... để người học trình bày tốt văn bản khoa học, bản chiếu điện tử, biểu đồ thống kê

Ký sinh trùng dược: 02 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về ký sinh trùng và tầm quan trọng của ký sinh trùng y học ở Việt Nam. Kết thúc học phần, sinh viên có thể hiểu rõ đặc điểm sinh học; đánh giá các dấu hiệu bệnh lý, giải thích nguyên tắc và quy trình xét nghiệm định danh ký sinh trùng gây bệnh, tóm lược phương pháp điều trị và phòng chống bệnh ký sinh trùng.

Ký sinh trùng dược – Thực hành: 01 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản để nhận biết ký sinh trùng gây bệnh thường gặp ở Việt Nam. Kết thúc học phần sinh viên có thể sử dụng thành thạo kính hiển vi để quan sát hình thể và nhận diện các ký sinh trùng đặc trưng của từng nhóm Đơn bào, Giun sán, Động vật chân khớp và Vi nấm; giải thích được nguyên tắc và mô tả được quy trình của một số kỹ thuật xét nghiệm.

Sinh học phân tử dược: 02 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về cấu trúc và chức năng của các đại phân tử sinh học như ADN, ARN, protein; Nắm được các quá trình luân chuyển thông tin trong tế bào (sao chép, phiên mã, dịch mã); Các cách thức điều hòa hoạt động gen.

các loại đột biến gen & các phương pháp phân tích ADN được ứng dụng trong y dược học.

Sinh học phân tử dược – Thực hành: 01 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản trong việc sử dụng thành thạo micropipet, các thiết bị cơ bản (máy ly tâm, máy vortex) để thực hiện phương pháp tách chiết, định tính và định lượng ADN, tính toán, thiết lập phản ứng PCR.

Vi sinh dược: 02 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về cấu tạo, đặc điểm sinh lý, sinh hoá và di truyền của vi sinh vật; Nêu được được nguyên tắc và ứng dụng của miễn dịch trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhiễm khuẩn; Trình bày được đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh, phương hướng phòng và điều trị một số bệnh nhiễm thường gặp.

Vi sinh dược – Thực hành: 01 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản về nguyên tắc, vận hành và phạm vi áp dụng của một số thiết bị vi sinh; Nhận biết vi khuẩn gây bệnh thường gặp ở Việt Nam. Kết thúc học phần, sinh viên có thể thao tác thành thạo các kỹ thuật vi sinh cơ bản nhằm định danh vi khuẩn gây bệnh từ mẫu bệnh phẩm, thực hiện được một số thử nghiệm kháng sinh thường quy.

Sản xuất thuốc 3: 02 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức khái quát về những công nghệ nền tảng của sinh dược học và một số ứng dụng trong ngành Dược... Kết thúc học phần, sinh viên có thể trình bày được mục đích, đặc điểm của kỹ thuật lên men, công nghệ enzym – protein, công nghệ tế bào và công nghệ gen đang được áp dụng rộng rãi trong việc sản xuất các chế phẩm thuốc có nguồn gốc vi sinh vật.

Thực vật dược: 03 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức đại cương về thực vật học, mô tả các cơ quan sinh dưỡng, sinh sản của thực vật; Nguyên tắc chung và phương pháp để phân loại thực vật, định danh thực vật.

Thực vật dược – Thực hành: 01 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức đại cương về thực vật học, mô tả các cơ quan sinh dưỡng, sinh sản của thực vật. Kết thúc học phần, sinh viên có thể thực hiện tiêu bản thực vật để mô tả đặc điểm hình thái, cấu tạo giải phẫu của một số cơ quan thực vật làm cơ sở cho việc nghiên cứu, sưu tầm, kiểm nghiệm.

Sinh học tế bào dược - Thực hành: 01 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về cấu trúc, chức năng của tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực, sự vận chuyển các chất qua màng tế bào và chu kỳ tế bào;

Hướng dẫn sinh viên các bộ phận của kính hiển vi và nguyên tắc, cách sử dụng kính hiển vi;

Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản về cách làm tiêu bản để quan sát dưới kính hiển vi cấu trúc các tế bào nhân sơ và nhân thực, các giai đoạn của chu kỳ tế bào.

Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngành Dược: 02 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học, các bước để thực hiện nghiên cứu khoa học, những kỹ thuật cần thiết để tiếp cận phương pháp thí nghiệm và cách trình bày, báo cáo các kết quả nghiên cứu một cách khoa học.

Thực tập tốt nghiệp: 05 tín chỉ

Nội dung: Thực tập thực tế tại các cơ sở kinh doanh dược như các công ty kinh doanh dược phẩm, xí nghiệp sản xuất dược phẩm, bệnh viện, hiệu thuốc nhằm rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết cho sinh viên. Xây dựng và phát triển thái độ tích cực trong công việc liên quan đến sức khỏe và bệnh nhân.

Khóa luận tốt nghiệp: 07 tín chỉ

Nội dung: Trang bị các kiến thức tổng hợp cho sinh viên giải quyết một vấn đề cụ thể của ngành dược trong thực tiễn; Trang bị các kỹ năng nghiên cứu, kỹ năng thu thập thông tin, kỹ năng phân tích và xử lý số liệu, kỹ năng tập hợp và tổng quan tài liệu chuyên ngành;

Giúp sinh viên có ý thức chủ động trong học tập, tiếp cận với các vấn đề trong thực tiễn và có trách nhiệm với xã hội

7. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các môn học/ học phần vào Chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo

N (Non support): Không đóng góp cho Chuẩn đầu ra

S (Support): Đóng góp cho Chuẩn đầu ra

H (Highly support): Đóng góp nhiều cho Chuẩn đầu ra

TT	Tên môn học	Chuẩn đầu ra (KQHTMD)																	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Độc chất học	S	S	H	N	N	N	S	H	N	N	N	N	S	S	N	N	S	N
2	Độc chất học – TH	H	N	H	N	S	N	H	H	S	N	N	H	S	S	S	N	S	N
3	Hóa sinh dược	S	N	S	N	S	S	S	S	N	N	N	S	S	S	S	N	N	S
4	Hóa sinh dược-TH	H	S	H	N	S	S	S	N	N	N	N	S	S	S	S	S	S	S
5	Hóa sinh lâm sàng	S	S	N	N	S	S	S	N	N	S	S	S	S	S	S	S	S	S
6	Thực vật dược	S	S	S	N	S	N	N	S	S	N	N	S	S	S	S	N	N	N
7	Sinh học tế bào dược -TH	S	S	S	S	S	S	S	S	S	N	N	S	S	S	S	N	N	S
8	Thực vật dược – TH	S	S	S	S	S	S	S	S	S	N	N	S	S	S	S	N	N	S
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngành Dược	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
10	Khóa luận tốt nghiệp	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
11	Tiếng Anh chuyên ngành 1	H	S	H	S	S	S	S	H	H	S	S	S	S	S	S	S	S	S
12	Tiếng Anh chuyên ngành 2	H	S	H	S	S	S	S	H	H	S	S	S	S	S	S	S	S	S
13	Tin học ứng dụng trong ngành Dược	S	S	S	S	S	S	S	S	H	S	S	H	S	S	S	S	S	S
14	Dược lâm sàng 1	N	H	H	S	H	H	S	N	S	H	H	S	S	H	S	H	H	H
15	Dược lâm sàng – TH	H	H	H	S	H	H	S	S	H	H	H	S	S	H	S	H	H	H
16	Dược lâm sàng 2	N	H	H	S	H	H	S	N	S	H	H	S	S	H	S	H	H	H
17	Sử dụng thuốc trong điều trị 1	N	H	H	S	H	H	S	N	S	H	H	S	S	H	S	H	H	H
18	Sử dụng thuốc trong điều trị 2	N	H	H	S	H	H	S	N	S	H	H	S	S	H	S	H	H	H

TT	Tên môn học	Chuẩn đầu ra (KQHTMD)																	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	Dược bệnh viện	S	H	H	S	H	H	S	N	H	H	H	S	S	H	S	H	H	H
20	Chăm sóc dược	N	H	H	S	H	H	S	S	S	H	H	S	S	H	S	H	H	H
21	Bảo hiểm y tế và chính sách công	N	H	H	S	H	H	S	N	N	H	H	S	S	H	S	H	H	H
22	Thông tin thuốc và cảnh giác dược	N	H	H	S	H	H	S	N	S	H	H	S	S	H	S	H	H	H
23	Chuyên đề Dược lâm sàng	S	H	H	S	H	H	S	N	S	H	H	S	S	H	S	H	H	H
24	Đề kháng kháng sinh và nhiễm trùng bệnh viện	S	H	H	S	H	H	S	N	S	H	H	H	S	H	S	H	H	H
25	Hóa hữu cơ	S	S	H	S	H	N	S	S	S	N	N	S	S	S	S	S	N	N
26	Hóa hữu cơ - TH	H	N	H	S	S	S	H	H	S	N	N	S	S	S	S	N	N	S
27	Hóa lý dược	S	S	H	S	N	N	S	S	S	N	N	N	S	S	N	N	S	N
28	Hóa lý dược - TH	H	S	H	S	S	N	H	H	S	N	N	S	S	S	S	N	N	S
29	Thực hành dược khoa 1	H	N	H	N	N	N	H	S	S	N	N	S	S	S	S	N	N	N
30	Hóa phân tích 1	S	S	S	S	S	S	S	S	S	N	N	S	S	S	S	N	N	S
31	Hóa phân tích 1- TH	H	S	S	S	S	S	S	S	S	N	N	S	S	S	S	N	N	S
32	Hóa phân tích 2	S	S	S	S	S	S	S	S	S	N	N	S	S	S	S	N	N	S
33	Hóa phân tích 2- TH	H	S	S	S	S	S	S	S	S	N	N	S	S	S	S	N	N	S
34	Hóa vô cơ	S	S	S	S	N	N	S	S	S	N	N	N	S	S	N	N	S	N
35	Dược liệu 1	H	S	S	S	S	S	S	H	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
36	Dược liệu 2	H	S	S	S	S	S	S	H	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
37	Dược học cổ truyền	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
38	Dược liệu 1 – TH	H	S	S	S	S	S	S	H	S	N	N	S	S	S	S	S	N	S
39	Dược liệu 2 - TH	H	S	S	S	S	S	S	H	S	N	N	S	S	S	S	S	N	S
40	Phương pháp nghiên cứu dược liệu	S	S	S	S	H	N	S	S	S	N	N	H	S	S	S	N		N

TT	Tên môn học	Chuẩn đầu ra (KQHTMD)																	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
41	Chuyên đề Dược liệu	S	S	S	S	H	N	S	S	S	N	N	H	S	S	S	N		N
42	Thực hành dược khoa 3	S	S	S	N	S	S	S	N	N	S	S	S	S	S	S	S	S	S
43	Sản xuất thuốc 1	S	S	H	H	N	S	S	S	H	N	N	N	S	S	N	N	S	N
44	Chuyên đề Kiểm nghiệm	H	N	H	S	H	S	N	N	N	H	S	H	S	H	S	S	S	S
45	Kiểm nghiệm thuốc - TH	H	S	H	N	S	N	H	H	H	S	N	S	S	N	N	S	N	S
46	Kiểm nghiệm thuốc	H	H	S	S	H	N	N	N	N	S	S	H	S	H	S	S	H	H
47	Thẩm định quy trình sản xuất thuốc	S	H	S	S	H	N	N	N	S	S	H	H	N	S	S	N	N	S
48	Xây dựng hồ sơ đăng kí thuốc	S	H	N	N	N	H	S	N	N	S	S	S	N	S	S	N	S	H
49	Ký sinh trùng dược	S	N	S	N	S	S	S	S	N	S	S	S	S	S	S	S	S	S
50	Ký sinh trùng dược - TH	S	N	S	N	S	S	S	S	N	S	S	S	S	S	S	S	S	S
51	Vi sinh dược	S	N	S	N	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
52	Vi sinh dược - TH	S	N	S	N	S	S	S	S	N	S	S	S	S	S	S	S	S	S
53	Sinh học phân tử dược	S	N	S	N	S	N	S	S	N	N	N	S	S	S	S	N	S	S
54	Sinh học phân tử dược - TH	S	N	S	N	S	N	S	S	N	N	N	S	S	S	N	N	S	S
55	Sản xuất thuốc 3	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	N	S	S	S	S	N	S	N
56	Hóa dược 1	H	S	S	S	S	S	S	H	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
57	Hóa dược 2	H	S	S	S	S	S	S	H	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
58	Hóa dược 1 - TH	H	H	S	S	S	S	H	H	S	N	N	S	S	S	S	N	S	S
59	Hóa dược 2 - TH	H	H	S	S	S	S	H	H	S	N	N	S	S	S	S	N	S	S
60	Thiết kế và điều chế một số	H	H	S	S	S	N	H	H	S	N	N	S	S	S	S	N	N	N

TT	Tên môn học	Chuẩn đầu ra (KQHTMD)																	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	nguyên liệu làm thuốc																		
61	Độ ổn định của nguyên liệu làm thuốc	H	H	S	S	S	N	H	H	S	N	N	S	S	S	S	N	S	N
62	Chuyên đề Hóa dược	H	H	S	S	S	N	H	H	S	N	N	S	S	S	S	N	S	N
63	Dược động học	S	N	S	N	S	S	N	N	N	N	S	S	S	S	N	S	S	S
64	Dược lý 1	S	S	S	N	S	S	N	N	N	N	H	S	S	S	N	S	S	S
65	Dược lý 2	S	S	S	N	S	S	N	N	N	N	H	S	S	S	N	S	S	S
66	Dược lý 3	S	S	S	N	S	S	N	N	N	N	H	S	S	S	N	S	S	S
67	Dược lý 1-TH	S	S	S	N	S	S	S	S	N	S	H	S	S	S	N	S	S	S
68	Dược lý 2- TH	S	S	S	N	S	S	S	S	N	S	H	S	S	S	N	S	S	S
69	Phương pháp nghiên cứu dược lý và thử thuốc trên lâm sàng	S	S	S	N	H	N	N	N	N	N	N	S	S	S	S	N	S	N
70	Chuyên đề Dược lý	S	S	S	N	S	S	N	N	N	N	H	S	S	S	N	S	S	S
71	Chuyên đề Quản lý dược	S	S	H	H	H	H	S	S	S	S	H	H	S	S	S	S	S	S
72	Bảo quản thuốc	S	H	N	S	S	S	H	N	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
73	Kinh tế y tế	S	H	N	S	S	S	H	N	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
74	Marketing và thị trường dược phẩm	S	H	N	S	S	S	H	N	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
75	Pháp chế dược	S	S	H	H	H	H	S	S	S	S	H	H	S	S	S	S	S	S
76	Quản trị dược	S	H	N	S	S	S	H	N	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
77	Quản lý và kinh tế dược	S	H	N	S	S	S	H	N	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
78	Dược dịch tễ	S	S	H	H	H	H	S	S	S	S	H	H	S	S	S	S	S	S
79	Dược xã hội học	S	S	H	H	H	H	S	S	S	S	H	H	S	S	S	S	S	S
80	Quản lý và cung ứng thuốc	S	H	N	S	S	S	H	N	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
81	Truyền thông giáo dục sức khỏe	S	S	H	H	H	H	S	S	S	S	H	H	S	S	S	S	S	S
82	Thuốc generic và sở hữu trí tuệ	S	H	N	S	S	S	H	N	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S

TT	Tên môn học	Chuẩn đầu ra (KQHTMD)																	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
83	Kinh tế doanh nghiệp dược	S	H	N	S	S	S	H	N	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
84	Quản lý và bảo quản thiết bị y tế	S	H	N	S	S	S	H	N	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
85	Nhập môn ngành Dược	S	S	N	N	N	S	S	N	N	N	N	N	S	S	S	S	S	S
86	Thực tập tốt nghiệp	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
87	Thực hành dược khoa 2	H	N	S	S	S	S	S	S	S	N	N	S	H	S	S	N	N	S
88	Bào chế và công nghệ dược phẩm 1	H	S	S	S	S	N	S	H	S	N	N	S	S	H	S	N	S	N
89	Bào chế và công nghệ dược phẩm 1 – Thực hành	H	S	S	H	S	N	S	H	H	N	N	H	S	H	H	N	S	H
90	Bào chế và công nghệ dược phẩm 2	H	S	S	S	S	N	S	H	S	N	N	S	S	H	S	N	S	N
91	Bào chế và công nghệ dược phẩm 2 – Thực hành	H	S	S	H	S	N	S	H	H	N	N	H	S	H	H	N	S	H
92	Sản xuất thuốc 2	H	S	H	H	H	H	H	H	H	H	N	H	H	H	S	N	S	N
93	Thực phẩm chức năng	H	H	S	N	H	N	N	S	S	N	N	H	S	H	H	N	N	N
94	Hệ thống tri liệu mới và một số dạng thuốc đặc biệt	H	H	S	N	H	N	N	S	S	N	N	H	S	H	H	N	N	N
95	Chuyên đề Bào chế	H	H	H	N	H	N	N	H	H	N	N	H	H	H	H	N	N	N
96	Bệnh học	S	N	S	S	H	S	S	S	N	N	S	S	S	S	S	S	S	S

TT	Tên môn học	Chuẩn đầu ra (KQHTMĐ)																	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
97	Giải phẫu - sinh lý	S	N	S	S	S	S	S	S	N	S	S	S	S	S	S	S	S	S
98	Sinh lý bệnh - miễn dịch	S	N	S	S	H	S	S	S	N	N	S	S	S	S	S	S	S	S
99	Sinh lý & sinh lý bệnh -TH	S	N	S	S	S	S	S	S	N	S	S	S	S	S	S	S	S	S

IV. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐÃ THAM KHẢO

TT	Chương trình đào tạo ngành Dược của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Chương trình đào tạo ngành Dược của Trường ĐH Phạm Ngọc Thạch	Tỷ lệ giống nhau
Mục tiêu chung	Dược sĩ đại học có khả năng hướng dẫn và xây dựng quy trình thí nghiệm; nghiên cứu và vận dụng khoa học vào thực tiễn; xây dựng hồ sơ quy trình sản xuất và tiêu chuẩn chất lượng dược phẩm; duy trì và điều chỉnh kế hoạch kinh doanh phù hợp với thị trường; tư vấn các dịch vụ chăm sóc dược phù hợp với người bệnh; đánh giá mức độ tuân thủ các quy định hành nghề dược	Dược sĩ trình độ đại học có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt, có kiến thức khoa học cơ bản và y dược học cơ sở, có kiến thức và kỹ năng chuyên môn để hướng dẫn sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả; quản lý và cung ứng thuốc tốt; có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học để nâng cao trình độ chuyên môn, góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.	
Mục tiêu cụ thể	Kiến thức - Vận dụng kiến thức về kỹ thuật phòng thí nghiệm, nghiên cứu khoa học vào thực tiễn để xây dựng quy trình sản xuất, kiểm nghiệm, kinh doanh dược phẩm và tư vấn, cung cấp dịch vụ chăm sóc dược; - Vận dụng chính sách Dược; - Giải thích cách vận hành trang thiết bị, quy trình sản xuất, công tác lâm sàng, và lập kế hoạch nghiên cứu - phát triển ngành Dược dựa trên kiến thức cơ sở và chuyên môn; - Đánh giá và phân loại các biến động trong quy trình sản xuất, phát triển thị trường dược phẩm; - Sử dụng nghiên cứu phù hợp với sự phát triển của ngành Dược; - Đánh giá quy trình sản xuất, chất lượng sản phẩm; tuân thủ chính sách dược; thực trạng sử dụng thuốc trong chăm sóc dược. Kỹ năng - Vận hành thành thạo và hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị trong sản xuất và kiểm nghiệm; - Bảo trì tốt các trang thiết bị trong sản xuất và kiểm nghiệm; phân loại và bảo quản tốt các sản phẩm kinh doanh và chăm sóc dược; - Cải tiến dây chuyền sản xuất và kinh doanh dược phẩm theo hệ thống GPs;	Giống chuẩn đầu ra	80%

TT	Chương trình đào tạo ngành Dược của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Chương trình đào tạo ngành Dược của Trường ĐH Phạm Ngọc Thạch	Tỷ lệ giống nhau
	- Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định, pháp luật về dược; - Trình bày thông tin thuốc trong chăm sóc và kinh doanh dược; - Phân tích NCKH trong ngành Dược. Thái độ - Tuân thủ tiết kiệm trong công việc và bảo vệ môi trường; - Giải thích các quy định, pháp luật về dược; - Đánh giá tình hình phát triển dược thế giới; - Có trách nhiệm trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân và nguyện vọng của khách hàng; - Tôn trọng khách hàng, đồng nghiệp khi hành nghề dược; - Lắng nghe ý kiến của khách hàng, đồng nghiệp và đối tác.		
Chuẩn đầu ra	Kiến thức - Nắm vững kiến thức về kỹ thuật phòng thí nghiệm, thành tựu NCKH vào sản xuất, kiểm nghiệm và kinh doanh dược phẩm, chăm sóc dược; - Nắm vững chính sách Dược - Sử dụng kiến thức trong vận hành trang thiết bị, sản xuất, công tác lâm sàng, nghiên cứu khoa học; - Phân tích các biến động trong quy trình sản xuất, phát triển thị trường dược phẩm; - Đưa ra các nghiên cứu phù hợp với sự phát triển của ngành Dược; - Khái quát hóa quy trình sản xuất, chất lượng sản phẩm; tuân thủ chính sách dược; thực trạng sử dụng thuốc trong chăm sóc dược.	Kiến thức <i>Về chính trị</i> Hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh để vận dụng vào việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân. <i>Về ngoại ngữ</i> - Đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu tương đương TOEIC 450; - Có khả năng giao tiếp thông thường và khai thác sử dụng được các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh. <i>Về tin học</i> - Vận dụng được các kiến thức cơ bản của tin học trong soạn thảo, trình bày văn bản, tính toán và thống kê; - Có khả năng tiếp cận, sử dụng một số phần mềm thông dụng trong lĩnh vực Y Dược; - Có khả năng khai thác và sử dụng được các dịch vụ cơ bản của	

TT	Chương trình đào tạo ngành Dược của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Chương trình đào tạo ngành Dược của Trường ĐH Phạm Ngọc Thạch	Tỷ lệ giống nhau
		internet trong tìm kiếm và trao đổi thông tin. Về chuyên môn - Có kiến thức khoa học cơ bản, y dược học cơ sở và có phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học; - Có kiến thức chuyên môn cơ bản về sản xuất, đảm bảo chất lượng, cung ứng, tư vấn sử dụng thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng; - Nắm vững được các chủ trương, chính sách và các quy định của pháp luật liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; - Có kiến thức bổ trợ về một trong các lĩnh vực sau: + Dược lâm sàng + Tổ chức quản lý và cung ứng thuốc	
	Kỹ năng - Sắp xếp hợp lý các trang thiết bị trong sản xuất, kiểm nghiệm, các sản phẩm trong kinh doanh và chăm sóc dược; - Sử dụng đúng các trang thiết bị, quy trình sản xuất, kiểm nghiệm; - Vận hành dây chuyền sản xuất và kinh doanh dược phẩm theo hệ thống GPs; - Thực hiện đúng các quy định, pháp luật về dược; - Giải thích thông tin thuốc trong chăm sóc và kinh doanh dược; - Thực hành NCKH trong ngành Dược.	Kỹ năng Kỹ năng cứng - Tổ chức và triển khai được thực hành tốt trong các lĩnh vực: tồn trữ, cung ứng và tư vấn sử dụng thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng. Tham gia các hoạt động khoa học công nghệ trong các lĩnh vực trên; - Triển khai thực hiện các văn bản pháp quy về dược và kiểm tra việc thực hiện các văn bản đó; - Xây dựng và triển khai kế hoạch công tác dược trong các cơ sở y tế, cộng đồng và các chương trình y tế quốc gia; - Tư vấn và hướng dẫn dược cho các nhân viên y tế và cộng đồng về thuốc; - Thu nhập, tổng hợp, phân tích, đánh giá và phổ biến được các thông tin liên quan đến thuốc. Có chuyên môn về một trong các lĩnh vực sau:	

TT	Chương trình đào tạo ngành Dược của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Chương trình đào tạo ngành Dược của Trường ĐH Phạm Ngọc Thạch	Tỷ lệ giống nhau
		- Dược lâm sàng (phân tích được cách dùng thuốc trong lâm sàng; tư vấn, hướng dẫn sử dụng thuốc hợp lý cho nhân viên y tế và bệnh nhân; thực hiện được quy trình thông tin thuốc); - Tổ chức quản lý và cung ứng thuốc (thực hiện được các phương pháp, các chức năng quản lý và kinh tế được trong lựa chọn, mua sắm, phân phối, sử dụng thuốc và các dịch vụ y tế phù hợp với từng địa phương, đơn vị). Kỹ năng mềm - Có khả năng làm việc nhóm; - Tổ chức và quản lý được các nguồn lực, dịch vụ cũng như môi trường làm việc; - Thiết lập và quản lý thời gian làm việc một cách hiệu quả - Có khả năng thuyết trình với ngôn ngữ, phong cách và thời lượng phù hợp	
	Thái độ - Ý thức tiết kiệm trong công việc và bảo vệ môi trường; - Tuân thủ các quy định, pháp luật về dược; - Nhận xét tình hình phát triển dược thế giới; - Chịu trách nhiệm trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân và nguyện vọng của khách hàng; - Quan tâm khách hàng, đồng nghiệp khi hành nghề dược; - Chia sẻ ý kiến của khách hàng, đồng nghiệp và đối tác.	Thái độ - Có động cơ học tập và làm việc đúng đắn, nhận thức được nhu cầu cập nhật kiến thức liên tục; - Có đạo đức nghề nghiệp, hành nghề đúng pháp luật, trung thực, khách quan; - Có trách nhiệm công dân, ý thức cộng đồng; - Có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp; - Nhận thức rõ và có ý thức bảo vệ môi trường; - Có ý thức rèn luyện sức khỏe, bảo vệ an ninh quốc phòng.	
Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp	- Quản lý sản xuất; - Dược sĩ nhà thuốc; - Quản lý chuyên môn tại cơ sở kinh doanh và xuất nhập khẩu thuốc; - Cán bộ nghiên cứu/ giảng dạy; - Cán bộ kiểm nghiệm; - Cán bộ công tác tại các Cơ quan quản lý Nhà nước về Dược;	- Đảm nhiệm các vị trí công tác dược trong các Bệnh viện, cơ quan thuộc Sở Y tế, hoặc các trung tâm y tế và các cơ sở y tế khác có yêu cầu sử dụng dược sĩ. - Có khả năng giảng dạy, nghiên cứu khoa học trong các đơn vị đào	

TT	Chương trình đào tạo ngành Dược của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Chương trình đào tạo ngành Dược của Trường ĐH Phạm Ngọc Thạch	Tỷ lệ giống nhau
	- Nhân viên kinh doanh và marketing Dược ;...	tạo và nghiên cứu chuyên môn dược.	

V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Hình thức tổ chức giảng dạy

Chương trình đào tạo Dược sĩ Đại học áp dụng học chế tín chỉ. Giảng viên “lấy người học làm trung tâm”, định hướng giúp sinh viên sử dụng hiệu quả “2 tiết tự học” cho “1 tiết lên lớp”; giảng dạy lý thuyết gắn liền với thực hành đủ để sinh viên củng cố kiến thức lý thuyết thông qua thực hành.

2. Hình thức kiểm tra, đánh giá

2.1. Lý thuyết: có 3 cột điểm đánh giá

Kiểm tra thường xuyên và thi giữa kỳ: Đánh giá trong thời gian học. Giảng viên chọn lựa các tình huống có liên quan đến chủ đề bài học và yêu cầu sinh viên giải quyết các nội dung liên quan đến tình huống. Tùy theo mức độ khó/ dễ của từng tình huống, sinh viên trình bày câu trả lời dạng bài viết hoặc vấn đáp dạng cá nhân hoặc thảo luận và thuyết trình ngắn;

Thi kết thúc học phần: Sinh viên thi tập trung theo kế hoạch tại các giảng đường.

Tiêu chí chấm điểm: Chấm bài tập, thi giữa kỳ, thi kết thúc học phần theo thang điểm của đáp án bài tập, đề thi. Điểm tổng kết học phần là điểm trung bình của 3 cột (làm tròn đến 1 số thập phân). Sinh viên đạt yêu cầu khi điểm số ≥ 4 .

2.2. Thực hành: có 3 cột điểm đánh giá

Kiểm tra thường xuyên và thi giữa kỳ: Đánh giá trong thời gian học. Hình thức đánh giá thay đổi tùy theo yêu cầu từng học phần.

Thi kết thúc học phần: Sinh viên thi tập trung theo kế hoạch tại các phòng thí nghiệm.

Tiêu chí chấm điểm: Chấm bài tập, thi giữa kỳ, thi kết thúc học phần theo thang điểm của đáp án bài tập, đề thi. Điểm tổng kết học phần là điểm trung bình của 3 cột (làm tròn đến 1 số thập phân). Sinh viên đạt yêu cầu khi Điểm kết thúc $\geq$

2.3. Thực tập tốt nghiệp

Hàng năm Nhà trường tổ chức xét điều kiện đi thực tập tốt nghiệp cho sinh viên. Tại thời điểm xét điều kiện thực tập tốt nghiệp, sinh viên phải hoàn thành 60% số tín chỉ trong chương trình đào tạo và không được nợ các học phần chuyên ngành đào tạo. Điều kiện thực tập tốt nghiệp các khoa thông báo cụ thể đến sinh viên ngay từ đầu khóa học hoặc chậm nhất tại thời điểm Khoa chia chuyên ngành.

2.4. Khóa luận tốt nghiệp

Hàng năm, trước thời điểm sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp ba học kỳ, các đơn vị tổ chức xét điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp và công bố danh sách sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp;

Tại thời điểm xét làm khóa luận tốt nghiệp, sinh viên phải hoàn tất điểm các học phần được tổ chức học ở học kỳ trước đó và không được nợ các học phần chuyên

ngành. Ngoài ra, tùy theo đặc thù của từng ngành đào tạo, Trường đơn vị đào tạo có quy định thêm điều kiện cụ thể sinh viên được làm khóa luận tốt nghiệp trình phòng Quản lý đào tạo và Ban giám hiệu phê duyệt và thông báo cho sinh viên ngay từ đầu khóa học hoặc chậm nhất tại thời điểm Khoa chia chuyên ngành;

Trong trường hợp có điều chỉnh, Trường đơn vị phải làm tờ trình phòng QLĐT và BGH xem xét phê duyệt trước 2 học kỳ tổ chức xét điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp

2.5. Học các học phần thay thế

Những sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp, phải đăng ký học các học phần thay thế có khối lượng tương đương số tín chỉ của khóa luận tốt nghiệp để tích lũy đủ tín chỉ trong chương trình đào tạo;

Trường hợp, sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp, sinh viên được tự do lựa chọn việc làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế;

Sinh viên đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì không được đăng ký làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế.

**K.T. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Trần Ái Cẩm

TRƯỞNG KHOA

GS.TS. Nguyễn Văn Thanh

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
NGÀY... 11/4/2023
SỐ..... QUYỀN:.....CTBS

**TL. HIỆU TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG TRƯỞNG**



ThS. Hoàng Hữu Tiến

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1) Thông tin về học phần

- Tên Học phần: Thực tập tốt nghiệp
- Tên tiếng Việt: Thực tập tốt nghiệp
- Tên tiếng Anh: Practical graduation pharmacy
- Mã số Học phần: 076584
- Số tín chỉ: 05
- Trình độ: dành cho sinh viên năm thứ năm.
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒				
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☒		
		Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:
Môn học tiên quyết: *nhập môn ngành dược*
Môn học trước: Bào chế và công nghiệp dược 1, 2; dược lý, thực hành dược lý, dược lâm sàng, pháp chế dược.
Môn học song hành: không
- Phân bố thời gian chi tiết:
+ Lý thuyết: 0 tiết
+ Thực hành: 300 tiết
+ Các hoạt động khác: (*Thảo luận/Thuyết trình nhóm, bài tập, trò chơi, đồ vui, diễn kịch, xem phim...*): 0 tiết
+ Tự học: 600 tiết

2) Mô tả vắn tắt nội dung Học phần

Thực tập thực tế tại các cơ sở kinh doanh dược như các công ty kinh doanh dược phẩm, xí nghiệp sản xuất dược phẩm, bệnh viện, nhà thuốc nhằm rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết cho sinh viên. Xây dựng và phát triển thái độ tích cực trong công việc liên quan đến sức khỏe và bệnh nhân.

3) Tài liệu học tập

- Tài liệu/ giáo trình chính, bắt buộc:
(1) *Tổ thực tập tốt nghiệp, 2017, Đề cương thực tập tốt nghiệp, lưu hành nội bộ.*
- Tài liệu/ giáo trình tham khảo:

4) Mục tiêu của Học phần

Mục tiêu (Goals)	Mô tả	CDR của CTĐT (Ghi mã số CDR của CTĐT ở cấp độ 3 mà học phần đóng góp vào việc thực hiện CDR)
---------------------	-------	---

Mục tiêu (Goals)	Mô tả	CĐR của CTĐT (Ghi mã số CĐR của CTĐT ở cấp độ 3 mà học phần đóng góp vào việc thực hiện CĐR)
G ₁	Hiểu biết thực tế về các hoạt động hành nghề được tại các cơ sở sản xuất và kinh doanh dược phẩm, bệnh viện hoặc trung tâm y tế quận/huyện, các nhà thuốc tư nhân hoặc nhà thuốc chuỗi. Tham gia thực hành nghề nghiệp cùng các nhân sự tại từng cơ sở qua đó học tập được thực tế công việc gắn với kiến thức chuyên môn được tích lũy.	K1, K2, K3, K4, K5, K6
G ₂	Tiếp cận được với công việc chuyên môn về dược tại khoa dược bệnh viện, nhà thuốc tư nhân, chuỗi nhà thuốc, công ty phân phối thuốc và xí nghiệp sản xuất dược phẩm. Mô tả và phân tích được các hoạt động chuyên môn liên quan ở từng vị trí công việc được biết tại cơ sở thực tập.	K1, K2, K3, K4, K5, K6 S1, S2, S3, S4, S5, S6
G ₃	Tự tin và chủ động tham gia làm việc với các nhân viên tại cơ sở, thực hành chuyên môn nghề nghiệp. Giao tiếp tốt với bệnh nhân, với đồng nghiệp và làm việc nhóm tại cơ sở thực tập. Tổ chức quản lý thời gian học tập hiệu quả. Có khả năng định hướng đúng vị trí công việc trong tương lai.	S1, S2, S3, S4, S5, S6
G ₄	Vận dụng kiến thức thực tế để viết báo cáo kết thúc môn. Phân tích thị trường công việc và chọn lựa cơ hội công việc phù hợp. Có kỹ năng làm việc đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng sau khi sinh viên tốt nghiệp.	A1, A2, A3, A4, A5, A6

5) Chuẩn đầu ra của Học phần

Sử dụng Thang Bloom để mô tả các nội dung của CĐR học phần

I: Introduce (mức giới thiệu nội dung).

T: Teach (mức giảng dạy có phân cấp độ a, b, c → VD: Ta, Tb, Tc)

U: Utilize (mức sử dụng có phân cấp độ a, b, c → VD: Ua, Ub, Uc)

CĐR	Mô tả	Mức độ I/T/U
G1.1	Hiểu biết thực tế về các hoạt động hành nghề được tại các cơ sở sản xuất và kinh doanh dược phẩm, bệnh viện hoặc trung tâm y tế quận/huyện, các nhà thuốc tư nhân hoặc nhà thuốc chuỗi. Từ đó tham gia thực hành nghề nghiệp cùng các nhân sự tại từng cơ sở qua đó học tập được thực tế công việc gắn với kiến thức chuyên môn được tích lũy.	Ua
G1.2	Nhận biết thực tế công việc chuyên môn cùng với nhân sự tại từng cơ sở qua đó củng cố kiến thức chuyên môn được tích lũy.	Tb/Ub
G2.1	Tiếp cận được với công việc chuyên môn về dược tại khoa dược bệnh viện, nhà thuốc, công ty phân phối thuốc và xí nghiệp sản xuất dược phẩm.	Tb
G2.2	Mô tả và phân tích được các hoạt động chuyên môn liên quan ở từng vị trí công việc được biết tại cơ sở thực tập.	Tb
G3.1	Tự tin và chủ động tham gia làm việc với các nhân viên tại cơ sở, thực hành chuyên môn nghề nghiệp.	Ic/Tb

G3.2	Giao tiếp tốt với bệnh nhân, với đồng nghiệp và làm việc nhóm tại cơ sở thực tập. Có khả năng tổ chức quản lý thời gian học tập hiệu quả. Có khả năng định hướng đúng vị trí công việc trong tương lai.	Ic/Tb
G4.1	Vận dụng được kiến thức thực tế để viết báo cáo kết thúc môn. Phân tích thị trường công việc và chọn lựa cơ hội công việc phù hợp.	Ua
G4.2	Có kỹ năng làm việc đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng sau khi sinh viên tốt nghiệp.	Ua

6) Kiểm tra, đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá (<i>assessment – viết tắt A)</i>	CĐR môn học (<i>Ghi mã số của CĐR</i>)	Tiêu chí đánh giá (<i>Trình bày lần lượt theo trình tự: Kiến thức, Kỹ năng, Thái độ</i>)	Chuẩn đánh giá (<i>Khung đánh giá/Rubric</i>) (<i>Chia khung đánh giá hoặc Rubric không quá chi tiết, gợi ý từ 3-5 bậc</i>)	Tỷ lệ (%) (<i>điểm số của học phần 10-100%</i>)
A1. Đánh giá quá trình của học phần	A1.1 Phòng vấn tại lớp, trả lời ngắn	G1.1 G1.2 G2.1 G2.2 G3.1 G3.2 G4.1 G4.2	Kiến thức: Tổng hợp kiến thức chuyên môn về các vị trí công việc của dược sĩ tại xí nghiệp sản xuất dược phẩm, khoa dược bệnh viện Kỹ năng: hiểu được thực tế công việc của dược sĩ tại các bộ phận liên quan trong xí nghiệp sản xuất dược phẩm, công tác lâm sàng tại khoa dược bệnh viện Thái độ: chủ động tìm hiểu	Hiểu đúng kiến thức Trình bày hiểu biết qua khả năng giải đáp, kiến thức trả lời đúng, đạt yêu cầu.	20%
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Phòng vấn tại lớp, trả lời ngắn	G1.1 G1.2 G2.1 G2.2 G3.1 G3.2 G4.1 G4.2	Kiến thức: Tổng hợp kiến thức chuyên môn về các vị trí công việc của dược sĩ tại khoa dược và các khoa phòng chuyên môn tại công ty phân phối dược phẩm, nhà thuốc đạt chuẩn GPP. Kỹ năng: hiểu được thực tế công việc của dược sĩ tại các bộ phận liên quan trong khoa dược và vai trò, vị trí công việc của dược sĩ trong công tác cung ứng, bán lẻ dược phẩm Thái độ: nghiêm túc, thể hiện tư duy độc lập	Hiểu đúng kiến thức Trình bày hiểu biết qua khả năng giải đáp, kiến thức trả lời đúng, đạt yêu cầu.	30%

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá (assessment – viết tắt A)	CĐR môn học (Ghi mã số của CĐR)	Tiêu chí đánh giá (Trình bày lần lượt theo trình tự: Kiến thức, Kỹ năng, Thái độ)	Chuẩn đánh giá (Khung đánh giá/Rubric) (Chia khung đánh giá hoặc Rubric không quá chi tiết, gợi ý từ 3-5 bậc)	Tỷ lệ (%) (điểm số của học phần 10-100%)
A2. Đánh giá kết thúc	A3.1 Tiểu luận/ bài báo cáo thực tập	G1.1 G1.2 G2.1 G2.2 G3.1 G3.2 G4.1 G4.2	Kiến thức: hiểu được thực tế công việc của dược sĩ trong các lĩnh vực nghề nghiệp Kỹ năng: Vận dụng kiến thức tổng hợp để xác định công việc phù hợp theo định hướng Thái độ: nghiêm túc, thể hiện tư duy độc lập	Hiểu đúng kiến thức Tổng hợp kiến thức thành bài báo cáo thực tế.	50%

Điểm đạt tối thiểu: 4/10

Hướng dẫn hình thức và tiêu chí chấm điểm

Yêu cầu ra đề thi

- Đối với dẫn giá quá trình/thi giữa kỳ/kết thúc học phần: 5 câu hỏi ngắn hoặc câu hỏi phỏng vấn, làm bài trong 30 phút, loại đề đóng, không được dùng tài liệu.
- Đối với viết tiểu luận: Độ dài khoảng 40 – 50 trang 4A, in một mặt, đóng bìa cứng.

Tiêu chí chấm tiểu luận

Nội dung	50%	Khả năng lý luận/phê phán Khả năng thu thập tài liệu
Cấu trúc/Tổ chức	20%	Tư duy logic
Trình bày báo cáo	30%	Khả năng trình bày

7) Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Buổi /tuần	Nội dung bài học	CĐR của học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	BÀI 1: Giới thiệu tổng quan chương trình thực tập	G1.1 G1.2 G2.1 G2.2 G3.1 G3.2 G4.1 G4.2	- Giảng viên cung cấp thông tin chương trình thực tế theo từng lĩnh vực công tác chuyên môn, các quy định và chuẩn bị tài liệu kiến thức trước khi học thực tế tại cơ sở. - Sinh viên: lĩnh hội các yêu cầu cần chuẩn bị và nghiêm túc thực hiện để tiếp cận thực tế tốt hơn - Giảng viên và sinh viên cùng thảo luận các vấn đề có liên quan	A1.1 A2.1 A3.1
2	BÀI 2: Thực tập thực tế tại khoa dược bệnh viện	G1.1 G1.2 G2.1 G2.2 G3.1 G3.2	- Cán bộ hướng dẫn sinh viên các quy định pháp luật về tổ chức hoạt động của khoa dược bệnh viện, các quy chế được chính, các hoạt động liên quan về cung ứng thuốc trong bệnh viện. Hướng dẫn các kỹ năng làm việc cùng với cán bộ tại cơ sở. - Sinh viên tiếp thu các kiến thức thực tế và vận dụng trong hoạt động hành nghề. Tham gia các hoạt động chuyên môn cùng với các cán bộ tại cơ sở. - Giảng viên và sinh viên cùng thảo luận các vấn đề có liên quan	A1.1 A2.1 A3.1

3	BÀI 3: Thực tập thực tế tại các khoa lâm sàng về sử dụng thuốc	G1.1 G1.2 G2.1 G2.2 G3.1 G3.2	- Cán bộ hướng dẫn sinh viên các hoạt động của hội đồng thuốc và điều trị, vai trò và công tác của dược sĩ lâm sàng trong bệnh viện. Hướng dẫn các nguyên tắc sử dụng thuốc tại các khoa phòng lâm sàng. - Sinh viên tham gia xem xét hoạt động dược lâm sàng tại khoa dược và các khoa phòng lâm sàng tại bệnh viện. Xem xét các hồ sơ bệnh án và đơn thuốc ngoại trú theo chỉ định dùng thuốc liên quan. - Giảng viên và sinh viên cùng thảo luận các vấn đề có liên quan	A1.1 A2.1 A3.1
4	BÀI 4: Thực tập thực tế tại xí nghiệp sản xuất dược phẩm	G1.1 G1.2 G2.1 G2.2 G3.1 G3.2	- Cán bộ hướng dẫn sinh viên về các quy định pháp luật đối với nhà máy sản xuất đạt chuẩn GMP (Bộ Y Tế) phù hợp với cơ sở thực tập: Triển khai các hoạt động chuyên môn của các bộ phận, khoa phòng trong nhà máy. Hướng dẫn sinh viên thực địa dây chuyền sản xuất một dạng bào chế bất kỳ đạt chuẩn GMP của cơ sở. Hướng dẫn sinh viên làm gia công tác chuyên môn phù hợp tại cơ sở thực tập. - Sinh viên chuẩn bị kiến thức để học tập thực tế có hiệu quả, tuân thủ các quy định nghiêm ngặt trong nhà máy khi tham gia thực địa và công tác chuyên môn. - Giảng viên và sinh viên cùng thảo luận các vấn đề có liên quan	A1.1 A2.1 A3.1
5	BÀI 5: Thực tập thực tế tại nhà thuốc đạt chuẩn GPP	G1.1 G1.2 G2.1 G2.2 G3.1 G3.2	- Cán bộ hướng dẫn sinh viên cách thức tổ chức và vận hành hoạt động của nhà thuốc đạt chuẩn GPP theo quy định của Bộ Y Tế. Triển khai thực hành các hoạt động chuyên môn liên quan tại nhà thuốc như bảo quản thuốc, nhập thuốc từ các nhà cung ứng hợp pháp, tư vấn và bán thuốc, các quy định lưu trữ chứng từ, quản trị hoạt động tại nhà thuốc. - Sinh viên tích cực học tập thực tế, tham gia các hoạt động chuyên môn tại nhà thuốc với tư cách là nhân viên bán thuốc, tư vấn sử dụng thuốc cho bệnh nhân, chủ nhà thuốc kinh doanh cá thể. - Giảng viên và sinh viên cùng thảo luận các vấn đề có liên quan	A1.1 A2.1 A3.1
6	BÀI 6: Thực tập thực tế tại công ty phân phối dược phẩm	G1.1 G1.2 G2.1 G2.2 G3.1 G3.2	- Cán bộ hướng dẫn sinh viên cách thức tổ chức và vận hành hoạt động của một công ty phân phối dược phẩm trên thị trường. Hướng dẫn các hoạt động chuyên môn của công ty cho sinh viên được học tập thực tế nghề nghiệp và trải nghiệm trong các hoạt động công việc cùng với cán sự tại công ty. Các công ty phân phối đạt chuẩn GDP theo quy định của Bộ Y Tế là cơ hội lớn cho các sinh viên được chọn cơ hội nghề nghiệp tương lai. - Sinh viên chuẩn bị kiến thức về GDP theo quy định và tham chiếu với thực tế khi thực tập với cơ sở. Học tập cách thức hoạt động của một công ty để định hướng triển vọng nghề nghiệp chuyên môn và kinh doanh dược phẩm trong tương lai. - Giảng viên và sinh viên cùng thảo luận các vấn đề có liên quan	

8) Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.

- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp.
- Tuyệt đối không được vắng quá 20% thời gian lên lớp hay không tham gia báo cáo tổng kết môn học.
- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp.
- Nộp sản phẩm trễ sau 24 giờ theo quy định sẽ không nhận sản phẩm.

9) Giảng viên phụ trách học phần:

Tên: Ngô Ngọc Anh Thu	Học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 300A Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4	Số điện thoại cơ quan:
Email: thungo85@gmail.com	Website:
Cách liên lạc với giảng viên: 0939066213	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 4 năm 2023

Trưởng Khoa



Trưởng Bộ môn

Ngô Ngọc Anh Thu

Người biên soạn

Ngô Ngọc Anh Thu

GSTS. Nguyễn Văn Thanh

Lưu ý: Những đơn vị chưa có Trưởng bộ môn thì khi biên soạn được phép bỏ cột trưởng bộ môn.



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC QUỐC TẾ HỒNG BÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành học: Răng Hàm Mặt
Mã ngành: 7720501
Thời gian đào tạo: 6 năm

Trình độ: Đại học
Hệ đào tạo: Chính quy
Đơn vị quản lý: P.QLĐT

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
HỌC KỲ 1			21	20	1
1	02764	Intensive English-A1a	3	3	0
2	02765	Intensive English-A1b	4	4	0
3	02766	Intensive English-A2a	3	3	0
4	02767	Intensive English-A2b	4	4	0
5	00008	Tin học đại cương	2	1	1
6	03807	Giải phẫu người (Phần 1)	3	3	0
7	03859	Tổng quan về ngành Răng Hàm Mặt	1	1	0
8	03860	Lịch sử phát triển và Tổ chức hành nghề Nha khoa (Phần 1)	1	1	0
HỌC KỲ 2			24	21	3
9	02768	Intensive English-B1a	4	4	0
10	02769	Intensive English-B1b	4	4	0
11	02770	Intensive English-B1c	4	4	0
11	02771	Intensive English-B1 ⁺	4	4	0
12	03876	Giải phẫu người (Phần 2)	3	2	1
13	03808	Giải phẫu răng (Phần 1)	2	1	1
14	03809	Mô học răng miệng	3	2	1
HỌC KỲ HÈ 1					
Dành cho sinh viên đăng ký học phần GDTC-ANQP, học lại, học vượt, ...					
HỌC KỲ 3			19	12	7
15	03801	Sinh học và di truyền	3	2	1

GIÁO D

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
16	03804	Tin học ứng dụng	2	1	1
17	03877	Giải phẫu răng (Phần 2)	3	1	2
18	03810	Phôi học răng miệng	1	1	0
19	03811	Sinh lý học răng miệng	4	3	1
20	03823	Vật liệu – thiết bị Nha khoa	3	2	1
21	03839	Bệnh Học Răng	1	1	0
22	03840	Chữa răng (Phần 1)	2	1	1
HỌC KỲ 4			20	12	8
23	03800	Dân số - truyền thông và giáo dục Sức khỏe	2	2	0
24	03803	Hóa học	3	2	1
25	03812	Hóa sinh vùng miệng	3	2	1
26	03824	Kiểm soát lây nhiễm trong Nha khoa	2	1	1
27	03825	Cần khớp học cơ sở	3	2	1
28	03832	Khám, xét nghiệm chẩn đoán vùng miệng và lập kế hoạch điều trị (Phần 1)	2	1	1
29	03837	Chẩn đoán hình ảnh Nha khoa (Phần 1)	2	1	1
30	03888	Chữa răng (Phần 2)	1	0	1
31	03862	Chụp ảnh trong Nha khoa	2	1	1
HỌC KỲ HÈ 2					
Dành cho sinh viên đăng ký học phần GDTC-ANQP, học lại, học vượt, ...					
HỌC KỲ 5			24	16	8
32	03802	Lý sinh	3	2	1
33	03805	Xác suất - Thống kê y học	2	2	0
34	03813	Vi sinh vùng miệng	3	2	1
35	03814	Giải phẫu bệnh	2	1	1
36	03815	Sinh lý bệnh - miễn dịch	3	2	0
37	03819	Nội cơ sở và bệnh lý	2	1	1
37	03820	Ngoại cơ sở và bệnh lý	2	1	1

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
38	03833	Bệnh lý vùng miệng và điều trị (Phần 1)	2	2	0
39	03887	Chẩn đoán hình ảnh Nha khoa (Phần 2)	3	1	2
40	03889	Chữa răng (Phần 3)	1	0	1
41	02003	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	2	0
HỌC KỲ 6			26	18	8
42	03806	Tâm lý y học – Đạo đức y học	2	2	0
43	03816	Dược học trong Nha khoa	2	2	0
44	03817	Sức khỏe cộng đồng và môi trường	1	1	0
45	03818	Điều dưỡng cơ bản	2	1	1
46	03828	Giải phẫu ứng dụng và Phẫu thuật thực hành hàm mặt	3	1	2
47	03829	Gây tê-mê vùng hàm mặt	2	1	1
48	03882	Khám, xét nghiệm chẩn đoán vùng miệng và lập kế hoạch điều trị (Phần 2)	1	0	1
49	03834	Bệnh toàn thân có liên quan vùng miệng	1	1	0
50	03838	Giải phẫu cắt lớp vùng miệng và hàm mặt	2	1	1
51	03890	Chữa răng (Phần 4)	1	0	1
52	03842	Bệnh học Nha chu (Phần 1)	2	1	1
53	03851	Đại cương về phục hình Răng	1	1	0
54	03861	Phương pháp nghiên cứu khoa học	1	1	0
55	02004	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	3	0
56	00007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
HỌC KỲ HÈ 3					
Dành cho sinh viên đăng ký học phần GDTC-ANQP, học lại, học vượt, ...					
HỌC KỲ 7			22	13	9
58	03822	Tai Mũi Họng	1	1	0



STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
59	03830	Nhở răng (Phần 1)	2	1	1
60	03883	Khám, xét nghiệm chẩn đoán vùng miệng và lập kế hoạch điều trị (Phần 3)	1	0	1
61	03836	Phẫu thuật chấn thương vùng hàm mặt (Phần 1)	2	1	1
62	03891	Chữa răng (Phần 5)	1	0	1
63	03841	Nội nha (Phần 1)	2	1	1
64	03895	Bệnh học Nha chu (Phần 2)	1	0	1
65	03843	Điều trị dự phòng bệnh Nha chu (Phần 1)	2	1	1
66	03846	Sự phát triển tâm sinh lý trẻ em ứng dụng trong điều trị răng miệng	1	1	0
67	03847	Điều trị học Răng trẻ em (Phần 1)	2	1	1
68	03852	Phục hình tháo lắp Bán Hàm (Phần 1)	2	1	1
69	03855	Nha khoa công cộng (Phần 1)	1	1	0
70	03863	Nha khoa dự phòng	1	1	0
71	00006	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	3	3	0
HỌC KỲ 8			21	7	14
72	03878	Nhở răng (Phần 2)	1	0	1
73	03831	Phẫu thuật miệng (Phần 1)	2	1	1
74	03884	Bệnh lý vùng miệng và điều trị (Phần 2)	1	0	1
75	03835	Phẫu thuật bẩm sinh vùng hàm mặt (Phần 1)	2	1	1
76	03892	Nội nha (Phần 2)	1	0	1
77	03896	Điều trị dự phòng bệnh Nha chu (Phần 2)	1	0	1
78	03898	Điều trị học Răng trẻ em (Phần 2)	1	0	1
79	03848	Kiến thức cơ bản chỉnh hình răng mặt	1	1	0
80	03900	Phục hình tháo lắp Bán Hàm (Phần 2)	1	0	1

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
81	03853	Phục hình tháo lắp Toàn Hàm (Phần 1)	3	1	2
82	03854	Phục hình cố định (Phần 1)	4	2	2
83	03903	Nha khoa công cộng (Phần 2)	1	0	1
84	03856	Chăm sóc răng miệng cho người khuyết tật/cao tuổi	2	1	1
HỌC KỲ 9			21	9	12
85	03821	Y học cổ truyền	1	1	0
86	03825	Cẩn khớp học ứng dụng	2	1	1
87	03827	Điều trị loạn năng hệ thống nhai	1	1	0
88	03879	Nhổ răng (Phần 3)	1	0	1
89	03880	Phẫu thuật miệng (Phần 2)	1	0	1
90	03893	Nội nha (Phần 3)	1	0	1
91	03897	Điều trị dự phòng bệnh Nha chu (Phần 3)	1	0	1
92	03844	Nha khoa cấy ghép	2	1	1
93	03899	Điều trị học Răng trẻ em (Phần 3)	1	0	1
94	03849	Khám và chẩn đoán chính hình răng mặt	2	1	1
95	03850	Chỉnh hình răng mặt can thiệp – Khí cụ tháo lắp	4	2	2
96	03901	Phục hình tháo lắp Toàn Hàm (Phần 2)	1	0	1
97	03902	Phục hình cố định (Phần 2)	1	0	1
98	03905	Lịch sử phát triển và Tổ chức hành nghề Nha khoa (Phần 2)	2	2	0
HỌC KỲ 10			21		
99	03881	Phẫu thuật miệng (Phần 3)	1	0	1
100	03885	Phẫu thuật bẩm sinh vùng hàm mặt (Phần 2)	1	0	1
101	03886	Phẫu thuật chấn thương vùng hàm mặt (Phần 2)	1	0	1
102	03894	Nội nha (Phần 4)	1	0	1
103	03845	Phục hình trên cấy ghép	2	1	1
104	03857	Đào tạo thực địa và Thực tập	3	1	2

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
		cộng đồng			
105	03864	Xử trí an toàn và chất lượng trong Nha khoa	1	1	0
106	03865	Nha khoa hiện đại và tương lai	1	1	0
Môn học tự chọn (Chọn 2 trong 4 môn)			4		
107	03866	Kinh tế y tế	2	1	1
108	03867	Pháp y	2	1	1
109	03868	Vật lý trị liệu	2	1	1
110	03869	Bệnh nghề nghiệp	2	1	1
Môn học tự chọn (Chọn 1 trong 3 nhóm)			6		
Nhóm Bệnh lý – Phẫu thuật					
111	03870	Chẩn đoán bệnh lý Miệng – Hàm Mặt	3	1	2
112	03871	Bệnh toàn thân và điều trị răng miệng	3	1	2
Nhóm Dự phòng – Phát triển					
113	03872	Điều trị học răng trẻ em	2	0	2
114	03873	Chỉnh hình răng mặt ứng dụng-cổ định	4	2	2
Nhóm Phục hồi					
115	03874	Điều trị bệnh Nha chu	3	1	2
116	03875	Phục hình nâng cao	3	1	2
HỌC KỲ 11			15		
117	03858	Nha khoa tổng quát (Phần 1)	15	0	15
HỌC KỲ 12			5		
118	03904	Nha khoa tổng quát (Phần 2)	5	0	5
Tổng cộng:			240		

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Thực tập Nội cơ sở và bệnh lý (đối tượng Sinh viên Răng Hàm Mặt – Năm thứ ba)
2. Số học phần quy định: 01 tín chỉ thực hành (thuộc học phần Nội cơ sở và bệnh lý)
3. Tổng số tiết học phần: 02 tuần
4. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Nội (Y học gia đình), Khoa Y
5. Nội dung và Mục tiêu học phần:

5.1. Nội tim mạch

- Làm được một bệnh án nội khoa hoàn chỉnh
- Biết cách ghi toa thuốc
- Chẩn đoán được cụ thể các bệnh sau:

- + Tăng huyết áp
- + Suy tim
- + Bệnh van tim
- + Bệnh động mạch vành cấp, mạn
- + Thấp tim (nếu có)
- + Viêm nội tâm mạc nhiễm trùng (nếu có)
- + Bệnh cơ tim (nếu có)

5.2. Nội hô hấp

- Mục tiêu chung khi bước ra khỏi trại hô hấp là nhận biết và tiếp cận được với bệnh nhân có bệnh lý cơ quan hô hấp, chẩn đoán và điều trị được một số các bệnh lý hô hấp thường gặp.

5.2.1. Mục tiêu tổng quát:

- Nhanh chóng ôn lại các chẩn đoán hội chứng và các bệnh lý hô hấp thường gặp
- Về cận lâm sàng đọc được phim Xq phổi, CT Scan, MRI lồng ngực nếu được, biện luận được các xét nghiệm thường quy máu, nước tiểu, ECG có liên quan đến bệnh lý hô hấp.

- Xử trí cấp cứu bệnh nhân suy hô hấp

- Biết được tác dụng chính, phụ, liều dùng của một số thuốc hô hấp thông thường

5.2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Thành thực các xác định và chẩn đoán phân biệt, mức độ, biến chứng (nếu có) được một số các bệnh lý hô hấp thường gặp.

- Đề nghị và biện luận tốt các cận lâm sàng hô hấp, biết phối hợp và giải thích lý luận các biểu hiện lâm sàng và cận lâm sàng

- Xử trí nhất là sơ cứu ban đầu các bệnh lý hô hấp nói trên

- Xử trí sơ cứu được bệnh nhân suy hô hấp, biết cách cho thở Oxy, thở các loại Venturi, masque túi, biết cho bệnh nhân phun khí dung, chỉ định các thuốc cấp cứu hô hấp, nếu biết đặt nội khí quản thì càng tốt

- Biết được tác dụng chính, phụ, liều dùng của một số thuốc hô hấp thông thường như dẫn phế quản, corticoid, kháng sinh, long đàm, các loại dịch truyền, các thuốc loãng đàm, tương tác thuốc khi sử dụng.

- Biết theo dõi diễn tiến điều trị bệnh nhân: theo dõi tình trạng khó thở, suy hô hấp, nhiễm trùng, các đợt cấp của bệnh lý mạn tính

- Biết tiên lượng bệnh

5.3. Tiêu hoá Gan mật

- Làm được một bệnh án nội khoa hoàn chỉnh

- Biết cách ghi toa thuốc

- Chẩn đoán được cụ thể các bệnh sau:

+ XHTH do viêm loét dạ dày tá tràng, do vỡ giãn TMTQ

+ Xơ gan và các biến chứng như VPM tự phát, bệnh não gan

+ Viêm loét dạ dày tá tràng, nhiễm H. pylori

+ Viêm tụy cấp

+ Viêm gan cấp, viêm gan mạn do siêu vi B, rượu

5.4. Nội thận

- Làm được một bệnh án nội khoa hoàn chỉnh

- Biết cách ghi toa thuốc

- Chẩn đoán được cụ thể các bệnh sau:

+ Suy thận mạn: điều trị bảo tồn và chỉ định các phương pháp điều trị thay thế thận

+ Suy thận cấp

+ Bệnh lý cầu thận

+ Viêm ống thận mô kẽ cấp và mạn

5.5. Nội tiết

- Làm được một bệnh án nội khoa hoàn chỉnh

- Biết cách ghi toa thuốc

+ Bệnh Đái Tháo Đường:

- Nắm được tiêu chuẩn chẩn đoán xác định bệnh đái tháo đường và chẩn đoán thể bệnh

- Biết cách hỏi bệnh sử, khám và biện luận chẩn đoán trường hợp bệnh đái tháo đường hay hạ đường huyết

- Nêu được các biến chứng cấp và mãn tính của bệnh đái tháo đường

- Biết cách hỏi bệnh sử, khám và đề nghị xét nghiệm để tầm soát biến chứng mãn tính trên bệnh nhân đái tháo đường

- Biết được cơ chế tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, tác dụng phụ của các thuốc viên hạ đường huyết

- Biết được các chế phẩm insulin, dược động học của từng loại insulin và cách chích insulin

- Biết cách chọn lựa, phối hợp thuốc thích hợp cho bệnh nhân đái tháo đường

+ Bệnh lý tuyến giáp:

- Biết cách hỏi bệnh sử và khám phát hiện các triệu chứng của hội chứng cường giáp (khám run tay, dấu ghê đầu, các biểu hiện ở mắt...) và hội chứng suy giáp trên bệnh nhân.

- Biết cách khám tuyến giáp và mô tả đầy đủ các tính chất của tuyến giáp khám được

- Nêu được các nguyên nhân của hội chứng cường giáp và hội chứng suy giáp

- Biết cách biện luận chẩn đoán và đề nghị cận lâm sàng cũng như biện luận kết quả cận lâm sàng để chẩn đoán xác định và chẩn đoán nguyên nhân của hội chứng cường giáp và hội chứng suy giáp.

- Nêu được các biện pháp điều trị cường giáp, suy giáp
- + Bệnh lý tuyến thượng thận
- Biết cách hỏi bệnh sử và khám phát hiện các triệu chứng của hội chứng Cushing và suy thượng thận mạn, suy thượng thận cấp
- Nêu được các nguyên nhân của hội chứng Cushing và suy thượng thận mạn, suy thượng thận cấp
- Biết cách đề nghị thực hiện các xét nghiệm theo thứ tự để biện luận chẩn đoán xác định, chẩn đoán nguyên nhân của hội chứng Cushing và suy thượng thận.

5.6. Cơ Xương Khớp

- Chẩn đoán được cụ thể các bệnh sau:

- + Loãng xương
- + Lupus đỏ
- + Viêm khớp dạng thấp, viêm khớp nhiễm trùng
- + Gout
- + Thoái hoá khớp

6. Phương pháp giảng dạy: Sinh viên chia nhóm kiến tập và thực hành làm bệnh án và trình bệnh án trên cas thực tế tại Bệnh viện

7. Tài liệu học tập: *Nội khoa cơ sở*, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (2010), NXB Y học.

8. Thi tín chỉ thực hành: MCQ, câu hỏi ngắn, tình huống hoặc bệnh án

9. Điểm công nhận đạt: từ 5 điểm trở lên *lsm*



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Thực tập Ngoại cơ sở và bệnh lý (đối tượng Sinh viên Răng Hàm Mặt – Năm thứ ba)
2. Số học phần quy định: 01 tín chỉ thực hành (thuộc học phần Ngoại cơ sở và bệnh lý)
3. Tổng số tiết học phần: 02 tuần
4. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Ngoại, Khoa Y
5. Nội dung và Mục tiêu học phần:
 - 5.1. Tiêu hoá
 - Kiến tập nội soi cắt túi mật
 - Kiến tập PT cắt dạ dày
 - Kiến tập PT cắt đại tràng
 - Kiến tập chọc hút áp-xe gan qua siêu âm
 - Kiến tập phẫu thuật tái tạo thành bẹn
 - Kiến tập phẫu thuật cắt trĩ/ cắt dò hậu môn
 - 5.2. Lồng ngực – mạch máu
 - Kiến tập phẫu thuật đặt ống dẫn lưu kín xoang màng phổi
 - Kiến tập phẫu thuật cắt tuyến giáp
 - 5.3 Cấp cứu
 - Kiến tập PTNS cắt ruột thừa
 - Kiến tập một cas nội soi ống tiêu hoá trên
6. Phương pháp giảng dạy: Sinh viên chia nhóm kiến tập và thực hành làm bệnh án và trình bệnh án trên cas thực tế tại Bệnh viện.
7. Tài liệu học tập: *Ngoại khoa cơ sở Triệu chứng học Ngoại Khoa*, Nguyễn Đình Hồi và cs (2008), NXB Y học, TP Hồ chí Minh
8. Thi tín chỉ thực hành: MCQ, câu hỏi ngắn, tình huống hoặc bệnh án
9. Điểm công nhận đạt: từ 5 điểm trở lên *Kon*

